

ANNIE BESANT

**ĐỜI SỐNG TINH THẦN**

*The Spiritual Life*

Tô Hiệp và nhóm dịch thuật Krotona

2010

## LỜI GIỚI THIỆU

Bà Annie Wood Besant (1847-1933) gia nhập hội Thông Thiên Học vào năm 1889, sau khi đọc quyển Giáo Lý Bí Truyền của bà Blavatsky và sau cuộc gặp gỡ đáng ghi nhớ với tác giả quyển sách. Giáo sư Arthur Nethercot viết: “Muốn tìm hiểu tiến trình tư tưởng của bà Besant, ta phải xem như có nhiều kiếp sống trong cuộc đời của bà.” Trước khi đến với Thông Thiên Học, Bà đã thâm cứu qua nhiều học thuyết khác nhau như: thuyết bất khả tri luận, hữu thần luận, vô thần luận v.v... Bà là nhà cải cách, bênh vực quyền phụ nữ cũng như quyền lợi của công nhân. Bà gia nhập hội Thông Thiên Học lúc 40 tuổi, từ đó bà đã đạt được nhiều thành quả hơn bất cứ người nào khác trong kiếp sống của họ.

Từ lúc gắn bó với hội TTH đến khi qua đời, cuộc đời và sự nghiệp của bà càng phát triển trên nhiều phương diện. Ngay sau khi gia nhập hội, bà trở thành một diễn giả của hội và nhanh chóng tiến lên vai trò lãnh đạo. Sau khi ông Olcott từ trần năm 1907, bà được bầu làm hội trưởng. Những bài viết và những buổi diễn thuyết hấp dẫn, thêm vào cá tính nhiệt thành và biệt tài quản lý hiếm có của bà đã thu hút hàng ngàn người đến với hội. Bà đã góp phần quan trọng trong phong trào giành độc lập cho Ấn Độ, xây dựng trường học và khuyến khích cải cách giáo dục khắp mọi nơi; nhận nuôi dạy một bé trai, J. Krishnamurti, và sau đó tuyên bố Krishnamurti sẽ là bậc thầy của thế giới; tất cả những điều đó tạo nên huyền thoại về bà. Bà phụng sự không mỗi mết, đối với bà triết lý TTH là thực hành, nó phải nói lên tình trạng của con người và những trạng thái của chính sự sống biểu lộ trong mọi hình thể. Bà là người bênh vực quyền phụ nữ trước khi phong trào đòi quyền phụ nữ được phát động; bà chủ trương bảo vệ môi sinh trước khi danh từ môi sinh học được mọi người biết đến; bà cổ động tinh thần tự do trong lúc phân nửa thế giới bị cai trị bởi chế độ thuộc địa.

Tuy nhiên, chỉ có một nguồn tư tưởng duy nhất xuyên qua tất cả những hoạt động của bà, đó là nối kết với sự sống bên trong. Tự truyện của bà cho thấy lúc còn trẻ, bà đã có ý tưởng sâu xa về thần bí, bà nhận thấy có một điều gì hiện hữu thâm sâu, bí mật trong con người. Lúc trưởng thành, cảm giác thần bí này mang những hình thức khác nhau, và bà tìm thấy mục tiêu mới trong sự diễn đạt tư tưởng minh triết thiêng liêng. Trước khi đến

với Thông Thiên Học, bà nghiên cứu sâu xa về duy vật luận, chủ thuyết này rất thịnh hành vào cuối thế kỷ 19. Tuy nhiên, sự soi sáng của minh triết thiêng liêng về bản chất con người, làm cho bà nhận thức phần tinh thần tiềm ẩn bên trong hình thể vật chất. Bà tiếp nhận ngay minh triết thiêng liêng, nhận ra giá trị của nó trong việc áp dụng thực tiễn vào đời sống con người, cũng như quan điểm của nó về sự phát triển tương lai nhân loại. Từ đó, sự lợi ích trên phương diện tinh thần thu hút bà nhiều hơn sự lợi ích trên phương diện vật chất và trí thức.

Những bài viết và thuyết giảng trong quyển sách này cho thấy bà chú trọng sự sống bên trong con người, và chứng tỏ rằng phải thay đổi từ bên trong tâm thức, nếu muốn những điều kiện bên ngoài được nâng cao. Sách được xuất bản lần đầu tiên gần 70 năm trước, nay được tái bản vì tư tưởng của bà vẫn thích hợp với hiện tại. Mặc dù có nhiều biến đổi trong thời đại mới, tức chu kỳ Bảo Bình “age of Aquarius”, nhân loại vẫn luôn khát khao hiểu biết chân lý sâu xa của đời sống, tức phần tinh thần bên trong. Người ta thường hỏi: con người có thể vừa sống một đời sống bình thường, vừa hướng đến sự sống tinh thần bên trong không? Có cách sống hay nguyên tắc đạo đức nào đưa con người đến minh triết hay không? Tiên sĩ Besant đã giải đáp thỏa đáng những câu hỏi này cùng những câu hỏi tương tự của con người hiện nay và những thời đại trước.

Một số chương trong quyển sách là những bài thuyết giảng của bà ở các thời điểm khác nhau. Nhiều chương được trích ra từ tạp chí The Theosophical Review, phát hành tại Luân Đôn, tạp chí này trước kia có tên Lucifer do bà Blavatsky làm chủ bút. Hai chương IX và X được đặc biệt chú ý, là hai bài giảng thuyết của bà Besant tại Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới được tổ chức tại Chicago năm 1893. Lúc ấy ông H. S. Olcott, hội trưởng Hội Thông Thiên Học, đã ủy nhiệm ông William Q. Judge hội trưởng xứ bộ TTH Hoa Kỳ đại diện cho hội Thông Thiên Học tại hội nghị, và bà Annie Besant với tư cách “ủy viên đặc biệt”, và là phát ngôn viên của hội. Những bài giảng thuyết của bà rất sống động, thu hút rất đông khán giả; giảng đường lớn dành cho hội không đủ chỗ ngồi. Tiên Sĩ Jerome Anderson, chủ bút tờ Pacific Theosophist, tường trình như sau: “Ít khi người ta thấy được tài hùng biện như con đại thủy triều tuôn ra từ môi con người như trường hợp bà Besant.” Khi nói về lòng vị tha, bà Besant đã đưa ra ý nghĩa chủ yếu cần thiết cho đời sống của con người trong hiện tại cũng như trong mọi thời đại là: “bổn phận tối thượng của chúng ta là thi hành theo qui luật sự sống của vũ trụ, đó là phụng sự nhân loại”. Đặc biệt trong bài giảng thứ nhì tại hội nghị, bà đã đưa ra kết luận rất quan trọng như sau: “...tất cả các quốc gia đều có nền tảng thiêng liêng...bạn chọn nơi bạn sống, Hoa kỳ vào những thế kỷ tới sẽ đem lại cho bạn cuộc sống hạnh phúc, hay xử phạt đối với sự thất

bại của bạn; vì chính bạn là những người tạo dựng nên thế giới, bạn như thế nào thì thế giới sẽ như thế ấy.”

Nếu hôm nay chúng ta đứng trước ngưỡng cửa một trật tự mới của thế giới, vượt ra ngoài những xung đột và bạo động, hướng đến sự tốt đẹp và hòa bình, thì quyển sách này có thể làm cho chúng ta thức tỉnh để gánh lấy trách nhiệm xây dựng một thế giới như thế; nó khuyến khích chúng ta sống một đời sống tốt lành, có căn bản tinh thần và hướng vào nội tâm, điều đó sẽ bảo đảm sự hài hòa giữa nhân loại và các quốc gia.

**Joy Mills**

## ĐỜI SỐNG TINH THẦN GIỮA THẾ GIỚI

Những người hay suy tưởng thường than phiền về hoàn cảnh sống của họ, có lẽ sau đây là một trong những lời than phiền tệ hại hơn hết: “Nếu tôi không ở vào hoàn cảnh này, tôi sẽ làm được rất nhiều việc; nếu tôi không phải giải quyết quá nhiều công việc, hay bận tâm về những bổn phận trong đời, tôi đã có thể sống một cuộc sống tinh thần tích cực hơn.”

Thật ra không đúng như thế, không hoàn cảnh nào có thể thúc đẩy hoặc ngăn cản sự phát triển cuộc sống tinh thần. Tinh thần không tùy thuộc vào môi trường chung quanh, mà nó tùy thuộc vào thái độ của chúng ta đối với cuộc sống.

Tôi muốn trình bày cho bạn thấy làm thế nào để thế gian trở thành phương tiện phụng sự cho tinh thần, thay vì nhận chìm nó như người ta thường thấy. Nếu con người không hiểu sự liên hệ giữa vật chất và tinh thần, nếu họ cho là đời sống thế gian và đời sống tinh thần mâu thuẫn nhau, đối nghịch nhau, thì sức ép tự nhiên của công việc thế gian và môi trường vật chất chung quanh, cùng những cạm bẫy quyến rũ liên tục của vật chất, thêm vào đó, trí óc luôn bận rộn với sự mưu sinh, đã làm trở ngại cho việc thực hiện đời sống tinh thần. Có lẽ chúng ta phải dựa vào khoa luyện kim tinh thần, hoặc vài phép thuật nào đó để thấy rằng chỉ có sự sống tinh thần là thực tại, và thực tại sẽ tự biểu lộ xuyên qua sự sống thế gian, khi ấy sự sống thế gian sẽ trở nên phương tiện để diễn đạt thực tại, chớ không phải tấm màn che lấp nó.

Bạn đã biết trong quá khứ, người ta thường trả lời một cách tiêu cực cho câu hỏi “con người có thể có một đời sống tinh thần khi đang sống ở thế gian hay không?” Ở khắp mọi nơi, mọi tôn giáo, mọi thời đại trong lịch sử thế giới, câu hỏi này đều được trả lời là “không”. Câu trả lời này đến từ vùng sa mạc Ai Cập, từ vùng rừng rậm Ấn Độ, từ những tu viện Thiên Chúa Giáo, từ nơi nào mà con người đi tìm Thượng Đế bằng cách xa lánh đồng loại. Nếu cần phải xa lánh đồng loại để hiểu được Thượng Đế, để sống một đời tinh thần, thì phần đông chúng ta không thể làm được. Vì chúng ta bị ràng buộc vào cuộc đời thế tục mà chúng ta không thể rời bỏ, và đã quen với sự tách rời phần thiêng liêng ra khỏi thế gian.

Ý tưởng cho rằng tôn giáo và thế tục phải được tách rời, đã được đặt trên một nền tảng sai lầm, và phần lớn được khuyến khích bởi nếp sống hiện

đại. Người đời nay có khuynh hướng phân chia giữa cái gọi là “linh thiêng” với “thế tục”. Người ta nói Chúa Nhật là ngày của Chúa, dường như có ý ám chỉ những ngày khác trong tuần không thuộc về Chúa, như thế người ta đã chạy theo thế tục hết 6 phần cuộc đời, chỉ còn lại một phần lo cho vấn đề tinh thần. Người ta thường nói về “lịch sử thế tục” và “thánh sử”, “giáo dục tôn giáo” và “giáo dục thế tục”, những câu nói này rất thường được lặp đi lặp lại, làm thối miên tâm trí quần chúng, khiến cho họ có sự hiểu biết sai lạc giữa tinh thần và thế tục. Thật ra chúng ta phải nói tinh thần là sự sống, thế gian là hình thể, và sự sống phải biểu lộ qua hình thể; nếu không, sẽ có hai phần riêng rẽ: một cái xác không sự sống, và một sự sống vô hình, không có phương tiện để tác động.

Nơi đây, tôi mạnh mẽ đưa ra một ý tưởng tổng quát, một nền tảng đúng đắn mà tôi tin tưởng về vấn đề này. Thế giới là tư tưởng của Thượng Đế, là sự biểu lộ của Thiên Trí. Tất cả những hoạt động hữu ích đều là hình thức của Hoạt Động Thiên Liêng. Thượng Đế chuyên động bánh xe thế giới, chúng ta chỉ là những thành phần của ngài, những bàn tay chạm vào vành bánh xe. Tất cả công việc thực hiện ở thế gian đều là công việc của Thượng Đế. Tất cả những công việc phụng sự nhân loại và trợ giúp trong sinh hoạt thế gian là những hoạt động thiên liêng, còn những việc sai trái là hoạt động nghịch lại thiên liêng. Người thư ký trong văn phòng hay vị bác sĩ trong bệnh viện đều đóng góp vào công việc thiên liêng giống như bất cứ vị giáo sĩ nào trong nhà thờ. Thấy được như thế, chúng ta sẽ có tầm nhìn hạnh phúc đến một sự sống duy nhất hiện diện trong mọi sự vật, và mọi sự vật đều diễn tả sự sống ấy.

## THIÊN LIÊNG Ở KHẮP MỌI NƠI

Cổ thư Ấn Độ viết: “Ta thành lập vũ trụ này bằng một mảnh vụn của chính ta, và ta hiện tồn.” Nếu chỉ có một sự sống trong đó bạn và tôi dự phần, một tư tưởng sáng tạo từ đó thế giới được thành lập và duy trì, thì sự biểu lộ ở thế gian hiển nhiên có tính cách thiên liêng. Hiểu được như thế là chúng ta đã được kề cận Thượng Đế. Nếu thật sự Ngài hiện diện khắp mọi nơi và ở trong mọi vật, thì Ngài phải có mặt ở phố chợ cũng như ở sa mạc, ở trong văn phòng cũng như ở trong rừng rậm, và người ta có thể dễ dàng tìm thấy Ngài trên đường phố của thành thị đông đúc, cũng như trên đỉnh núi hoang vu.

Trên dãy núi hùng vĩ đầy tuyết phủ, trong rừng thông xanh tươi, trong thung lũng sâu tuyệt đẹp, con người có thể dễ dàng nghe được âm thanh của thiên liêng, nếu chúng ta không nghe được là vì chúng ta bị điếc, chứ không phải vì thiên liêng không nói. Trong hoàn cảnh bận rộn huyên náo

của cuộc sống ở thành thị, và do sự cảm nhận khiếm khuyết, chúng ta không nghe được âm thanh thiêng liêng hằng phát ra. Khi chúng ta có khả năng cảm nhận mạnh mẽ hơn, tai chúng ta bén nhạy hơn, tinh thần phát triển nhiều hơn, chúng ta sẽ nhận thấy Sự Sống Thiêng Liêng trên chiếc cầu đang có xe lửa chạy qua, cũng như trong cảnh tượng thiên nhiên xinh đẹp trên đỉnh núi vắng vẻ, hay trong một bầu trời kỳ diệu giữa đêm khuya.

## SỰ THU HÚT CỦA THẾ GIAN

Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu xem những điều kiện gì đưa con người ở thế gian đến một đời sống tinh thần. Có bao giờ bạn tự hỏi tại sao có những sự vật thu hút bạn? Lòng ham muốn của bạn đáp ứng lại vẻ đẹp quyến rũ bề ngoài của vô số sự vật ở khắp mọi nơi. Nếu những sự vật không có ý thu hút, chúng không hiện diện tại đó; nếu thật sự chúng gây trở ngại, tại sao chúng được đặt trên đường đi của ta? Như một bà mẹ muốn khuyến dụ đứa con tập đi, bà lúc lắc trước mặt, ngoài tầm với của em bé vài món đồ chơi lấp lánh hấp dẫn đối với nó. Em bé nhìn theo món đồ chơi chói sáng ấy, muốn chụp lấy nó. Em cố gắng đứng dậy, té ngã và đứng dậy trở lại, cố gắng bước đi để chụp cho được món đồ. Giá trị của sự thu hút không ở nơi cái hào nhoáng của đồ vật mà em bé đã chụp lấy được, và chỉ một lúc sau đập bẻ nát quăng đi, rồi muốn thêm những đồ vật khác; mà giá trị của nó là kích thích sự sống bên trong, làm cho em bé cố gắng di động.

Tâm lòng vĩ đại của mẹ thiên nhiên đã huấn luyện ta, đưa đến trước mắt ta vài sự vật hấp dẫn, vài phần thưởng cho linh hồn non trẻ, làm cho năng lực tiềm ẩn bên trong hướng ra bên ngoài. Chỉ để kích thích năng lực bên trong hướng ra bên ngoài, chúng ta được mua chuộc, dỗ ngọt, và kích thích bởi vô số những sự vật nhỏ nhặt của cuộc đời ở rải rác khắp nơi. Chúng ta tranh đấu, cố gắng để đạt được và giữ chặt nó. Sau một thời gian ngắn, trái táo bóng loáng trở thành tro bụi như trong chuyện ngụ ngôn của Milton; cái phần thưởng có vẻ rất giá trị mất hết tính cách hấp dẫn của nó, trở nên không còn giá trị nữa, chúng ta lại muốn những sự vật khác, và bằng cách đó chúng ta tăng trưởng. Kết quả là do nơi chúng ta, một số năng lực được nảy sinh, một số quan năng được phát triển, một số sức mạnh nội tâm được biểu lộ thành năng lực, và một số khả năng tiềm tàng trở thành khả năng hành động. Khi kết quả của sự cố gắng đã đạt được, con người ném món đồ nhỏ nhặt qua một bên. Đó là mục đích của vị Thầy Thiêng Liêng.

Do đó chúng ta đi qua từ điểm này đến điểm kia, từ giai đoạn tiến hóa này đến giai đoạn tiến hóa khác. Chỉ đến khi bạn tin tưởng có sự tiếp tục tái sinh và tiếp tục kinh nghiệm, bạn mới nhận thức được đầy đủ vẻ đẹp và sự huy hoàng của cơ trời. Bạn nên biết, ngay trong một kiếp sống ngắn ngủi

điều bạn đạt được là tinh thần phấn đấu, chứ không phải sự thành đạt, hay phần thưởng của sự phấn đấu ở trong năng lực mà bạn sở hữu. Edward Carpenter, một văn sĩ thuộc thế kỷ 19, nói: “Mỗi niềm đau tôi phải gánh chịu trong cơ thể này là một năng lực giúp tôi hành động trong một cơ thể kế tiếp.” Ngay trong một giai đoạn ngắn ngủi từ lúc còn nằm trong nôi đến lúc được nằm trong nấm mồ, bạn cũng có thể theo dõi dấu vết sự tác động của luật trời. Bạn tăng trưởng không phải do những kết quả bên ngoài bạn đã đạt được, mà do sự khai mở bên trong, nó cần thiết cho sự cố gắng thành đạt của bạn.

## NHỮNG BÀI HỌC TỪ ĐỜI SỐNG THẾ GIAN

Khi con người đã đạt được sự khôn ngoan qua nhiều kinh nghiệm tự nhiên, thì sự vật sẽ mất đi năng lực thu hút của chúng. Lúc ấy, con người có khuynh hướng không muốn cố gắng nữa, nhưng đừng để rơi vào tình trạng trì trệ. Khi những sự vật ở thế gian trở nên không còn giá trị như trước, là lúc con người phải tìm những động lực mới. Đó là động lực thuộc đời sống tinh thần, khi ấy con người hành động vì bổn phận chứ không phải để hưởng phần thưởng cá nhân do hành động mang lại. Chúng ta hãy so sánh một người thế tục và một người sống cuộc đời tinh thần, để xem sự khác nhau như thế nào.

Người thế tục thường tìm cách làm ra thật nhiều của cải, họ theo đuổi tiền bạc và sự giàu có, tất cả đều phục vụ cho mục đích đó. Người ấy phải là ông chủ của xác thân, vì nếu xác thân là ông chủ thì người ấy phải dùng tiền bạc kiếm được để cung phụng cho xác thân, tiêu xài xa xỉ để làm thỏa mãn xác thân, số tiền mà đáng lẽ ông phải dành dụm để đẻ ra nhiều tiền hơn. Do đó việc thứ nhất mà người ấy phải làm là chế phục xác thân, tập cho nó làm việc nặng nhọc cực khổ, học cách sống đạm bạc, chịu đựng hoàn cảnh khó khăn. Khi cần đi xa suốt đêm để ký kết một giao kèo có lợi, ông bắt xác thân không được ngủ đầy đủ. Khi cần tham dự một cuộc họp tổ chức vào lúc nửa đêm để làm quen với một nhân vật có lợi trong việc làm ăn, ông không quan tâm là xác thân có cần nghỉ ngơi hay không. Sự phấn đấu chế ngự xác thân lặp đi lặp lại cho đến khi xác thân không còn tiếng nói quyết định trong những sinh hoạt của ông. Xác thân trở nên một dây tở văng lờ của ý chí, như thế điều đầu tiên ông ta học được là chinh phục xác thân.

Kế đến ông học cách tập trung cái trí. Nếu ông không có khả năng suy tính này, thì đối thủ của ông sẽ đánh bại ông trong thương trường. Nếu cái trí đi lang thang nơi này nơi kia, không quyết định; ngày nay thử phương cách này, ngày mai thử phương cách khác, không bền chí, không định trước vào một công việc, sẽ đưa đến thất bại. Mục đích mà ông theo đuổi dạy ông



tập trung cái trí; ông chỉ chú ý vào mục đích ấy, giữ nó trong trí đến khi nào ông còn cần nó. Ông bền chí cố gắng tập trung cái trí, từ đó trí lực của ông càng ngày càng mạnh hơn, sắc sảo hơn, và ông kiểm soát nó dễ dàng hơn. Như thế, chẳng những ông học được cách kiểm soát xác thân, mà còn học được cách kiểm soát thể trí.

Người thế tục tìm cách làm giàu, rồi còn học thêm được điều gì nữa? Một ý chí mạnh mẽ: vâng, chỉ có ý chí mạnh mẽ mới có thể thành công trong trường phấn đấu. Linh hồn trở nên vĩ đại nhờ sự cố gắng thành đạt. Người ấy đã làm chủ được xác thân, kiểm soát được thể trí, và có một ý chí mạnh mẽ, nhờ đó đạt được mục đích. Chuyện gì xảy ra tiếp theo? Ông ta nhận ra rằng những gì ông đạt được không đem lại hạnh phúc toàn vẹn, vì ông chỉ có một xác thân để sống, một cái miệng để ăn. Sự hưởng thụ có giới hạn, trong khi của cải làm ra thặng dư; cuối cùng ông nhận thấy khả năng có được hạnh phúc rất giới hạn.

Thay vì đem lại hạnh phúc, của cải vàng bạc trở thành một gánh nặng. Niềm vui thích đạt được lúc đầu nay trở nên nhạt nhẽo. Con người nhàm chán đối với những sở hữu, tuy nhiên trong nhiều trường hợp do thói quen con người cứ tiếp tục gom góp của cải vàng bạc. Những thứ đó trở thành ác mộng thay vì hạnh phúc, chúng dẫm nát người đạt được chúng.

Bây giờ chúng ta thử xem điều gì làm cho con người trở thành một người tinh thần? Vấn đề chỉ là sự thay đổi mục đích. Hãy để người thế tục ấy thức tỉnh, trong đời này hay đời khác, và nhận ra sự không có giá trị của vàng bạc mà ông đã gom góp; để ông nhìn ra sự đẹp đẽ của công việc phụng sự nhân loại; để ông thoáng thấy sự huy hoàng của trật tự Thiêng Liêng. Hãy để ông nhận thấy giá trị trong cuộc sống là cho ra, như một phần của sự sống vĩ đại từ đó thế giới được duy trì.

Năng lực mà người ấy có được xuyên qua xác thân, trí tuệ và ý chí làm cho ông trở nên phi thường trong thế giới tinh thần. Ông không cần thay đổi phẩm chất của nó, mà chỉ cần loại bỏ sự ích kỷ, sự lạnh lùng đối với những thống khổ của nhân loại, sự chà đạp tàn bạo người khác để được giàu sang trong lúc vô số người phải chịu cảnh đói rách. Ông phải thay đổi quan niệm từ ích kỷ thành phụng sự; thay đổi sức mạnh tiêu diệt thành sức mạnh nâng đỡ con người. Từ đó trong cuộc đời vĩ đại sẽ có thêm một người tinh thần, hiến dâng đời mình cho nhân loại, chăm lo phụng sự và trợ giúp người khác. Như thế, một người ở thế gian thuộc về thế tục hay thuộc về tinh thần là do mục đích khác nhau và động lực khác nhau, chứ không do cuộc sống bề ngoài.

## THAY ĐỔI ĐỘNG LỰC

Khi bạn bắt đầu làm bất cứ công việc gì, trước hết phải đặt vấn đề “bồn phận”. Mặc dù làm việc để kiếm sống không có gì là xấu hổ, nhưng dần dần bạn có ý nghĩ là bạn làm việc vì công việc cần phải được hoàn thành, chứ không phải để đạt được vài lợi lộc cá nhân. Đó là bước đầu tiên hướng đến cuộc sống tinh thần, và bạn đang thay đổi động lực cho hành động của bạn, từ nay tất cả mọi hoạt động của bạn sẽ có một mục đích mới.

Bồn phận phải được hoàn thành; bánh xe thế giới phải luôn được xoay chuyển. Con người sống bằng nhiều cách giao dịch thương mại khác nhau: người bệnh cần được chữa trị, người thiếu học cần sự giáo dục, công lý phải được thực thi giữa người mạnh và kẻ yếu, giữa người giàu và người nghèo. Nếu có quan niệm như thế, tất cả mọi người như: thương gia, bác sĩ, luật sư, thầy giáo v.v... sẽ có một tầm nhìn mới về đời sống, và họ có thể nói: “Công việc mà tôi đang làm là một phần của công việc vĩ đại, thiêng liêng của thế gian.” Bồn phận của tôi là phải làm thật hoàn hảo phần công việc của tôi. Tôi sẽ dạy học, chữa bệnh, biện hộ, buôn bán hay giao dịch thương mại đủ loại, không phải vì tiền bạc hay quyền lực mà để cho công việc vĩ đại của thế giới được thực hiện hữu ích. Tôi làm công việc như một đầy tớ của ý chí cao cả hơn, thay vì để đạt được lợi ích cá nhân.

Đó là bước đầu tiên, và bất cứ người nào cũng có thể thực hiện nó. Bạn vẫn làm công việc của bạn như trước, nhưng bạn mang vào đó một tinh thần mới. Bạn làm công việc vì đó là phần việc của bạn trong thế giới. Thí dụ nếu bạn làm việc trong một cửa hàng, khi thêm mỗi con số ước tính vào sổ kế toán, khi bán ra mỗi món hàng, phải được làm với ý tưởng cao cả: tôi làm nó như một phần của công việc thế gian, và phần số tôi phải nhận lãnh công việc này. Hãy nhận lãnh công việc như nó đến trực tiếp từ Ý Chí cao cả, do Ý Chí đó thế giới chuyển động; bạn làm công việc như đang dự phần vào hoạt động thiêng liêng, dự phần trong công việc vũ trụ. Một vị đại thiên thần, cao cả nhất trong các thiên thần, cũng không thể làm gì khác hơn ngoài phần công việc của ngài giúp cho Ý Chí Thiêng Liêng được thực hiện. George Herbert (1592-1633), thi sĩ cũng là giáo sĩ, rất chí lý khi nói: “Khi quét dọn một căn phòng nhân danh Thượng Đế, người quét dọn và việc quét dọn đều tốt lành”. Ở bất cứ nơi đâu, nếu mọi việc được làm với trách nhiệm, làm cho mọi người thay vì cho cá nhân nhỏ bé, nơi đó có sự sống tinh thần.

Sự việc không phải luôn luôn dễ dàng. Chúng ta không nên bừa bãi lộn xộn, và bỏ dở công việc vì nghĩ rằng vắng mặt “ông chủ”; ông chủ tức chân ngã chúng ta có mặt khắp mọi nơi, và không bao giờ ngủ nghỉ. Phải làm việc thật cẩn thận, vì ta là một trong những người thợ khéo léo của thiêng liêng. Chỉ đạt được phương diện nghệ thuật khi nào bạn thực hiện công việc một cách hoàn bị, vì Thượng Đế luôn luôn là một nghệ sĩ. Không có một vật nào, dù rất nhỏ như con vi trùng mà không được cấu tạo với vẻ

đẹp hoàn hảo của nó. Càng nhìn gần, bạn càng khâm phục sự cấu tạo tuyệt diệu của vạn vật. Với những loài đơn bào nhỏ nhất, chỉ được nhìn thấy bằng kính hiển vi, vỏ của nó cũng được điêu khắc theo những kiểu mẫu hình học hoàn chỉnh... như thế để làm gì? Để làm thỏa mãn cảm giác hoàn hảo, chính đó là một trong những thành phần của Thượng Đế cũng như của con người. Điều quan trọng không do nơi công việc, mà do cách thức làm việc, bạn cần làm việc với tất cả khả năng của bạn. Đó là sự trách nghiệm đối với cá tính của một người; do đó qua sự làm việc bạn có thể biết được cá tính của người ấy.

Điều này có vẻ nhỏ nhặt khi áp dụng vào công việc tại nhà, ở cửa tiệm hay trong một văn phòng. Nếu xét từng công việc một, chúng có vẻ nhỏ nhặt; nhưng giả thử tất cả đều làm như thế, bộ mặt của thế giới sẽ trở nên như thế nào? Không có sự làm việc cầu thả, không còn có những sản phẩm kém chất lượng bày bán ngoài chợ, không có đồ giả mạo, món đồ nào cũng là đồ thật, giá trị bề ngoài của hàng hóa biểu lộ đúng giá trị thật sự, nhà cửa được xây dựng vững chắc, công rãnh được đặt thông thương, mọi vật đều được làm với tất cả khả năng và sự khéo léo. Một thế giới như thế dường như chỉ có trong chuyện thần tiên, không tưởng, nhưng đó là kết quả nếu tất cả mọi người đều làm tròn bổn phận với tất cả khả năng của họ. Đó là bước thứ nhất đi đến đời sống tinh thần. đời sống đó không ngoài tầm với của bạn, nó gần gũi với mọi người.

## TỰ HY SINH

Có một giai đoạn cao hơn trong đời sống tinh thần, ở giai đoạn này bạn cảm nhận chính bạn là người làm việc chung với thiên liêng, bạn phải liên kết việc làm của bạn với công việc chung, xuyên qua hệ thống vĩ đại của thế giới và vũ trụ. Emerson đã nói: kéo toa xe của bạn đến tận ngôi sao, thay vì đến những nơi khốn khổ bên vệ đường. Nhưng đó chưa phải là điều huy hoàng nhất mà bạn có thể đạt được, vì có một đặc tính cao cả hơn bổn phận: đó là sự hy sinh trong mọi việc làm.

Nên nhớ, sẽ không có thế giới, không có bạn, không có tôi nếu không có sự hy sinh đầu tiên, từ đó một mảnh vụn của Tư Tưởng Thiên Liêng khoác lên lớp áo vật chất, tự giới hạn để bạn và tôi có thể ý thức bản chất thiên liêng của chính mình. Câu chuyện con trầu (tượng trưng cho Chúa) trong thánh kinh Thiên Chúa giáo chứa đựng một chân lý sâu xa; nó bị giết lúc nào và ở đâu? Ở Calvary (nơi chúa bị đóng đinh trên thập tự giá)? Không, “từ lúc sáng lập thế giới.” Đó là chân lý trọng đại của sự hy sinh.. Nếu không có sự hy sinh thiên liêng, sẽ không có vũ trụ. Nếu không có sự tự giới hạn của thiên liêng, sẽ không có sự vật nào hiện tồn trên thế giới.

Do sự hy sinh và tình thương, thiêng liêng tự giới hạn để vạn vật trở thành những thực thể có tâm thức tự ngã, và hưởng được hạnh phúc trong sự hoàn hảo của bản chất thiêng liêng tối thượng. Vì sự sống của thế giới được đặt nền tảng trên sự hy sinh, nên tất cả sự sống đều thuộc về sự hy sinh, và khi hành động hy sinh, con người sẽ trở nên hoàn hảo, trở thành một người tinh thần thật sự.

Chúng ta có thể sống một cuộc đời hữu ích, nhưng đến cuối đời chúng ta có thể phải chứng kiến những công việc mà chúng ta đã tạo dựng bị đổ vỡ tan tành, cam tâm nhìn sự hư hoại. Điều khó khăn đó xảy đến cho chúng ta và nó có nghĩa là hy sinh. Bạn có thể hy sinh trọn đời trong những công việc tốt, sử dụng tất cả năng lực để thực hiện vài chương trình to lớn; bạn có thể làm việc mệt nhọc, xây dựng, hoạch định, sửa sang...chăm lo công trình của bạn như một người mẹ nâng niu đứa con còn trong bụng. Rồi bỗng nhiên bạn chứng kiến nó đổ vỡ ra từng mảnh, bị thất bại, phá sản và suy sụp. Bạn có bằng lòng với kết quả như thế không? Sau nhiều năm lao tâm lao lực và hy sinh, bạn có cam lòng nhìn thấy mọi việc tan vỡ ra tro bụi không? Nếu bạn cảm thấy không cam tâm, chứng tỏ bạn đang làm việc cho bản ngã, chứ không phải đang dự phần vào những hoạt động của Thiêng Liêng. Dù bạn có che phủ lên chương trình hành động bằng một lớp vỏ có tên là tình thương, nó vẫn là công việc của bạn chứ không phải công việc của Thượng Đế, do đó bạn cảm thấy đau khổ khi chương trình bị đổ vỡ. Bạn nên biết, nếu thật sự đó là công việc của Ngài chứ không phải của bạn, nếu đó là sự hy sinh chứ không phải sở hữu của riêng bạn, thì tất cả những điều tốt lành do công việc đó tạo ra đều giúp vào năng lực tốt cho sinh hoạt của thế giới. Nếu Ngài không hài lòng với công việc mà bạn tạo dựng, bạn nên để nó suy sụp, và sự sống thường hằng sẽ biểu lộ trong những hình thể khác tốt hơn trong sự tiến hóa vĩ đại của Thiên Cơ.

Để dễ hiểu hơn, tôi sẽ dùng thí dụ cụ thể như sau. Một đội quân đang trong tình trạng chờ đợi sự tấn công của kẻ địch, đông hơn và hùng mạnh hơn. Vị tổng tư lệnh phác họa toàn diện kế hoạch cho trận chiến sắp xảy ra, ông xếp đặt một trung đoàn đóng ở vị trí này và một trung đoàn khác đóng ở vị trí kia...Đến ngày chiến trận bắt đầu, vị sĩ quan trẻ nơi tuyến đầu nhận được lệnh khẩn cấp từ trung ương: “Hãy tấn công đồn lũy phía trước, lấy cho được nó, trấn giữ cho đến khi có lệnh khác.” Với một số ít quân sĩ, vị sĩ quan trẻ nhìn về cái đồn địch quân phía trước, thừa biết rằng việc ấy không thể thực hiện được. Anh ta nhận thấy sự thất bại không thể tránh, và những binh sĩ trong tay anh sẽ tử vong, nếu anh thực hiện chỉ thị cho đến phút chót thì ngày mai sẽ không còn một binh sĩ nào của anh còn thấy được ánh mặt trời. Tất cả binh sĩ dưới sự điều khiển của anh sẽ bị tử thương dưới trận mưa

đạn của địch quân, khi họ cố gắng leo lên đỉnh đồi để tiến gần đồn địch quân ở phía trên.

Vị sĩ quan trẻ nhận thấy được tất cả những điều đó; nếu lưỡng lự, anh là kẻ không trung thành, hèn nhát và mất danh dự. Anh tuyên bố với tất cả binh sĩ: “Chúng ta được lệnh phải lấy cho được đồn lũy địch quân.” Họ chia nhau từng đợt 10 binh sĩ xung phong tiến lên dốc ngọn đồi. Đợt binh sĩ này bị tiêu diệt đến đợt khác, cho đến khi không còn người nào sống sót.

Địch quân chuyên người về đồn lũy nơi ngọn đồi để canh chừng. Trong khi đó ở mặt trận bên kia của chiến trường, có tiến triển rất khả quan theo kế hoạch của vị tư lệnh. Cuối cùng quân đội đã giành được chiến thắng, mặc dù phải hy sinh một số chiến sĩ trên ngọn đồi.

Những binh sĩ đã chết có thất bại không? Có vẻ như vậy. Nhưng theo đại cuộc, đó là một chiến thắng; lịch sử sẽ ghi chép lại trận chiến, toàn dân ghi ân và dựng lên đài tưởng niệm với tên tuổi những vị chiến sĩ đã hy sinh cho chiến thắng cuối cùng của đồng bạn.

Khi vị “tổng tư lệnh” là Kiến Trúc Sư Thiêng Liêng của vũ trụ, chỉ có thành công chứ không có thất bại; và những ai được kêu gọi hy sinh cần phải hãnh diện đóng góp vào sự thành công của thiên cơ. Không có sự thất bại, vì chiến thắng luôn luôn thuộc về thiêng liêng. Bạn và tôi nhìn thấy sự thất bại, thấy những chương trình của chúng ta bị đổ vỡ, thấy những kế hoạch của chúng ta trong một lúc nào đó không còn hữu dụng và bị loại qua một bên, tất cả những điều đó đều không quan trọng. Điều quan trọng chính là chúng ta đã đóng góp sự sống, đã hết lòng hoạch định chương trình, rồi đem hết sức lực cố gắng để thực hiện, và hy sinh cho sự thành công của toàn thể; tất cả những điều này làm cho chúng ta xứng đáng là những cộng tác viên của Thượng Đế. Không có danh dự nào lớn bằng sự hy sinh cá nhân để bảo đảm cho sự thành công của vũ trụ. Danh dự này chỉ dành cho những người có ý chí mạnh mẽ, những vị anh hùng; họ làm công việc với một tấm lòng tự nguyện vui vẻ. Nhận thấy được sự huy hoàng của một lý tưởng là bước khởi đầu tiến đến lý tưởng đó.

## ĐEM LÝ TƯỞNG THIÊNG LIÊNG VÀO THẾ GIAN

Giả sử bây giờ bạn và tôi có thể thay đổi nếp sống thích hợp theo đường lối mà tôi đã phác họa ở trên. Chúng ta sẽ trở nên những “người tinh thần” ở thế gian, trợ giúp cho thế giới từ từ theo khuôn mẫu của Lý Tưởng Thiêng Liêng, và Tư Tưởng Thiêng Liêng càng ngày càng được biểu lộ hoàn hảo. Từ đó sẽ biến đổi mọi người thế gian thành con người tinh thần, đó là thành quả tốt nhất mà chúng ta có thể đạt được. Người cứu trợ thế gian không sống trong rừng núi như ngày xưa. Đôi khi đời sống ẩn dật chỉ là một

trong nhiều kiếp sống, nó cần để lấy lại sức mạnh và tích tụ năng lực để sử dụng về sau. Đời sống của những Đấng Cứu Thế là đời sống trong thế gian, không phải đời sống trong rừng núi. Thượng Đế biểu lộ trong mỗi người, vì từ con người đại cuộc được thể hiện, do đó có những thử thách cũng như có những quyền năng dành cho con người. Khi tất cả năng lực của chúng ta đã được khai mở, chúng ta là những đấng cứu thế, lúc đó chúng ta sẽ rời bỏ cuộc sống thế tục bên ngoài và trở thành một phần của sự sống bên trong của Ngài, chính sự sống này làm khuôn mẫu cho những hoạt động bên ngoài. Tiến trình đi lên này theo định luật tăng trưởng, và đó là định luật của kinh nghiệm. Chỉ có người hoàn thiện mới vượt khỏi lớp vỏ vật chất và sử dụng năng lực tinh thần đã khai mở để trợ giúp cuộc sống thế gian.

Dường như hầu hết chúng ta đều bắt đầu hướng đến đời sống tinh thần thực sự. Khi chúng ta càng cố gắng sống đời tinh thần, thế giới này sẽ trở nên càng tốt đẹp hơn. Khi suy tưởng về sự sống tinh thần, chúng ta đã chạm khắc hình ảnh hoàn hảo cho cuộc sống chúng ta, hình ảnh của Đấng Thiêng Liêng biểu lộ trong con người. Nếu trong bạn chưa có Đấng Thiêng Liêng, bạn hãy tìm cách để cho Ngài biểu lộ nơi bạn. Ý tưởng đến trước hiện thực; tư tưởng tạo nên hình thể; và trong mỗi người chúng ta đều có hình ảnh thiêng liêng tiềm ẩn. Chúng ta phải làm cho hình ảnh ấy biểu lộ; khi ấy chúng ta là người tinh thần.

Bạn hãy cùng tôi đến thăm phòng làm việc của một nhà điêu khắc nổi tiếng, không phải một người thợ chạm trở bình thường, mà là một thiên tài, ông có thể cho thấy sự sống và ý tưởng trong hình thể không tì vết của đá cẩm thạch. Cách thức làm việc của ông ta như thế nào? Có phải ông chạm khắc một bức tượng từ tảng đá? Không phải vậy. Công việc của ông là làm cho bức tượng thoát ra khỏi tảng đá, ông cắt bỏ những phần của tảng đá nằm đè lên bức tượng, những phần đá vô dụng đã che lấp cái vẻ đẹp lý tưởng mà ông thấy được. Với mắt người bình thường, đó chỉ là một tảng đá thô sơ, nhưng với đôi mắt của một thiên tài điêu khắc, đó là một bức tượng hoàn hảo bị nhốt trong tảng đá. Với mỗi cái đập của búa và mỗi cái chạm khéo léo của đục, ông giải thoát dần dần bức tượng ra khỏi tảng đá, và sự biểu hiện ý tưởng của ông đến gần hơn.

Như thế, chúng ta là những tảng đá thô sơ trong xưởng điêu khắc vĩ đại của thế giới. Nhiều người trong chúng ta chưa được gọt dũa, bản chất thiêng liêng còn bị che lấp, giống như bức tượng còn trong tảng đá. Bạn và tôi là những nhà điêu khắc, do cuộc sống của chúng ta mà bức tượng được thành hình, cái vẻ đẹp bị nhốt kín nay được tự do. Với cái búa ý chí, cái đục tư tưởng, chúng ta phải cắt bỏ những phần đá vô dụng, nằm bên trên che khuất sự sống vinh quang thiêng liêng trong chúng ta. Bạn là nhà điêu khắc, chắc chắn sẽ tạo ra điều đó trong những năm tới, trong những thế kỷ

tới. Càng có nhiều tài năng, nhiều kiến thức, nhiều sức mạnh ý chí, bạn càng có nhiều năng lực sử dụng cái búa và cái đục của bạn, khi đó sự thành công sẽ đến gần hơn và ngày giải thoát sẽ đến nhanh hơn.

Bất cứ bạn ở nơi đâu, bất cứ bạn làm việc trong hãng xưởng nào của thế giới rộng lớn này, hãy luôn giữ trong tâm cái lý tưởng mà bạn đã nhận thức được. Hãy cảm nhận sự hiện diện của thiên nhiên đang bị giam giữ, mà chỉ có bạn mới có đặc quyền giải thoát nó. Hãy nắm lấy dụng cụ trong tay, cắt bỏ những phần đá vô dụng, giải thoát bức tượng lộng lẫy. Đến khi ấy bạn sẽ tự biết con người thực sự của bạn, một người trong hình ảnh của Thượng Đế.

## VÀI ĐIỀU KHÓ KHĂN TRONG ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

Ở bước đầu, những người chân thành sống cuộc đời nội tâm sẽ gặp phải một số trở ngại. Do bản chất con người, mỗi người sẽ gặt hái kinh nghiệm từ sự lặp đi lặp lại những trở ngại này, chúng làm nản chí và làm giảm nghị lực của người đang đi trên đường tinh thần. Người mới bước chân trên đường đạo nên hiểu những trở ngại này chỉ là một phần trong những kinh nghiệm thông thường của người chí nguyện mà họ thường xuyên phải đối diện và vượt qua, và họ phải vui vẻ chấp nhận. Trong bóng tối có một bàn tay dịu dặt và một tiếng nói vang lên: “Hỡi người lữ hành, tôi đã đi qua con đường mà bạn đang đi, con đường rất thực dụng và tôi mong những trở ngại sẽ giúp bạn vững mạnh thêm.”

Cách nay không lâu, một người bạn đồng hành đưa ra vài ý tưởng về sự làm trong sạch hóa xác thân như sau: Ông nói: “đối với hầu hết chúng ta, sự khó khăn do chúng ta nhiều hơn là do những vận cụ của chúng ta. Các thể của chúng ta đều khá tốt lành, trong một ít trường hợp xấu nhất, chúng ta chỉ cần sửa đổi lại chút ít, điều cần thiết là cần phải cải thiện con người bên trong. Nếu âm nhạc không được hay, người ta cho là do nhạc sĩ nhiều hơn là những nhạc cụ, nếu người nhạc sĩ tự cải thiện, những dụng cụ có thể đạt được tiêu chuẩn và có thể phát ra những âm điệu hay hơn, nhưng phải tùy thuộc vào những ngón tay đánh trên phím.” Ông nói tiếp một cách rõ ràng và cảm động: “Tôi có thể điều khiển xác thân tôi làm bất cứ việc gì tôi muốn, nhưng điều khó khăn là Tôi không muốn.”

Tự cải thiện rất cần thiết và là điều khó khăn mà mỗi người nhiệt tâm đi trên đường đạo đều phải thực hiện. Trở ngại do sự yếu đuối, thiếu ý chí và không có mục đích nhất định nhiều hơn là trở ngại gây ra do xác thân. Chúng ta biết có nhiều phương pháp hữu hiệu để tập luyện xác thân, nhưng “muốn” hay “không” tùy thuộc vào mỗi người. Chúng ta có kiến thức, chúng ta biết những phương pháp thực hành, nhưng thiếu động lực thực hiện. Cội rễ của sự khó khăn do từ bản chất bên trong chúng ta, do sự ù lì và thiếu ý muốn hành động. Không phải những trở ngại bên ngoài khó khắc phục, mà do bản tính lười biếng của cái trí làm chúng ta không thể vượt qua được.

Lý tưởng dường như có sức thu hút, nhưng nó không lôi kéo được chúng ta, và kinh nghiệm này cứ mãi lặp đi lặp lại. Mặc dù chúng ta có thể biết rõ sự theo đuổi một lý tưởng là cần thiết, nhưng chúng ta không muốn



nhận thức điều đó. Lý tưởng ở trước mặt chúng ta giống như thực phẩm dọn ra trước mặt một người không đói, dù đó là món ăn ngon mà chúng ta vẫn thích, nhưng bây giờ chúng ta không muốn đụng tới; chúng ta thích nằm phơi nắng hơn là ngồi dậy để ăn.

Hai câu hỏi sau đây cần được lưu ý: (1) Là một thực thể có lương tri, tại sao tôi không thật sự mong muốn những gì mang lại hạnh phúc chân thật? (2) Làm thế nào để tôi có nhiệt tâm đối với điều hữu ích nhất cho chính tôi và cho thế gian? Những vị thầy tinh thần có thể giải đáp hai câu hỏi trên, nhưng các ngài cần phải lo những công việc lớn lao hơn cho nhiều người, thay vì cho cá nhân. Những cá nhân này chỉ luôn lặp lại những ý muốn trừu tượng mà ai cũng biết, và những điều đúng nên thực hành thì lại bỏ qua. Bộ máy khá tốt đã có, nhưng ai là người bắt đầu điều khiển và làm cho nó chuyển động?

## TÂM THỨC VÀ NHỮNG VẬN CỤ CỦA NÓ

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, chúng ta cần phải phân tích tâm thức cá nhân, từ đó mới có thể giải thích vấn đề nhị nguyên rắc rối của sự không mong muốn điều đáng được mong muốn. Chúng ta nói tâm thức cá nhân là một đơn vị, nhưng khi chú tâm nhìn về bên trong, chúng ta thấy có nhiều cái “Tôi” rất rắc rối, và những tiếng nói đối nghịch vang lên làm cho chúng ta kinh ngạc. Tất cả những cái “Tôi” ấy rõ ràng là từ chính chúng ta.

Tâm thức hiện tại và tâm thức cá nhân chỉ là tâm thức rút ra từ một tâm thức trung tâm chung. Chỉ có một tâm thức duy nhất, nhưng biểu hiện thành số nhiều ở thế giới bên ngoài. Điều này không phải do tâm thức mất sự đồng nhất, nhưng vì nó tự biểu lộ qua những hoàn cảnh khác nhau. Chúng ta thường đề cập đến những vận cụ của tâm thức, nhưng có lẽ ít người hiểu rõ vấn đề. Một dòng điện phát xuất từ một máy phát điện đi qua một số dụng cụ khác nhau sẽ tạo ra những hiện tượng khác nhau. Khi vào trong bóng đèn cho ánh sáng, trong bàn ủi cho ra sức nóng, chạy chung quanh một thanh sắt non sẽ tạo ra từ lực, trong một dung dịch sẽ gây nên sự phân giải hay tổng hợp. Chỉ có một năng lực duy nhất, nhưng xuất hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau. Sự sống biểu lộ trong những hình thể khác nhau và luôn luôn bị ảnh hưởng bởi những hình thể ấy.

Cũng giống như thế, tâm thức hoạt động trong thượng trí, hạ trí, thể vía hoặc thể xác tạo ra cái “Tôi” với những đặc tính rất khác nhau. Trong một lúc nào đó, một vận cụ tinh thức, và chúng ta có tâm thức của cái “Tôi” thuộc về vận cụ đó. Nếu tâm thức hoạt động trong thể vía, chúng ta có cái “Tôi” của cảm giác; trong thể trí, chúng ta có cái “Tôi” của trí năng. Do ảo tưởng và bị bao phủ bởi vật chất, tâm thức tự đồng hóa với sự khao khát của

những cảm giác, với những lý luận của trí năng; và kêu lên: “Tôi muốn, Tôi suy tưởng.” Chân ngã trường tồn là nguồn gốc của hạnh phúc và trí tuệ, và là cội rễ của cảm giác và tư tưởng.

Cảm giác và tư tưởng chỉ là những hoạt động tạm thời của các thể bên ngoài, được tạo ra do tiếp xúc giữa sự sống bên trong với sự sống bên ngoài, giữa cái Ngã với cái phi Ngã (not-Self). Sự sống của chân ngã tạm thời tập trung trong một thể bên ngoài. Những xúc chạm từ bên ngoài lôi cuốn và đánh thức chân ngã hoạt động, và khi hoạt động trong các thể, nó tự đồng hóa với các thể đó, như một người tự đồng hóa mình với cây viết hoặc cái đục. Theo chu trình tiến hóa, chân ngã phát triển và từ từ khám phá ra những thể bên ngoài như thể xác, thể tình cảm, thể trí, chỉ là những dụng cụ chớ không phải thật là nó, và xem chúng như là những thành phần của “phi Ngã”. Chân ngã tách rời khỏi các thể, nhận ra và sử dụng chúng như những dụng cụ. Chân ngã biết chính nó là sự sống chứ không phải hình thể, phúc lạc chứ không phải ham muốn, trí tuệ chứ không phải tư tưởng. Khi ấy con người lần đầu tiên có được tâm thức về sự duy nhất, và chỉ từ đó mới có được sự bình an. Khi tâm thức tự đồng hóa với hình thể, nó biểu hiện thành số nhiều; khi tâm thức tự đồng hóa với sự sống, nó là duy nhất.

## VỊ TRÍ CỦA CẢM GIÁC, TRÍ TUỆ VÀ Ý CHÍ

Bà Blavatsky, tác giả bộ Giáo Lý Bí Truyền cho biết, trong giai đoạn tiến hóa hiện tại, tâm thức con người thường tập trung ở thể tình cảm để học hỏi, tìm hiểu những cảm giác. Khi “cảm giác”, chúng ta tiếp xúc với sự vật không phải chính chúng ta, sự vật làm khởi dậy trong chúng ta sự vui thích hoặc đau khổ, hoặc ở điểm giữa của sự vui thích và đau khổ.

Cảm giác dự một phần quan trọng trong đời sống của đa số người đời. Những người tiến hóa dưới mức trung bình, đời sống của họ hoàn toàn chạy theo cảm giác. Chỉ có một số ít người tiến hóa cao, tình cảm của họ được thăng hoa. Giữa hai hạng ấy là những người có những giai đoạn phát triển tình cảm khác nhau, những giai đoạn trộn lẫn giữa tình cảm, cảm xúc và tư tưởng với tỉ lệ khác nhau.

Ở những người có cuộc sống hoàn toàn tùy thuộc vào cảm giác thì không có nhiều cái “Tôi”, và như thế không có sự xung đột. Đối với những vị đã thăng hoa được tình cảm, đời sống của họ luôn hướng về “Chủ Thể Bất Tử Bên Trong”, và như thế cũng không có sự xung đột. Nhưng ở những cấp độ giữa chừng, con người có nhiều cái “Tôi”, do đó có sự xung đột giữa những cái “Tôi” ấy.

Chúng ta hãy xem xét đời sống của những người vừa mới phát triển cảm giác. Khi được kích thích, cái “Tôi” trở nên hoạt động, làm cho người

ấy trở nên đam mê, ham muốn, hung bạo, muốn chiếm hữu v.v... Nhưng không có sự xung đột, ngoại trừ đối với thế giới bên ngoài. Họ có thể tranh đấu với hoàn cảnh chung quanh, nhưng không nhận thấy sự xung đột nội tâm. Những người như thế làm bất cứ việc gì họ muốn, không thắc mắc trước khi làm và không hối hận sau khi xong việc. Họ hành động theo sự thúc đẩy của dục vọng, và cái trí không phản kháng, không phê phán hay chỉ trích. Cái trí chỉ ghi nhận và cất giữ những dữ kiện để khảo sát về sau. Nó phát triển nhờ sự đòi hỏi của cái “Tôi” cảm giác, và năng lực tác động để thỏa mãn cái “Tôi” ấy.

### SỰ THỨC TỈNH CỦA CÁI TRÍ

Dục vọng thúc đẩy cái trí hoạt động và bắt đầu công việc giữ lại những sự kiện mà nó quan sát và nhớ lại được. Từ đây một ít khả năng suy luận được phát triển, cũng như khả năng hoạch định những sự việc sắp xảy ra với mục đích làm thỏa mãn cái “Tôi”. Trí thông minh được phát triển theo chiều hướng này, nhưng nó hoàn toàn phụ thuộc vào dục vọng, suy nghĩ theo mệnh lệnh của dục vọng và làm nô lệ cho sự đam mê. Trong giai đoạn này, cái trí không có cá tính riêng, mà chỉ là dụng cụ của cái “Tôi” ham muốn đầy uy quyền.

Sự tranh đấu chỉ bắt đầu sau những chuỗi dài kinh nghiệm, khi chân ngã đã phát triển đầy đủ và làm quân bình thể trí để nó có thể xem xét lại kết quả từ những hoạt động trong kiếp sống ở thể gian; sự việc này xảy ra trong suốt cuộc sống của con người ở cõi hạ thiên (lower mental world). Chân ngã ghi nhận một số sự việc gây ra đau khổ nhiều hơn là vui sướng, nó quyết định sẽ không tái phạm những sự việc ấy, ghi khắc vào thể trí và xem chúng như những điều cần phải tránh xa. Đồng thời chân ngã cũng ghi khắc kinh nghiệm của những sự việc đưa đến hạnh phúc nhiều hơn đau khổ. Đến lúc chân ngã luân hồi, nó mang theo sự ghi nhận này như là khuynh hướng bên trong của cái trí. Khi cái “Tôi” dục vọng bị thu hút chạy theo một sự vật mà nó biết rằng sẽ đưa đến đau khổ, nó xen vào để can thiệp, nhưng còn yếu ớt. Tâm thức tác động qua thể trí như một cái “Tôi” khác, xua đuổi và phản kháng lại sự thu hút. Như thế, con người bị dằng co giữa hai lực: thu hút và xua đuổi.

Sự phản kháng còn quá yếu ớt trong khi dục vọng quá mạnh làm cho con người phải thất bại trong cuộc tranh đấu nội tâm ấy. Cái “Tôi” dục vọng từ lâu nay được tôn vinh đã chiến thắng sự nổi dậy của cái “Tôi” lý trí. Nhưng khi cảm giác sung sướng đã qua đi, và kết quả đau khổ theo sau, sự nổi dậy lúc trước bị dập tắt nay lại cất tiếng than van “Tôi đã nói trước mà!” và đó là dấu hiệu đầu tiên của sự hối hận.

Từ kiếp sống này qua kiếp sống khác, cái trí càng ngày càng tự xác quyết, cuộc chiến giữa cái “Tôi” dục vọng và cái “Tôi” lý trí càng ngày càng trở nên mãnh liệt. Tiếng kêu thống khổ của người Thiên Chúa Giáo thần bí được lặp lại trong kinh nghiệm của chân ngã đang luân hồi: “Tôi nhận thấy có một qui luật khác trong những thành phần của tôi chống lại qui luật của tâm trí tôi.” Cuộc chiến càng ngày càng nóng bỏng hơn, khi quyết định của cái ngã bên trong càng ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ lên cái trí. Sau thời gian dài của đời sống ở cõi trời chân phúc (devachanic life), con người tái sinh, những quyết định xuất hiện như những ý tưởng bẩm sinh, thêm sức mạnh cho cái “Tôi” lý trí, và cái “Tôi” tự từ bỏ cảm giác và đam mê. Nhưng vấn đề không đơn giản như thế, vì từ lâu con người bị thu hút và chế ngự bởi dục vọng, khó từ bỏ một cách dứt khoát được, và trận chiến vẫn còn nhiều cam go. Khi sinh hoạt bên ngoài, tâm thức dễ bị lôi cuốn theo đường mòn cũ kỹ của thói quen trong nhiều kiếp sống trước. Mặt khác, chân ngã cố gắng hướng nó theo đường lối do chân ngã phản ảnh xuống.

Ý chí từ chân ngã xác định đường hướng của sức mạnh tâm thức hoạt động trong những thể ở cõi cao; trong khi thói quen phần lớn xác định đường hướng hoạt động trong thể tình cảm. Do sự hướng dẫn của trí tuệ sáng suốt, ý chí đưa ra lý tưởng cao cả cần phải theo, nhưng bản chất dục vọng không muốn đạt tới. Thể tình cảm như bị tê liệt trước lý tưởng cao cả, nó không nhìn thấy sự tốt đẹp, mà chỉ thấy sự nghiêm nhặt, khắc khổ; nó tự nói: “Tôi không muốn những điều khó khăn đó.” Chúng ta không muốn làm những việc mà trong lúc tinh thần phần khởi chúng ta muốn thực hiện. Phàm ngã bị lôi cuốn theo sự việc đang xảy ra thay vì theo mệnh lệnh từ chân ngã đã có kinh nghiệm về sự việc ấy. Vấn đề khó khăn là làm sao chúng ta nhận biết được cái “Tôi” thấp thỏi, ồn ào, lười biếng, không phải là cái “Tôi” thật sự. Làm thế nào để vượt qua trở ngại này? Làm thế nào để tâm thức chúng ta luôn luôn nhận thức cái “Tôi” cao cả?

Chúng ta không nên ngã lòng do chưa thực hiện được sự thay đổi, vì sự tăng trưởng phải xảy ra từ từ chứ không thể ngay tức khắc. Không thể chỉ do một cố gắng đơn giản mà cái “ngã” từ tình trạng non trẻ vượt lên tình trạng trưởng thành; cũng như qua một đêm, cơ thể của trẻ thơ không thể trở thành người lớn. Nếu định luật của sự tăng trưởng làm cho chúng ta cảm thấy bị ngăn trở trên đường hoàn thiện, hãy nhớ đến một ý tưởng khác như sau: chắc chắn có sự tăng trưởng, không trở ngại nào có thể mãi mãi ngăn cản nó. Định luật không chấp nhận có phép lạ xảy ra, mặt khác nó cho chúng ta cảm thấy an toàn. Hơn nữa, chúng ta có thể thúc đẩy sự tăng trưởng bằng cách cung ứng những điều kiện tốt nhất, rồi hãy vững tin vào sự tác động của luật.

Đến đây, chúng ta hãy xét qua những phương tiện mà chúng ta sử dụng để thúc đẩy sự tăng trưởng cần thiết, để nâng hoạt động tâm thức từ thấp lên cao. Trước tiên cần nhận thức rằng bản chất dục vọng không phải là chân ngã chúng ta, mà chỉ là dụng cụ để chân ngã sử dụng. Kế đến, phải biết rằng nó là dụng cụ rất hữu ích, nhưng con người đã dùng nó một cách sai quấy. Trong con người, sự ham muốn hay cảm xúc là năng lực thúc đẩy, nó thường xuyên đứng giữa tư tưởng và hành động. Trí khôn nhận thấy, nhưng không hành động. Một người không ham muốn, không cảm giác chỉ là một “khán giả” của sự sống. Chân ngã cần phải phát triển phần năng lực cao của nó, trước khi không còn cần đến sự ham muốn và cảm giác. Câu hỏi được nêu ra cho những người học đạo là làm thế nào để dùng chúng, thay vì bị chúng dùng; làm thế nào để cho chúng vào khuôn phép, thay vì tiêu diệt chúng. Chúng ta phải “ham muốn” tiến đến trình độ cao nhất, vì nếu không có sự ham muốn này chúng ta không thể tiến bộ. Sự ham muốn những điều nhỏ nhen, tạm bợ đã kềm giữ con người, làm cho họ không thể tiến bộ. Chúng ta phải tự thúc đẩy chúng ta tiến lên bằng sự ham muốn kết hợp với cái trường tồn, cao quý và rộng lớn.

### SỰ THĂNG HOA CẢM XÚC

Chúng ta cần trau dồi, hướng dẫn cảm xúc cho trong sạch và cao thượng. Trên phương diện tiến bộ, tất cả mọi cảm xúc đều là tình thương, đó là năng lực mà chúng ta cần phải trau dồi. Văn sĩ George Eliot đã nói: “Điều kiện đầu tiên để nhân loại phát triển lòng tốt là một đối tượng để thương yêu; kế đến là một đối tượng để tôn kính.”

Sự tôn kính chính là tình thương hướng đến một người cao trọng hơn, người học đạo cần phải tìm một người tiến hóa hơn để tôn kính và thương yêu. Có một người để tôn kính là điều rất quan trọng cho người học đạo, để họ chuyển hướng cảm xúc từ một lực trì trệ thành một lực thanh cao; khi ấy họ có thể đạt được năng lực cần thiết cho sự “ham muốn” tốt lành nhất. Chúng ta không thể thương yêu mà không có sự vui thích, và chúng ta không thể tôn kính mà không vui thích khi được chấp nhận bởi vị mà chúng ta tôn kính. Từ đó có sự kích thích hầu chúng ta có thể cải thiện, trau dồi và làm trong sạch hóa bản chất của chúng ta, đồng thời chống lại những tính xấu và cố gắng theo đuổi những việc tốt lành. Khi ấy sự ham muốn của chúng ta tự động hướng đến ý tưởng cao thượng, và năng lực của ta sẽ được cái trí hướng dẫn. Không còn cách nào khác để sử dụng bản chất dục vọng có hiệu quả hơn là tạo ra sự nối kết từ cõi cao phản ảnh xuống cõi thấp, như xảy ra trong quan hệ giữa đệ tử và Chân Sư.

Một cách khác hữu ích hơn làm cho bản chất dục vọng trở thành thanh cao là tìm một bạn đồng hành tiến hóa cao hơn chúng ta về phương diện tinh thần. Không cần người ấy phải trực tiếp nói chuyện hay dạy bảo ta. Chính sự hiện diện của những người tiến hóa cao hơn ta là một ân phước, là sự điều hòa, nâng đỡ và cảm hứng. Được hít thở trong bầu không khí của họ, được bao bọc trong từ điển tốt lành của họ, được sinh hoạt trong tư tưởng của họ làm cho ta được nâng cao một cách vô thức. Chúng ta có thói quen đánh giá quá cao lời nói, và hạ thấp quá độ năng lực tinh vi, vô thính từ chân ngã. Chính tiếng vô thính này “dịu dàng và uy lực ra lệnh cho tất cả,” tạo nên nền tảng bình an và chân lý vững chắc, giữa những hỗn loạn quay cuồng của phàm trần.

Phương cách kém hiệu lực hơn, nhưng trợ giúp một cách chắc chắn, là đọc kinh sách gợi lên một ý tưởng cao quý, một lý tưởng vĩ đại, hoặc gây cảm hứng cho chúng ta. Tiếng Vô Thính (*The Voice of the Silence*), Ánh Sáng Trên Đường Đạo (*Light on the Path*), Bhagavad-Gita, *The Imitation of Christ* là những tác phẩm chứa đựng năng lực mạnh mẽ nhất để trợ giúp cho bản chất dục vọng được thăng hoa. Ta có khuynh hướng đọc chỉ để thu góp kiến thức, như thế ta không sử dụng được lực của tư tưởng cao siêu, và của những lý tưởng vĩ đại tác động lên cảm xúc của ta. Mỗi sáng, chỉ cần đọc vài câu trong những sách kể trên là một thói quen hữu ích; và ta ghi nhớ những câu này suốt ngày, nó sẽ tạo quanh ta một bầu không khí bảo vệ và truyền sự ích lợi đến tất cả mọi người mà ta tiếp xúc.

Một việc tuyệt đối thiết yếu khác là tham thiền hàng ngày, khoảng ba mươi phút vào mỗi sáng, trước khi một ngày huyền não bắt đầu. Trong lúc tham thiền, chúng ta rút lui khỏi bản chất thấp hèn, xem nó chỉ là dụng cụ của chân ngã; hãy tập trung vào tâm thức cao nhất mà chúng ta có thể nghĩ ra, và cảm nhận nó như cái Ngã chân thật “Tôi là cái Thực Tại Chân Phúc và Trí Tuệ. Tôi là Sự Sống, Tình Thương và Ánh Sáng.” Bản chất đích thực của chúng ta là thiêng liêng; khi cố gắng nhận thức điều này, chúng ta thúc đẩy bản chất đó phát triển và biểu lộ. Tinh khiết, vô dục và bình an là “Ngôi Sao chiếu sáng bên trong,” và chân ngã chúng ta chính là Ngôi Sao đó. Chúng ta chưa sống thường xuyên với Ngôi Sao đó, nhưng nếu hàng ngày tự cố gắng hướng thượng, chúng ta sẽ thoáng thấy nó soi sáng bóng tối đã tạo nên cái “Tôi” ảo ảnh của chúng ta. Nếu chúng ta may mắn là người có lòng sùng tín, chúng ta có thể suy tưởng về nguồn gốc thiêng liêng của chúng ta với lòng nhiệt tâm tôn sùng vị Cha Lành của muôn loài, cũng như đối với những vị cao cả mà chúng ta tôn kính như bậc Thầy. Những người sùng tín nâng cao tinh thần bằng cách nương tựa vào bậc cao cả để được giúp đỡ thương yêu, vị đó có thể là đức Phật, đức Chúa, đức Krishna hoặc Chân Sư.

Chúng ta có thể can đảm ngược nhìn lên Bậc mà ta muốn gần gũi, với niềm tự tin của một người con thốt lên những lời thì thầm: “Con với Cha là Một.”

## SỰ THAY ĐỔI BẤT THƯỜNG CỦA TÌNH CẢM

Điều khó khăn nhất của người học đạo là phải đối diện với sự thay đổi bất thường của tình cảm. Con người nhìn thế giới bên ngoài với những ưu điểm cũng như khuyết điểm theo cảm nhận của chính họ, và xuyên qua những thay đổi của bầu không khí đầy cảm xúc ở chung quanh. Họ nhận thấy cuộc sống của họ gồm một chuỗi những trạng thái tâm thức khác nhau, với những tư tưởng và tình cảm luôn thay đổi. Sự sống của họ lúc này thì linh hoạt, lúc khác thì trì trệ như người sắp mãn phần; lúc vui vẻ, lúc buồn rầu; lúc tràn trề, lúc khô cạn; lúc sốt sắng, lúc thờ ơ; lúc rất nhiệt thành, lúc như giá lạnh; lúc hăng say, lúc lười biếng. Con người luôn dính mắc theo những thay đổi, và sự hiện tồn của họ tùy thuộc vào những trạng thái khác nhau này. Điều tệ hại nhất là họ không thể tìm ra nguyên nhân gây nên những kết quả ấy, chúng đến rồi đi, bất thường như những cơn gió mùa hè.

Tại sao hôm qua ta tham thiền dễ dàng, thông suốt, có kết quả, mà hôm nay khó khăn, vấp vấp và không kết quả? Tại sao tư tưởng cao quý vào tuần trước đã nâng cao nhiệt tâm chúng ta, nay nó lại trở nên lạnh lùng lãnh đạm? Tại sao vài ngày trước chúng ta đầy lòng nhân ái và mộ đạo, mà hôm nay chúng ta nhìn lý tưởng ấy với đôi mắt thờ ơ? Chúng ta không giải thích được những sự kiện có vẻ hiển nhiên này; dường như chúng ta bị tùy thuộc và không thể thoát ra khỏi số phận rủi may.

Chính sự không ổn định này làm cho chúng ta khôn khổ chua cay. Vì thế, sự thông hiểu rất cần thiết, và khi tìm biết được nguyên nhân gây ra là chúng ta đã tiến xa trong sự kiểm soát nó. Chính tâm tính không ổn định làm ta sợ hãi, vì ta không thể tự vệ và chống lại những điều mà ta không tiên đoán được. Làm thế nào có thể đến một nơi mà những trạng thái ấy không cảm nhiễm đến chúng ta, như đứng trên một tảng đá để tránh những làn sóng vây bủa chung quanh?

Để đạt được sự quân bình, đầu tiên chúng ta phải nhận thức rằng tâm tính chúng ta không phải là vấn đề quan trọng. Nói khác đi, không có sự liên hệ cố định nào giữa sự tiến bộ và những cảm giác của chúng ta. Khi tràn ngập những cảm xúc vui sướng không có nghĩa là chúng ta đã tiến bộ, khi tâm tình sút giảm không chứng tỏ rằng chúng ta thoái hóa. Sự thay đổi tính khí này là những bài học mà cuộc đời mang lại cho ta, để ta học được cách phân biệt giữa cái Ngã và cái Phi Ngã (not-Self), và để ta nhận thức rằng ta là Chân Ngã. Chân Ngã thường hằng, không thay đổi. Cái gì thay đổi thì không phải Chân Ngã, mà chỉ là thành phần của những lớp vỏ tạm thời mà

Chân Ngã đã khoác lên để hoạt động. Lượn sóng dâng tràn lên chúng ta không phải là Chân Ngã, mà chỉ là sự biểu lộ của cái Phi Ngã, “cứ để nó tung tóe, quay cuồng và sủi bọt, nó không phải là Tôi.” Hãy để tâm thức nhận ra điều này, dù chỉ trong một lúc, khi mãnh lực của lượn sóng phát tán, chúng ta vẫn cảm thấy có tảng đá vững chắc dưới chân, để khi rút lui khỏi cảm xúc, ta không còn cảm thấy nó là một thành phần của ta; khi ngưng cung cấp sự sống cho nó là ta bẻ gãy sự nối kết giúp nó trở thành con kinh dẫn tới đau khổ. Sự rút lui tâm thức này có thể dễ dàng hơn nếu trong những giờ phút yên tĩnh, chúng ta cố gắng hiểu những thay đổi phiền phức của cảm xúc, và liên hệ nó với những nguyên nhân sinh ra nó. Như thế, ít nhất chúng ta sẽ loại bỏ được vài cảm xúc vô ích và rắc rối do sự thiếu hiểu biết sinh ra.

Sự luân phiên giữa vui thích và chán nản là biểu hiện cơ bản của luật tiết điệu, hay luật chu kỳ điều hành vũ trụ. Đêm và ngày thay phiên nhau trong cuộc sống vật chất, cũng như vui thích và chán nản đan xen nhau trong cuộc sống cảm xúc. Đại dương có thủy triều lên xuống, cảm giác con người cũng vậy. Trong tim con người và những sự việc bên ngoài cũng có những dòng nước lên xuống như ngoài biển cả. Vui sướng và đau khổ cứ nối tiếp nhau, như tử chắc chắn theo sau sinh, và sinh theo sau tử. Đây không phải chỉ là lý thuyết suông, mà là sự kiện thực tế, và những người đã có kinh nghiệm về đời sống tinh thần đều chứng kiến. Trong quyển Theo Gương Chúa của Kempis có nói: “Sự an lạc và phiền muộn nối tiếp nhau, đó không có gì mới lạ đối với những ai có kinh nghiệm về sự điều hành của Thượng Đế; vì những bậc đại thánh và những vị tiên tri thời xưa đã từng có kinh nghiệm về những cuộc thăng trầm...Bậc đại thánh còn phải đối đầu, thì chúng ta là những người thấp kém hơn, không nên chán nản nếu chúng ta cảm thấy đôi khi “nóng”, đôi khi “lạnh”...”

Nhận thấy được trạng thái thay đổi là kết quả của luật tổng quát, hay một sự biểu lộ đặc biệt của nguyên lý vũ trụ, chúng ta có thể chuẩn bị tâm trí trước mọi sự việc sắp xảy đến, và cũng được khích lệ nhiều hơn. Chúng ta có thể đang trải qua một giai đoạn soi sáng tinh thần khi mọi việc có vẻ dễ dàng thành đạt, khi nhiệt tâm của lòng sùng tín tỏa ánh vinh quang của nó lên cuộc sống, và khi chúng ta cảm nhận sự bình an nơi nội tâm. Tâm trạng này thường vấp phải nguy hiểm, là chính cái hạnh phúc này ru ngủ và đưa đến tình trạng không phòng bị, làm cho những mầm mống còn lại của bản chất thấp hèn có cơ hội tăng trưởng. Trong những lúc này, nhớ lại những giai đoạn tối tăm của quá khứ sẽ giúp ích cho chúng ta, để ta không trở nên quá phấn khởi, bông bột khi hạnh phúc, và không quá bám víu vào sự vui sướng. Biết quân bình giữa thú vui hiện tại bằng cách hồi tưởng lại lúc khôn khổ trong quá khứ, và bình tĩnh dự liệu những khó khăn có thể sẽ xảy đến trong tương lai, sẽ đưa ta đến sự thăng bằng và ngơi nghỉ ở điểm giữa.



Như thế, chúng ta sẽ gạt hái được những thuận lợi tích lũy do những cơ hội tốt cho sự tiến bộ, mà không gặp nguy cơ phải thụt lùi do sự thành tựu quá sớm. Khi đêm xuống và tất cả mọi sự sống chậm lại, khi chúng ta cảm thấy giá lạnh và thờ ơ, không màng đến sự việc thu hút chúng ta, lúc ấy nếu hiểu được luật thiên nhiên, chúng ta sẽ nói: “Rồi bóng tối sẽ qua đi, ánh sáng và sức sống sẽ trở lại, và tình thương cũng sẽ rực rỡ ấm áp lại.” Chúng ta không nên xuống tinh thần trong lúc ảm đạm, cũng không nên quá phấn khởi trong lúc thành đạt. Hãy quân bình kinh nghiệm này đối với kinh nghiệm kia, trừ khử niềm đau hiện tại bằng cách nhớ lại lúc vui thích trong quá khứ và ném trước niềm vui ở tương lai. Chúng ta học cách: lúc hạnh phúc nhớ lại lúc đau buồn, và lúc đau buồn nhớ lại lúc hạnh phúc, cho đến khi không còn điều gì xảy đến có thể làm lung lay sự vững chắc của linh hồn.

Như thế, chúng ta bắt đầu vượt qua giai đoạn thấp của tâm thức, giai đoạn mà chúng ta bị ném từ một thái cực này sang một thái cực khác, để đạt được trạng thái quân bình gọi là yoga. Đến đây định luật thiên nhiên đối với chúng ta không còn là lý thuyết suông, mà là sự xác tín, và chúng ta dần dần cảm nhận được phần nào sự bình an của Chân Ngã.

## THỬ THÁCH VÀ THÍ NGHIỆM

Cách thức mà chúng ta đối diện và sống qua giai đoạn tối tăm, trì trệ, cho thấy sự tiến hóa tinh thần của chúng ta đã đạt tới mức độ nào. Những mầm tinh tế của sự ích kỷ vẫn còn tiềm ẩn trong đời sống người đệ tử, nó khoác lấy hình thức đức hạnh, và che dấu con rắn đục vọng bên dưới bông hoa đẹp. Thật ra có một số ít người phụng sự vô điều kiện, những người đã diệt tận gốc rễ của đục vọng, chớ không phải chỉ cắt tỉa những nhánh nhóc bên trên mặt đất. Nhiều người thường thức được niềm hạnh phúc thanh cao của kinh nghiệm tinh thần, cảm thấy rằng họ được tưởng thưởng xứng đáng cho sự từ bỏ những niềm vui thế tục. Nhưng khi bị ngăn trở bởi thử thách chua cay trên con đường tinh thần, một mình phải đương đầu với sự khó khăn mà không được giúp đỡ, nhiều người học được bài học cay đắng làm cho họ nhận ra rằng họ đã phụng sự với mục đích được trả công, chứ không phải với tình thương thật sự. Tốt đẹp biết bao nếu chúng ta có thể vui vẻ trong lúc đen tối cũng như trong lúc sáng sủa. Tuy chưa thấy, nhưng chúng ta có lòng tin vững chắc rằng có Ngọn Lửa luôn cháy sáng bên trong; Ngọn Lửa này phát sinh từ một Nguồn Sáng mà chúng ta không thể phân ly, vì đó đích thật là Chân Ngã chúng ta. Phải “phá sản” đúng lúc, trước khi chúng ta thủ đắc của cải đời đời.

Một sự khó khăn khác gây phiền muộn bối rối cho người học đạo là sự hiện diện không mong cầu của những ham muốn và tư tưởng không thích hợp với cuộc sống và mục đích của họ. Khi họ suy tưởng về vấn đề tinh thần thì vấn đề thể tục lại chen vào; khi họ muốn thấy hình ảnh của đấng Thiên Liêng thì bộ mặt của thần dục vọng lại xuất hiện. Những hình thức xấu ác này từ đâu đến? Lúc nào những tiếng thì thầm của yêu quỷ rớt được vào tai một người? Khi nghĩ đến những điều này dường như là của chính họ, khiến người học đạo phải rùng mình sợ hãi. Người học đạo có thể làm chủ những dục vọng này không?

Một lần nữa, sự thông hiểu nguyên nhân có thể trừ khử hậu quả độc hại khủng khiếp này, và giải phóng chúng ta khỏi sự bất lực do vô minh gây ra.

Điều thông thường được chỉ dạy trong giáo lý Thông Thiên Học là sự sống tự hóa thân trong những hình thể, và năng lực của sự sống đến từ một phương diện của chân ngã, đó là tư tưởng uốn nắn chất liệu cõi trí thành những hình tư tưởng. Những rung động ảnh hưởng đến thể trí xác định chất liệu cấu tạo nên thể trí, và những chất liệu này dần dần được thay đổi tùy theo sự thay đổi của những rung động truyền ra. Nếu tâm thức ngừng hoạt động theo một đường lối nào, thì phần chất liệu thể trí đáp ứng lại tư tưởng thuộc đường lối ấy dần dần mất đi sự linh hoạt, trở nên vô hiệu lực, và cuối cùng bị loại ra khỏi thể trí. Tuy nhiên có nhiều giai đoạn ở giữa, từ lúc những chất liệu thể trí hoàn toàn linh hoạt đến lúc chúng “chết” hẳn và sẵn sàng bị loại ra ngoài. Đến giai đoạn cuối cùng, chất liệu thể trí mới có thể tái tạo và đáp ứng lại những rung động mới mẻ của trí tuệ, từ bên trong cũng như từ bên ngoài. Nên nhớ, chất liệu thể trí vẫn đáp ứng và rung động như một tư tưởng sống động đối với ảnh hưởng từ bên ngoài, một thời gian khá lâu sau khi con người ngưng cung ứng năng lượng cho chúng, trước khi thể trí có thể vượt khỏi giai đoạn mà nó biểu hiện.

Khi thành công trong việc trong sạch hóa tư tưởng về dục vọng, cái trí chúng ta không còn phát sinh những ý tưởng không tinh khiết, cũng như không thích thú suy tưởng đến những hình ảnh nhơ bẩn. Chúng ta không còn làm linh hoạt những chất liệu thô kệch trong thể trí cũng như thể vía, mà trước kia những chất liệu thô kệch này thường rung động để đáp ứng lại những tư tưởng thô kệch, từ đây những hình tư tưởng mà chúng ta đã tạo ra sẽ dần dần tan rã. Nhưng khi chúng ta tiếp xúc với những người mà những rung động loại này còn chứa bên trong họ, những rung động được truyền ra ngoài và làm sinh động lại những hình tư tưởng đang tan rã ấy, cho chúng mượn tạm sự sống giả tạo. Những hình tư tưởng này có vẻ như do chính tư tưởng của ta, chúng xuất hiện như đám con cái của cái trí ta, và ta không biết rằng chúng chỉ là những xác chết từ quá khứ, sống trở lại do ma thuật của

những tư tưởng xấu tương tự như chúng. Có sự tương phản rõ rệt giữa những hình tư tưởng này và cái trí đã được thanh lọc trong sạch, chúng méo mó như một xác chết đeo dính theo người sống, nhưng chúng đã mất hết khả năng xúi dục, quấy rầy. Ta có thể xem những hình tư tưởng loại này như những dấu vết còn sót lại của quá khứ; hiện tại chúng không còn độc hại nữa. Ta biết rằng hình tư tưởng loại này mượn sự sống từ bên ngoài, chớ không phải do rút từ ta, và ta có thể “bình tĩnh và tự tin chờ đợi đến lúc nó không còn ảnh hưởng gì đến ta nữa.”

Để làm trở ngại cho người đang tiến triển nhanh, đôi khi hình tư tưởng được làm sống lại tạm thời bởi những người tìm cách làm trì trệ sự tiến hóa, những kẻ đứng trong hàng ngũ chống lại Thiện Luật. Họ có thể gọi một tư tưởng đủ sức kích động bóng ma đang chết làm cho nó có những hoạt động kỳ dị, với mục đích gây phiền phức cho người học đạo, vào lúc người ấy vừa vượt qua những cám dỗ. Xin lặp lại, sự khó khăn chấm dứt khi hình tư tưởng rút năng lượng từ bên ngoài, mà không từ bên trong. Khi ấy, người học đạo có thể bình tĩnh nói với những hình ảnh ma quỷ nổi dậy này rằng: “Các ngươi không phải của ta, không phải là một thành phần của ta, sự sống của các ngươi không do tư tưởng ta ban cho. Cách nay rất lâu, các ngươi đã chết không thể sống lại, và chỉ là những bóng ma tối tăm, mà trước đây có lần các ngươi là kẻ thù của ta.”

Một điều gây rắc rối khác là đại ma thuật của thời gian, chủ nhân của ảo ảnh. Thời gian làm cho chúng ta có cảm giác vội vã, lo âu, và che phủ lên sự duy nhất của cuộc sống chúng ta bằng những bức màn của sự sống và sự chết. Người học đạo băn khoăn kêu lên: “Trong đời sống hiện tại tôi có thể làm được gì, tôi có thể tiến triển được bao nhiêu?” Thật ra không có cái gọi là “sự sống hiện tại”, chỉ có một sự sống mà thôi; hiện tại chỉ là nơi gặp nhau của quá khứ và tương lai, nó luôn thay đổi từng giây phút. Chúng ta chỉ nhận thấy quá khứ và tương lai, còn chính hiện tại thì vô hình. Chỉ có một sự sống, không có khởi đầu và không có chấm dứt, một sự sống không có tuổi tác, cũng không có thời gian. Chúng ta tự lừa phỉnh bằng cách phân chia nó bằng những biên cố luôn tái diễn của sinh và tử. Bản chất thấp hèn tạo ra những cái bẫy để đánh lừa chân ngã, làm cho linh hồn bất tử đang yên nghỉ trên đôi cánh của con chim linh thiêng phải lầm lạc vào những đường xấu xa, và trong tất cả những màn lưới ảo tưởng, thời gian là loại lưới mịn màng nhất.

Khi một người đến lúc lớn tuổi mới nhận thấy được chân lý, họ thường cảm thấy không được khích lệ và thốt lên: “Rất tiếc, tôi quá già để bắt đầu trở lại, phải chi tôi biết được điều này lúc còn trẻ.” Thật ra con đường là một, sự sống là một, và tất cả mọi phần của con đường phải được trải qua trong cuộc sống. Vậy thì có gì khác nhau, khi một phần con đường

được trải qua trong giai đoạn đặc biệt nào đó của đời sống thế gian? Nếu người A và người B lần đầu tiên thoáng nhìn được thực tại cách nhau hai năm, trong khi người A đã 70 tuổi, và người B chỉ mới 20. Người A sẽ trở lại thế gian và bắt đầu công việc với một sức sống tươi trẻ, trong lúc ấy người B đang ở vào tuổi già. Trong những giai đoạn của sự sống, mỗi người đều sẽ trải qua nhiều lần thời thơ ấu, thời trẻ tuổi và thời già nua của xác thân. Một người đã lớn tuổi, nhận thức được chân lý từ Minh Triết Cổ Truyền, thay vì than van: “Tôi không thể làm được gì nhiều với thời gian ngắn ngủi còn lại,” họ nên nói: “Thật là quá tốt, vì tôi có thể đặt nền tảng cho kiếp sau, cảm ơn chân lý đã đến với tôi.”

Ta không là những nô lệ của Thời Gian, ta không cúi đầu trước nó, và đừng để nó bịt mắt ta bằng những tấm màn sinh tử. Ta luôn luôn là chính ta, và có thể bước đi vững chắc tới trước, xuyên qua sự thay đổi của ánh sáng và bóng tối, gây nên bởi ngọn đèn ảo ảnh của thời gian. Những vị thần linh được hình dung như là trẻ mãi, chính là để nhắc nhở chúng ta rằng sự sống thật sự không bị ảnh hưởng bởi thời gian. Chúng ta mượn một ít sức mạnh và sự an tĩnh từ “cái vô thủy vô chung” và cố gắng sống trong ấy, để vượt khỏi mắt lưới của những điều quyền rũ.

Tuy còn nhiều khó khăn trải dài trên con đường đi lên của người học đạo, nhưng cuối cùng, với ý chí cương quyết và tấm lòng chân thành được soi sáng bởi trí tuệ, chúng ta sẽ khắc phục được tất cả và sẽ đạt đến mục đích tối hậu. Yên nghỉ trên Thiên Luật là điều bí mật đưa đến sự bình an; lúc nào cũng phải hoàn toàn tin tưởng vào nó, nhất là lúc chúng ta gặp điều phiền muộn. Không linh hồn nào chân thành muốn tiến lên mà luôn luôn bị thất bại; không có trái tim thương yêu nào mà luôn luôn bị bỏ rơi. Có những điều khó khăn là để chúng ta vượt qua và phát triển mạnh hơn, và chỉ có những người đã từng trải qua đau khổ mới có thể cứu khổ kẻ khác.

## NƠI BÌNH AN

Nhiều người than phiền đời sống trong thế giới văn minh quá nhanh, náo động và vội vàng, họ thường tự bào chữa “Tôi không có thì giờ.” Người ta thường xem báo chí thay vì đọc sách, xem quảng cáo thay vì tìm đọc những bài luận giải, phê bình người khác thay vì tìm hiểu họ. Càng ngày chúng ta càng chú ý đến những sự việc nông cạn trong đời sống: sự thành công của một thương gia, những quyền hành nhỏ nhoi trong xã hội, danh tiếng tạm thời trong giới chính trị hoặc văn chương... để đạt được chúng, người ta phải làm việc cực nhọc, tìm mưu kế và phấn đấu.

Khi làm việc gì, con người muốn có kết quả ngay, nếu không thì xem như thất bại. Con người khi thấy mục đích bên ngoài, thường cố gắng vượt nhanh đến mục đích đó trong tư thế của người thắng cuộc để nhận lãnh những tràng vỗ tay hoan hô của quần chúng. Danh vọng vững chắc được tạo dựng bởi nhiều năm làm việc không ngừng; cực nhọc suốt đời ngoài đồng, khi đến mùa gặt thì người gieo hạt đã khuất bóng; lý tưởng cao đẹp vượt khỏi tầm với của người bình thường, quá lớn để có thể đạt được trong một kiếp sống... do đó người đời không tiếp nhận được. Tinh thần của thời đại được tóm tắt trong câu nói châm biếm của một hiền triết Trung Hoa: “Con người nhìn vào quả trứng, mong nghe tiếng gáy của nó.” Chúng ta thường than phiền thiên nhiên quá chậm chạp, nhưng chúng ta quên rằng những gì chúng ta đạt được quá nhanh thì không có chiều sâu.

Đôi với một số người, cuộc đời con người không giống như đời sống tạm bợ của những con côn trùng nhỏ bé nhảy múa dưới ánh mặt trời. Đôi khi trong tâm con người phát ra những tiếng thì thầm êm dịu nhắc nhở họ rằng tất cả những sự việc có vẻ như xung đột, vội vàng chỉ là những cuộn phim trên màn ảnh. Những thành đạt trong thương trường, trong xã hội được công chúng ngưỡng mộ chỉ là những điều nhỏ nhặt như những bọt bèo nhấp nhô trên mặt nước; ganh tỵ, và cạnh tranh cay đắng là theo đuổi những điều không giá trị.

## THIÊN NHIÊN LÀ LIỀU THUỐC TRẦN AN

Giả thử chúng ta đến sống tại một thành phố có nếp sống vội vã trong một tuần hay một tháng; chúng ta cảm thấy hơi bị kích động, cố gắng để đạt được vài thắng lợi nhỏ, với niềm hy vọng tầm thường, niềm đau do những sự chán nản, bất hòa do sự va chạm giữa cái ngã ích kỷ với những cái ngã

khác cũng ích kỷ không kém. Sau đó chúng ta rời bỏ nơi huyên náo này và đến một vùng núi non thanh tịnh vắng vẻ. Nơi đây, chúng ta chỉ nghe những âm điệu hài hòa của thiên nhiên xen lẫn với những lúc yên lặng: tiếng thác nước đổ dồn dập sau cơn mưa đêm qua, tiếng lá xào xạc dưới chân con thỏ rừng nhút nhát, tiếng khuấy động xì xào gây nên bởi con vẹt nước bơi ra từ lùm lau sậy, tiếng róc rách do xoáy nước vỗ lên những tảng đá cuội dọc theo bờ suối, tiếng vo vo của những con côn trùng bay lướt qua đám cỏ rậm, tiếng đớp mồi của con cá trong hồ nước dưới bóng cây. Nơi đây, tâm trí ta trở nên tĩnh lặng, êm dịu lại do được tiếp xúc với thiên nhiên, xa rời đời sống thế tục. Khi nhìn lại, ta thấy rõ xã hội đang quay cuồng, điên rồ trong những công việc và những trò giải trí. Từ bầu không khí an tịnh, nhìn ra ngoài, ta không cảm thấy xao xuyến với sự thành công hay thất bại trong những xung đột nhỏ nhất; cũng như không có gì đáng để ý nếu có người nào đó coi thường, hoặc ngợi khen ta. Khi rời xa những khuấy động, chúng ta có được tầm nhìn viễn cảnh, và thấy những sự vật bên ngoài đóng một vai trò rất nhỏ trong sự sống chân thật của chúng ta.

### THỜI GIAN LÀ LIỀU THUỐC TRỊ BỆNH

Khoảng cách thời gian, và không gian cũng làm cho ta quân bình trong sự phán đoán cuộc sống. Sau mười năm trôi qua, khi nhìn lại những thử thách, vui buồn, hy vọng và thất vọng trong quá khứ, ta ngạc nhiên không biết vì sao ta đã tiêu phí quá nhiều năng lực vào những việc nhỏ nhất không giá trị. Đối với một người đã thay đổi nhiều cá tính, khi hồi tưởng lại những niềm đau thấu xương trước kia, họ cũng thấy chúng có vẻ xa lạ. Sự sống của ta hoàn toàn bị ràng buộc vào sự sống của người khác, và bất cứ giá trị riêng tư nào của ta hình như cũng thuộc về người mà chúng ta yêu thương. Khi bị người ấy phản bội, chúng ta tưởng như cuộc sống này đã chấm dứt, tim chúng ta tan vỡ, nhưng chỉ sau một thời gian, vết thương được chữa lành. Ngày nay, sau mười năm, ta không khỏi rùng mình khi nhìn lại nỗi thống khổ đã có lần sắp làm tan vỡ cuộc đời ta; khi nhớ lại những kích động và tức giận điên rồ, cũng như những lời nói đả đay đã làm mất đi một người bạn tốt. Trước kia, đôi khi ta bị kích thích quá đáng khi thành công trong công việc mà ta cho là khó khăn; nay nhớ lại đó chỉ là điều nhỏ nhất đã được thổi phồng lên; và thấy được nó chỉ là một phần nhỏ trong cuộc sống, nó chỉ là một điểm, nhưng có lần đã chiếm trọn cả bầu trời.

Trong niềm an tịnh, xuyên qua không gian và thời gian, ta suy tưởng về những thành bại trong quá khứ, cũng như những đau khổ sẽ xâm nhập trở lại khi ta quay về cuộc sống hàng ngày. Những việc tầm thường cũ trong bộ áo mới sẽ chiếm hết thì giờ của ta; những niềm vui, những nỗi buồn với bộ

mặt mới sẽ làm chủ ta. Một lần nữa, cuộc sống của ta lại bị bào mòn bởi những lo âu không ý nghĩa, những tranh cãi nhỏ nhặt, những ham muốn vụn vặt, và những thất vọng phi lý. Thánh kinh Bhagavad Gita có nói: “Sự xao xuyến của những giác quan sẽ biến mất do sức mạnh của trái tim.”

Có phải sự việc luôn luôn như vậy không? Vì chúng ta phải sống trong thế gian, phải đóng một vai trò trong bi kịch của cuộc đời, và phải chịu ảnh hưởng của những sự vật tạm bợ. Liệu chúng ta có thể tìm được một nơi bình an, cách biệt, trong khi phải sống và bị vây quanh bởi những sự việc thế gian?

## SỰ BÌNH AN CỦA CHÂN NGÃ

Mỗi người là một Thực Thể Bất Tử trong lớp áo xác thân, được sinh động bởi những ham muốn và đam mê. Ta kết nối lớp áo xác thân bằng sợi chỉ của bản chất trường tồn, sợi chỉ này là cái trí. Rất khó kiểm soát cái trí, vì nó luôn thay đổi và chạy lang thang theo những sự vật thế gian. Nó linh hoạt do những ham muốn và đam mê, hy vọng và sợ hãi. Cái trí muốn trải nghiệm tất cả những thú vui cảm giác, nó bị lóa mắt, điếc tai bởi ánh sáng và huyền ảo từ cảnh vật chung quanh. Trong kinh Bhagavad Gita, Arjuna đã than phiền: “cái trí rất biến động, hỗn loạn, mạnh mẽ và bướng bỉnh.”

Ngự bên trên cái trí quay cuồng này là cái Ta Chân Thật hay cái Ngã Tinh Thần, nó hiện diện như một chứng nhân thầm lặng, tự tại. Đây là nơi bình an, tĩnh lặng, sóng gió ba đào ở bên dưới không thể chạm đến được. Vì chân ngã trường tồn, với nó mọi sự vật tạm bợ theo thời gian đều không quan trọng, chúng chỉ có công dụng mang lại sự hiểu biết và kinh nghiệm về điều tốt lẫn xấu. Chân ngã sống trong thân thể như một cái nhà bằng đất, nó học biết sự sinh tử, được mất, vui buồn, và sướng khổ. Nó nhìn những sự việc trải qua như những ảo ảnh, không gợn sóng nào có thể làm mất đi sự tĩnh lặng, tự tại của nó. Nếu có một việc đau buồn ảnh hưởng đến cái vỏ bên ngoài của nó, thì nó chỉ đơn giản ghi nhận sự hài hoà bị gián đoạn. Sự đau khổ được tiếp nhận như dấu hiệu cho biết thất bại, nó thu nhận như một bài học cho tương lai. Vì chân ngã phải chinh phục cõi vật chất, tinh luyện và thăng hoa nó, và chỉ bằng sự đau khổ chân ngã mới có thể học được cách xử sự.

Như thế, con đường bí mật đưa đến Nơi Bình An là học cách đồng hóa tâm thức chúng ta với chân ngã thật sự, thay vì với phàm ngã tạm bợ. Ta tự đồng hóa với thể trí, và não bộ hoạt động trong xác thân. Ta tự đồng hóa với những đam mê và ham muốn, cho nên ta thường nói: “tôi hy vọng, tôi lo sợ...” Ta tự đồng hóa với thể xác, mà thật ra nó chỉ là một cái máy mà chúng ta dùng để tiếp xúc với thế giới vật chất. Khi tất cả những thành phần

của bản chất chúng ta được linh động do sự tiếp xúc với vật chất bên ngoài, và cảm nhận sự quay cuồng của đời sống vật chất xung quanh, lúc ấy tâm thức chúng ta cũng bị ảnh hưởng theo. Kinh B. Gita có nói: “Đam mê tràn vào cướp đi trái tim không được kiểm soát, và kiến thức tinh thần như con thuyền trên biển động giữa cơn giông bão.” Kết quả là chúng ta bị kích thích, mất quân bình, tức giận, cảm thấy bị thương tổn, phần uất, điên cuồng, đau khổ; tất cả những thứ đó làm mất đi sự bình an và sức mạnh.

### BA ĐƯỜNG LỐI DẪN ĐẾN SỰ BÌNH AN

Khi bắt đầu đặt chân trên đường đạo để đến nơi bình an, chúng ta phải cố gắng đồng hóa tâm thức chúng ta với chân ngã, thấy như nó thấy, phán đoán như nó phán đoán. Đây là vấn đề thực hành, chớ không phải nói suông, tuy chưa làm được nhưng chúng ta thử bắt đầu thực hành ba phương pháp sau: (1) Tách rời khỏi những đôi tượng của giác quan, (2) làm việc tốt mà không màng đến kết quả, (3) tham thiên và luôn luôn hướng về chân ngã. Chúng ta hãy lần lượt nghiên cứu những phương pháp trên.

Ta có thể thực hành phương pháp đầu tiên bằng cách thường xuyên tuân giữ qui luật một cách khôn ngoan. Hãy tập lãnh đạm đối với những điều gây bực bội nhỏ nhất, những chuyện tán gẫu vui chơi, những thú vui xác thân, khoan dung và dễ dãi chấp nhận những điều từ bên ngoài đến, không tránh né mà cũng không mong mỏi những điều vui thú hay đau buồn nhỏ nhất. Dần dần, ta tập được tánh lãnh đạm mà ta không ngờ, những khó khăn nhỏ nhất xảy ra có thể gây khó chịu cho người khác, nhưng không ảnh hưởng đến tâm trí ta. Nhờ vậy ta mới rảnh tay giúp đỡ những người chung quanh đang bị phiền phức bởi những khó khăn; và ta có thể trợ giúp cho cuộc sống của những người chưa hiểu biết bằng chúng ta được dễ dàng hơn. Để đạt được đức tánh này, sự điều độ là then chốt. Trong B. Gita có đề cập như sau: “Hỡi Arjuna, qui luật hoàn hảo không thể đạt được bởi người ăn quá nhiều hay quá ít, hoặc bởi người có thói quen ngủ quá nhiều hay quá ít. Người muốn diệt đau khổ phải điều độ trong sự ăn uống, giải trí, hoạt động, và ngủ nghỉ.” Xác thân không thể bị phá hủy, nó phải được huấn luyện.

Phương pháp thứ hai là không màng đến kết quả. Điều này không có nghĩa là không để ý đến kết quả của việc ta làm để rút tĩa kinh nghiệm cho bước đi kế tiếp. Chúng ta có được kinh nghiệm từ sự xem xét kết quả, và từ đó trở nên khôn ngoan. Khi một hành động đã được thực hiện với sự suy xét cẩn thận, với năng lực mạnh mẽ, và ý nguyện trong sạch; sau đó, chúng ta cứ để tự nhiên, không lo lắng gì đến kết quả. Hành động đã thực hiện, không thể thu hồi lại được, lo lắng không có ích gì. Khi kết quả đến, ta ghi nhận như một lời dạy, không quá vui mừng hay hối tiếc. Sự vui mừng hay hối tiếc



chỉ làm cho ta không chú tâm thực hiện bổn phận hiện tại, và làm suy giảm tiềm lực của ta. Giả thử kết quả của việc làm là có hại, người khôn ngoan sẽ nói: “Tôi đã làm sai, tôi phải tránh lỗi lầm tương tự trong tương lai; hối hận chỉ làm suy giảm năng lực trong công việc hiện tại, mà không thay đổi được kết quả do hành động lỗi lầm của tôi. Vì thế, thay vì để mất thì giờ cho sự hối hận, tôi chú tâm làm việc cho tốt hơn.”

Tách rời khỏi kết quả của hành động làm cho cái trí an tịnh, từ đó chúng ta có thể tập trung hữu hiệu vào mỗi công việc. Kinh B. Gita nói: “Ai hiến dâng hành động không vụ lợi cho Đấng Tối Cao, thì không có tội lỗi nào chạm đến họ, như nước không thể thấm vào lá sen. Người hiến dâng chân thật có trái tim tinh khiết, họ hành động bằng xác thân và các giác quan, với lý trí và sự hiểu biết, họ không màng những lợi lộc riêng tư. Người hiến dâng không bị trói buộc vào kết quả của hành động sẽ đạt được sự an tịnh; trong khi người hành động do lòng ham muốn, và đeo níu vào kết quả sẽ bị trói buộc.”

Phương pháp thứ ba, tham thiền, là cách thức đem lại nhiều kết quả nhất và cũng là cách thức khó khăn nhất. Người tập tham thiền phải thường xuyên cố gắng nhận ra lý lịch của mình từ chân ngã, và ý thức mình chính là chân ngã đó. Cái trí hay thay đổi, và thường chạy theo sự vật bên ngoài, ta phải chinh phục nó, và đem nó trở về nội tâm. Việc này phải thực hành suốt đời, và nó sẽ đem ta đến nơi bình an. Ta phải thường xuyên làm tươi mới sự cố gắng và duy trì tính kiên nhẫn. Mỗi ngày ta cần để riêng ra một khoảng thời gian, vào giờ nhất định, tự thu mình lại như con rùa thu gọn vào cái mai của nó, hồi nhớ lại bản chất trường tồn của ta; không để những điều tạm bợ, những biến cố ở thế gian ảnh hưởng đến ta.

Khi năng lực tinh thần trong chân ngã tăng trưởng, chẳng những chúng ta được bình an mà còn được minh triết. Vì khi không còn ham muốn cá nhân, và nhận ra được bản chất trường tồn, chúng ta sẽ không còn tư kiến hay thành kiến khi phán đoán mọi việc. “Khi đạt đến trạng thái an tịnh, con người xa lánh được tất cả phiền phức, cái trí dễ dàng chú tâm vào một sự việc, và đạt được minh triết. Nếu tâm và trí không an tịnh, ta sẽ không thể đạt được minh triết. Với lòng kiên nhẫn, con người sẽ dần dần đạt được những mức độ của sự an tịnh. Phúc lạc tối thượng chắc chắn sẽ đến với bậc hiền triết đã có cái trí bình an, đã khắc phục được những dục vọng và đam mê; vị ấy luôn luôn an trụ trong chân ngã, thoát khỏi mọi ràng buộc của tội lỗi.”

Đây là ba cấp bậc của con đường dẫn đến Nơi Bình An. Đến được nơi đây là đã chinh phục được Thời Gian và sự Chết. “Trên con đường quanh co dẫn đến tận đỉnh núi, cánh cửa “con chim bình an” quạt phía trước người

hành hương mệt mỏi, và cuối cùng người ấy tìm được sự an tịnh không bao giờ mất.”

## 4

## LÒNG SÙNG TÍN VÀ ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Không thể đạt đến linh hồn bằng trí thức hoặc sự hiểu biết, hay bằng các môn khoa học... cũng không thể bằng lòng sùng tín suông, hay kiến thức chưa được kết hợp với lòng sùng tín.

(Mundakopanishad)

Theo kinh Upanishads, bộ kinh xưa nhất của nhân loại hiện nay, có hai con đường để tìm chân ngã. Người tâm đạo có thể đi trên một trong hai con đường đó, nhưng cuối cùng hai con đường phải nhập làm một để đưa đến sự hoàn thiện. Một là đường trí thức, đưa đến sự giải thoát khỏi mọi ràng buộc; hai là đường sùng tín, nếu được kết hợp với sự hiểu biết đúng đắn sẽ giúp con người trong việc phụng sự, đó là điều vinh diệu nhất của nhân loại.

Người chưa chính thức là đệ tử nhập môn, nhưng cố gắng sống cuộc đời hướng thượng và làm công việc ích lợi cho thế gian, họ theo con đường hành động, và từ hành động cũng như ước muốn tốt sẽ tạo ra nghiệp quả tốt. Nhưng nghiệp quả dù tốt hoặc xấu cũng đều đưa con người luân hồi lại cõi trần. Hàng vạn, hàng triệu năm trôi qua, kết quả của công việc làm là sự tái sinh, kết quả của lòng ham muốn là “trải qua từ sự chết này đến sự chết khác.” Công việc tốt và hữu ích cho nhân loại sẽ được tưởng thưởng xứng đáng, theo cách nói của Thiên Chúa giáo là đạt được cõi Thiên Đàng (Heaven), Ấn Độ giáo là cõi Svarga, Minh Triết Thiêng Liêng gọi là cõi Chân Phúc (Devachan). Ngoài cõi chân phúc này còn có cõi Thiên Đàng của các bậc thần minh, mà chúng ta đọc được trong kinh sách Ấn giáo. Đây là cõi của những vị đã vượt qua trình độ tiến hóa của nhân loại, và đạt được địa vị cao cả ở Thiên Đàng. Các vị này có thể ngự trị nơi đây suốt một chu kỳ biểu lộ của vũ trụ (manvantara), và điều khiển tiến trình sinh hoạt của tất cả các thế giới trong vũ trụ.

Việc làm của con người sẽ đưa đến đâu? Sự giải phóng cũng như sự từ bỏ tội thượng không thể kết thúc con đường của một người làm việc với tâm trạng mong chờ kết quả. Thiên nhiên luôn công bằng, chúng ta sẽ đạt được những gì mà chúng ta cố gắng thực hiện. Nếu chúng ta làm việc để được thưởng công, phần thưởng chắc chắn sẽ đến từ nguyên lý công bằng hằng điều hành thế giới. Nhân quả do việc làm tốt tạo ra cũng có lúc khô cạn, dù ở thế giới này hay thế giới khác, chắc chắn nó sẽ hết đi, khi ấy chân

ngã sẽ tái sinh; vì làm việc để được tưởng thưởng, thì sự thưởng công ấy đến lúc sẽ chấm dứt.

Đoạn kinh văn trên được tiếp tục như sau: “Sau khi quan sát kết quả do việc làm tạo ra, người Bà La Môn không còn bị ràng buộc vào mọi dục vọng. Không có điều gì trường tồn có thể đạt được bằng những phương tiện không trường tồn.” (Mundakopanishad).

Khi tất cả ham muốn chấm dứt, người ta có thể bước vào con đường trí tuệ hay con đường tín ngưỡng.

## CON ĐƯỜNG TRÍ TUỆ

Trí tuệ là gì? Dĩ nhiên không phải là do sự học hỏi ở thế gian, không phải kiến thức mà nhiều nhà khoa học có được, cũng không phải là thông suốt mọi ngành học thuật. Khi nói đến con đường trí tuệ, chúng ta muốn nói đến những gì cao hơn kiến thức học hỏi được. Chúng ta muốn nói con đường đưa đến kiến thức tinh thần, đó là sự hiểu biết về cái Một, về chân ngã, và tìm thấy Thượng Đế hay Brahman. Do trí tuệ con người tìm được Đấng Thiêng Liêng và có thể thâm nhập vào đấng ấy.

Một số người chọn đường trí tuệ, không liên kết với sự sùng kính, và theo đường ấy từ đời này sang đời khác cho đến khi được giải thoát. Chúng ta hãy tìm hiểu những giai đoạn của con đường ấy.

Trước hết, con người phải nhận thức Đấng Duy Nhất, từ đó thế giới được thành lập, đó là Cái Ngã trường tồn, không thay đổi, phóng ra vũ trụ như con nhện phóng ra mạng lưới, rồi thu hút trở lại (Mundalopanishad). Con người phải nhận ra cái Thực Thể, là cội nguồn của vạn vật, cái Tồi Thượng mà con người không thể nhận thức được, cái Duy Nhất, và không có cái thứ hai.

Sau khi nhận ra Cái Một, ta phải ý thức rằng tất cả mọi sự vật khoác lấy hình tướng riêng rẽ sẽ có lúc phải chấm dứt. Trong vũ trụ, không có sự chia rẽ, mà chỉ có vẻ bề ngoài dường như chia rẽ. Cái một duy nhất, không có cái thứ hai, chính là Thực Tại duy nhất, một sự sống duy nhất, ngoài ra mọi hình tướng chỉ là sự biểu lộ tạm thời. Khi chưa nhận thức được sự duy nhất này, linh hồn vẫn phải trải qua từ sự chết này đến sự chết khác. (Kathopanishad).

Ngoài nhận thức sự không phân chia này, chúng ta phải cố gắng nhận thấy Đại Ngã vũ trụ, chính là cái Ngã ngự trong tâm con người, cái Ngã ấy khoác lên nhiều lớp vỏ bọc, với mục đích góp nhặt kinh nghiệm. Trên con đường trí tuệ, con người cởi bỏ từ lớp vỏ này đến lớp vỏ khác, cho đến khi tìm được chính Chân Ngã.

Trước nhất, trí tuệ cần phải nhận biết có sự hiện tồn của những lớp vỏ, kể đến nhận biết chân ngã hoạt động bên trong những lớp vỏ; và cần biết chúng ta có thể rời bỏ lớp vỏ này đến lớp vỏ khác. Cần giữ các giác quan yên lặng không xáo động, để chân ngã có thể rút ra khỏi cái vỏ cảm giác, cho đến khi những giác quan không còn hoạt động, trừ khi chúng ta muốn. Khi đó, chúng ta có thể nghe được tiếng nói của chân ngã, mà không có sự xâm nhập của thế giới bên ngoài.

## SỰ TỪ BỎ

Chúng ta cần nhận thức thể trí cũng là lớp vỏ bên ngoài của chân ngã, và bên trong lớp vỏ này, chân ngã hoạt động với những khái niệm và ý tưởng thuộc về thế giới nội tâm. Chân ngã cần rời bỏ lớp vỏ thể trí, giống như đã rời bỏ lớp vỏ cảm giác. Hãy nhận thức rằng những lớp vỏ ấy không phải chính Ta, mà Ta hay chân ngã thật sự ở phía sau và bên trong những lớp vỏ ấy. Hiểu biết về sự duy nhất phải trở thành nhận thức thực hành có thể ứng dụng vào cuộc sống, không phải chỉ là kiến thức suông. Được vậy chúng ta sẽ dễ dàng đạt được hạnh từ bỏ, nghĩa là rút lui khỏi những đối tượng của giác quan và của cái trí, xa lìa khỏi những xáo trộn từ bên ngoài lẫn bên trong, và quay về an trụ nơi chân ngã.

Nếu không thể xa lìa hoàn toàn thế giới bên ngoài lẫn bên trong, chúng ta vẫn có thể thực hiện sự từ bỏ bằng trí tuệ, bằng ý muốn mạnh mẽ không tạo nghiệp quả, và bằng sự hiểu biết rằng nếu từ bỏ được dục vọng thì con người sẽ không còn bị xiềng xích của nhân quả trói buộc vào vòng luân hồi. Như thế, từ bỏ mọi ham muốn là điều thiết yếu cho những ai muốn thoát ra ngoài vòng luân hồi sinh tử, và chỉ khi nào tâm con người vượt khỏi mọi ràng buộc thì mới có giải thoát. Lúc sống, nếu còn bị ràng buộc phải hành động, người học đạo cứ hành động nhưng không ham muốn; nếu buộc phải sống chung với mọi người, người học đạo hãy làm tròn bổn phận mà không cần để ý đến kết quả sẽ xảy ra. Khi tâm thức đạt đến chân ngã, bậc hiền nhân rời bỏ tất cả những đam mê và sống trong niềm an tịnh; người ấy an trụ trong Đấng Tối Cao, và hiện diện khắp mọi nơi với Ngài.

Như thế, mục đích của con đường trí tuệ là đạt đến trạng thái cao cả, nơi đó linh hồn an tịnh trong sức mạnh và minh triết của chính nó, làm lắng dịu tất cả những rung động của cảm giác. Khi ấy, linh hồn làm chủ hoàn toàn hoạt động của cái trí, trú ngụ trong thành phố có chín cửa, không hành động cũng không tạo ra hành động. Nó trú ngụ trong trạng thái biệt lập, nhưng đầy năng lực và minh triết, tách riêng khỏi mọi sự vật tạm bợ, và sẵn sàng hòa hợp vào Thượng Đế. Khi linh hồn thâm nhập vào Thượng đế, nó được giải thoát và duy trì sự kết hợp đời đời, thời gian mà loài người không

thể ước tính, tư tưởng con người không thể nghĩ tới được. Người Ấn Giáo gọi trạng thái ấy là moksha, là sự kết hợp toàn hảo với Cái Một và với Tất Cả. Linh hồn như thế chỉ rời khỏi sự kết hợp với Thượng Đế khi đại chu kỳ khai nguyên (great manvantara) bắt đầu trở lại, và một lần nữa sự sống biểu lộ trong hình thể.

## CON ĐƯỜNG SÙNG TÍN

Tuy đi trên đường sùng tín, người học đạo không thể bỏ qua sự hiểu biết chân chánh, vì sự hiểu biết chân chánh cần thiết cho việc phụng sự thế gian có hiệu quả. Sự hiểu biết chân chánh cần thiết vì mục đích của người học đạo là kết hợp với Thượng Đế, tuy sự kết hợp này theo cách thức khác với sự kết hợp đạt được bằng trí tuệ. Nếu không có sự hiểu biết đúng đắn, người có tình thương thay vì giúp đỡ kẻ khác có khi lại làm hại họ. Cần phải có sự hiểu biết đúng đắn đi chung với tín ngưỡng, vì sự hiểu biết cần thiết cho việc phụng sự được hoàn hảo, và công việc phụng sự hoàn hảo là điều cốt yếu trong đời sống của người có tín ngưỡng.

Mục đích của con đường tín ngưỡng là kết hợp một cách có ý thức với Đại Ngã được biểu lộ trong tất cả những cái ngã khác. Những cái ngã khác này vẫn tồn tại cho đến khi có sự kết hợp của tất cả những cái ngã trong đáng duy nhất. Vì tình thương là động lực trên con đường tín ngưỡng, đưa đến sự hiến dâng đời mình cho người mà họ tôn thờ để có thêm sức mạnh trong việc phụng sự những người yếu kém hơn. Người sùng kính ngưỡng mộ những bậc tiền hóa cao hơn để có thêm sức mạnh và năng lực tinh thần. Sức mạnh và năng lực này không phải để cho riêng họ được giải thoát, vì họ không mong cầu giải thoát cho đến khi tất cả đều được giải thoát. Cũng không phải để đạt được lợi ích riêng tư, vì họ không ham muốn gì ngoại trừ sự cho ra. Họ không giữ lại bất cứ gì cho chính họ, mà chỉ là vận hà để phước lành từ trên ban xuống nhân loại. Linh hồn người sùng tín luôn hướng lên Ánh Sáng bên trên, không phải để riêng họ được soi sáng, được giác ngộ, mà là tiêu điểm và vận hà để Ánh Sáng chiếu soi xuống những kẻ còn mờ tối. Họ ao ước Ánh Sáng ở trên chỉ để chuyển xuống cho những người ở dưới.

Đó là đặc tính đầu tiên, cũng là đặc tính tối thượng của những người theo con đường tín ngưỡng. Họ phải bắt đầu trong tình thương và chấm dứt trong tình thương. Từ đó họ nhận thức được mặt tinh thần của thiên nhiên, và họ sẽ không đơn độc. Như thế cũng chưa đủ để nhận ra cái Ngã, cái Một mà từ đó mọi hình thể chỉ là những biểu lộ tạm thời. Người sùng tín phải nhận ra những biểu lộ tạm bợ để trang bị cho việc phụng sự.

Họ sẽ bắt đầu bằng sự nhận thức rằng từ Một Nguồn Sống Vĩnh Cửu, một cái Ngã Đại Đồng phát sinh nhiều tia sáng, đó là những vị thông tuệ tinh thần với những cấp bậc tiến hóa khác nhau. Một số vị tiên hóa rất cao, đã vượt qua mọi trở ngại trong những chu kỳ khai nguyên quá khứ, rời bỏ Ngọn Lửa bất diệt để sẵn sàng soi sáng thế giới. Những vị này được coi như những hóa thân của sự sống thiêng liêng, và là nền tảng của vũ trụ biểu lộ. Người sùng tín xem những vị này như những đấng rất cao cả, dòng tiến hoá đã đưa những vị đó lên cao qua nhiều trạng thái niết bàn, và họ xuất hiện trở lại khi vũ trụ biểu lộ trong chu kỳ hiện tại. Con người gọi tên các đấng này theo sự phát triển tâm linh tối thượng của các Ngài, và xem các Ngài như là hóa thân tối cao của sự sống tinh thần.

Dưới những vị cao cả này, có rất nhiều đẳng cấp khác nhau gồm những vị thông tuệ tâm linh biểu lộ trong những hình thể của sự sống, và trong phương diện tinh thần của vũ trụ. Từ những vị rất cao cả mà chúng ta gọi là những đấng sáng lập vũ trụ, các vị Hành Tinh Thiên Đế, các vị Phật Minh Triết, xuống đến những vị cao cả hiện thân trong hình thể nhân loại như những vị Chân Sư, các Ngài chỉ cho chúng ta thấy Ánh Sáng Thiêng Liêng xa vời bên trên. Càng xuống thấp hơn nữa, có nhiều cấp độ những thực thể tâm linh trong những hình thể linh động của Ánh Sáng và Sự Sống tràn đầy vũ trụ.

Hệ thống đẳng cấp này được biết như là một nhóm huynh đệ vĩ đại, trong đó có những vị hóa thân với hình thể nhân loại. Do đó người đi trên đường đạo phải tiến đến tình huynh đệ đại đồng, chớ không cô lập, người sùng tín không muốn giải thoát trong sự cô lập. Họ cầu mong năng lực phụng sự từ đẳng tối cao, để giúp đỡ kẻ khác còn thấp kém hơn trên đường tiến hóa. Vì thế, con đường tín ngưỡng bắt đầu từ tình thương đối với tất cả những sinh vật hữu tình ở chung quanh ta, và chấm dứt trong tình yêu hướng về đẳng cao cả nhất mà tư tưởng của ta có thể nghĩ tới được.

Khi thừa nhận tình huynh đệ của những vị trợ giúp này, người sùng tín ý thức rằng mình cũng thuộc về nhóm những người cứu trợ, đóng góp phần mình để làm nhẹ bớt gánh nặng chung trong vũ trụ. Người sùng tín mong muốn có thêm sức mạnh để dùng trong công việc giúp đỡ chung, có thêm minh triết để làm sáng tỏ cho những người kém hiểu biết. Họ luôn luôn tìm cơ hội phụng sự, và nhận thức những cái ngã bên ngoài cũng như chân ngã bên trong.

Giống như người đi theo con đường trí tuệ, người đi theo con đường tín ngưỡng cũng nhận thấy sự quan trọng của việc từ bỏ, nhưng loại từ bỏ này có đặc tính khác. Nó không phải là sự từ bỏ nghiêm khắc của lý trí, như những người đi theo con đường trí tuệ thường nói: “Tôi không tự ràng buộc vào những sự vật tạm bợ, vì chúng đưa tôi trở lại tái sinh.” Mà đó là sự hoan

hỷ từ bỏ của người nhận thấy được những bậc cao cả ở bên trên đang trợ giúp nhân loại; người theo con đường này mong muốn được phụng sự những bậc cao cả đó, không màng đến bất cứ điều gì khác. Người sùng tín vui lòng, chớ không phải bị bắt buộc, hiến dâng tất cả cho đấng mà họ tôn thờ, hầu để được tự do. Họ không cắt đứt dục vọng bằng cách chặt đứt nó, mà họ thiêu hủy dục vọng trong ngọn lửa sùng tín, vì lửa này đốt cháy tất cả mọi vật không cùng đặc tính với nó.

Những người phụng sự như thế không bị nhân quả trói buộc, họ được tự do vì họ không mong muốn điều gì ngoài việc phụng sự. Từ đó họ đạt đến sự kết hợp với Đấng Tối Cao và với nhân loại. Việc phụng sự này sẽ tách rời họ khỏi những cảm giác và lý trí, và sự tách rời này sẽ giúp họ phụng sự tốt hơn. Đây là bài học của người đi theo con đường tín ngưỡng: “Bốn phận của chúng ta là hành động, nếu không hành động thế giới sẽ bị ứ đọng. Chúng ta có bốn phận phải hành động một cách hoàn hảo ở chính nơi chúng ta sinh sống, vì đó là nơi chúng ta được sinh ra.”

Người sùng tín không tìm kiếm kết quả của hành động, họ nhận thấy rằng họ có mặt ở thế gian để hoạt động, và họ hành động không phải vì lợi ích riêng tư. Tư tưởng của họ luôn luôn gắn bó với đối tượng mà họ đang phụng sự và với tình thương. Như đấng Krishna đã nói trong thánh ca Gita: “Những giác quan và cái trí di chuyển theo những đối tượng thích hợp, trong khi tâm chúng ta vẫn được tự tại.”

## NHỮNG BẬC MINH TRIẾT CAO CẢ

Chúng ta làm việc khôn ngoan với trọn khả năng, và cố gắng tối đa để phụng sự nhân loại; chúng ta không mong cầu kết quả, chỉ mong được các bậc minh triết cao cả giúp đỡ cho chúng ta nghị lực và sáng suốt để hành động. Không nên vướng bận vào hành động, hãy làm tròn phần việc của mình, và để cho năng lực tinh thần từ các Ngài tác động. Do còn yếu kém và mờ tối, chúng ta không nên ngăn trở hay đụng chạm đến chiều hướng của công việc, cũng như không nên mong chờ kết quả mang lại. Hãy để cho sức mạnh của các Ngài sửa đổi sự yếu kém của chúng ta, sự minh triết của các Ngài sửa đổi sự khờ dại của chúng ta, và sự đúng đắn của các Ngài sửa chữa những lỗi lầm của chúng ta. Mặc dù chúng ta sẽ bị đau buồn khi làm lỗi, nhưng kết quả sẽ tốt vì chúng ta làm với ý muốn phụng sự. Nếu không trọn lẫn tính chất cá nhân vào công việc, dù yếu kém chúng ta vẫn có thể thành công. Khi năng lực tinh thần cao cả được thúc đẩy bởi tình thương thì không còn sự thất bại nào do kiến thức gây ra.

Đến đây mọi lo âu đều biến mất, người sống với lòng sùng tín đạt đến sự bình an bên trong, và không còn lo lắng gì về thế giới bên ngoài. Người



sùng tín cố gắng làm việc với trọn khả năng của mình, nếu có làm lỗi, họ biết sự thất bại sẽ là bài học cho họ. Họ vui lòng nhận chịu mọi đau khổ vì những đau khổ này sẽ dạy họ khôn ngoan hơn, giúp họ càng thích ứng hơn để làm việc chung với những linh hồn cao cả, là những người làm việc cho thế gian. Niềm đau gây nên do sự dại khờ không làm họ phiền muộn; niềm đau do làm lỗi được xem như là một bài học; được như vậy, sự an tịnh của linh hồn không bị lay động. Người sùng tín chỉ mong học để làm đúng, không chú trọng đến cái giá phải trả, nếu bài học đó làm cho họ trở nên người phụng sự tốt hơn cho nhân loại và cho các vị chân sư cao cả.

Làm việc tốt nhất theo khả năng mà không màng đến kết quả, là sự sùng tín đúng đắn, đó chính là thái độ của linh hồn. Luôn luôn hướng về Ánh Sáng bên trong, người sùng tín với tình thương vị tha sẽ có được bình an, và luôn luôn sẵn sàng để phụng sự.

### SÙNG TÍN ĐỐI VỚI AI ?

Bạn có thể đặt câu hỏi: Như thế sự sùng tín phải hướng về người nào? Mỗi người phải nhận thấy cội nguồn của sự sùng tín ở chính nơi ta đang sống, với những người sống chung quanh ta. Sùng tín không có giá trị gì nếu chỉ là lời nói suông, mà không biểu hiện bằng tình thương trong cuộc sống, và tình thương đó phải bắt đầu từ sự chăm sóc những người gần gũi nhất. Người sùng tín thật sự không lo cho riêng mình, mà luôn nghĩ đến và sẵn sàng chăm sóc những người chung quanh. Họ có thể từ bỏ sự bình an riêng để lo lắng mọi vấn đề khó khăn của những người đồng hành. Vì thế, đời sống của người sùng tín bắt đầu tại nhà, họ làm hoàn hảo bổn phận trong gia đình. Người sùng tín đem sự sống tươi sáng của mình vào đời sống trong gia đình, họ nhận lãnh công việc làm nhẹ bớt gánh nặng cho người khác.

Từ đời sống gia đình, họ tiến ra đời sống rộng lớn hơn ngoài xã hội, và làm việc tốt hơn. Người sùng tín không bao giờ đặt câu hỏi: “việc này làm cho tôi phiền não, làm cho tôi đau khổ, vậy tôi có nên làm những việc khác không?” Vì ý muốn duy nhất của họ là phụng sự, họ sẽ thực hiện điều gì mà họ nghĩ là tốt nhất, trước là đối với những người gần gũi, kế đó đối với những người ở xa.

Ngọn lửa tinh luyện của lòng sùng tín sẽ phát sinh ở người có đời sống phụng sự, và họ sẽ nhìn thấy rõ hơn những bậc cao cả bên trên. Vì chỉ khi nào chúng ta phụng sự và thương yêu những người chung quanh, thì đôi mắt tinh thần mới bắt đầu mở; từ đó, chúng ta sẽ nhận ra được những vị trợ giúp ở trên sẵn sàng giúp đỡ chúng ta, cũng như chúng ta giúp đỡ những người khác.

Trên con đường sùng tín này, không có sự giúp đỡ cho một cá nhân đặc biệt nào. Những bậc cao cả chỉ giúp đỡ ta để đến lượt ta giúp đỡ kẻ khác. Nếu muốn được các Ngài trợ giúp, ta phải luôn luôn giúp đỡ kẻ khác. Vì thế, món quà mà các Ngài trao cho ta, là để ta trao lại cho những người đang cần.

Khi tâm nhìn của ta sáng sủa hơn, ta sẽ nhận thấy nhiều cấp độ những bậc Thông Tuệ Tâm Linh, và biết được có một số vị hiện thân trong loài người. Khi biết được có những vị tiến hóa cao, ta nhận thấy chính ta cũng có thể leo lên những nấc thang bên trên, và khi lên được những nấc thang phía trên, ta càng thấy có nhiều bậc cao cả hơn ở trên nữa. Người sùng tín trên con đường phát triển tinh thần, mỗi bước tiến sẽ rộng mở một chân trời mới. Một khi đôi mắt tinh thần được sáng tỏ hơn, con người sẽ nhìn thấu vào nguồn sáng mạnh mẽ, nguồn sáng này đã ngăn cản những đôi mắt và cái trí phàm trần không nhận thấy những vị Thông Tuệ Tâm Linh. Như thế, linh hồn người sùng tín vui thích nhận ra và ngưỡng mộ tình thương cùng tất cả những điều tuyệt diệu của con người. Người sùng tín có thể tôn thờ những vị anh hùng, không phải họ không nhận thấy những điểm sai trái của người mà họ ngưỡng mộ, mà họ chỉ chú trọng và yêu thích điểm tốt của vị ấy, và lúc đó sự nhận thức điều tốt đã lấn át sự phê phán điều sai trái. Người sùng tín yêu thương và phụng sự người họ ngưỡng mộ với những đặc điểm tốt của vị ấy, và bỏ qua một cách khoan dung những điểm xấu.

Khi người sùng tín nhận biết những ưu điểm của người khác, họ có cơ hội liên hệ với những người đệ tử có trình độ tiến hóa cao và thâm sâu hơn người bình thường ở thế gian. Những người đệ tử này đang dần dần đốt cháy mọi vô minh và ích kỷ, và đang trên đường tiến lên để được tiếp xúc trực tiếp với vị được gọi là Chân Sư, nhân viên của Thiên Đoàn. Nếu có cơ hội, người sùng tín sẽ yêu thương và phụng sự hết lòng những người đệ tử này, họ biết việc phụng sự như thế sẽ thanh lọc hóa chính họ cũng như trợ giúp thế gian, và làm cho họ càng ngày càng trở nên thích hợp để làm vận hà cho nguồn năng lực từ trên tuôn xuống những kẻ còn yếu kém hơn. Xuyên qua những đệ tử, dần dần người sùng tín sẽ có dịp tiếp xúc được với những vị Chân Sư, những bậc cao cả phi thường hiện thân trong hàng ngũ nhân loại. Những vị này cao hơn chúng ta về phương diện thanh khiết và minh triết tinh thần, cũng như về phương diện vị tha. Đối với nhân loại, họ là những vị thần linh, vì những lớp vỏ bao bọc các Ngài rất trong suốt, không ngăn cản Ánh Sáng Tinh Thần chiếu rọi từ bên trong. Các Ngài vượt xa chúng ta trên đường tiến hóa, nhưng trong bản chất, các Ngài không khác chúng ta. Những lớp vỏ của chúng ta che lấp Ánh Sáng bên trong, trong khi những lớp vỏ của các Ngài rất tinh khiết.

Qua con đường sùng tín, người đệ tử tiến đến dưới chân thầy và được Chân Sư giúp đỡ, hướng dẫn, dạy dỗ. Được diễm phúc tiếp xúc với các Ngài, chúng ta đã tiến khá xa trên đường tiến hóa tinh thần; nếu không nhờ lòng sùng tín, chúng ta khó đạt đến những bước cao hơn.

Một vị Chân Sư viết cho đệ tử người Ấn những lời sau, cho thấy ý nghĩa sự sùng tín rõ ràng hơn:

“Lòng sùng tín đối với những bậc cao cả là điều không thể thiếu cho sự tiến bộ và kiến thức tinh thần. Nó đem lại cho con thái độ thích hợp để làm việc trong mọi cõi của sự sống. Nó tạo nên bầu không khí thích ứng cho linh hồn tăng trưởng và trở hoa trong tình thương và vẻ đẹp, trong minh triết và năng lực. Nó điều chỉnh dây đàn thụ cảm của trái tim để cho nhạc sĩ có thể trình tấu đúng âm giai. Đó là tác dụng của sự sùng tín. Nhưng con phải biết những nốt nào mà con phải đánh, những ngón tay của con phải học cách vượt lên những sợi dây đàn; con cũng phải biết thưởng thức âm nhạc, và trên hết, yêu thích âm nhạc....Người sùng tín tự điều chỉnh phạm ngã cho thích hợp với Chân Thần con người, giống như sự điều chỉnh một nhạc cụ.”

Sùng tín có thể được định nghĩa ngắn gọn: đó là sự điều hòa trái tim. Trí thức có thể cần thiết trong những vấn đề khác nhau, nhưng sùng tín điều hòa trái tim và linh hồn, để cho mỗi khuynh hướng trở nên hòa hợp hoàn toàn, đưa đến sự phát triển tình thương, trí thức và sự thanh lọc của linh hồn. Tất cả những năng lực tinh thần đang trợ giúp linh hồn vươn lên để phụng sự, và tất cả sức mạnh của những người đã thành đạt được dùng để giúp những người sắp thành đạt, để họ có thể phụng sự tốt hơn.

### Ý NGHĨA CỦA SỰ SÙNG TÍN

Trong cuộc sống, sùng tín có nghĩa như thế nào? Đó là tầm nhìn rõ ràng hơn để chúng ta có thể nhận ra điều phải; là tình thương sâu xa để chúng ta có thể phụng sự tốt đẹp hơn; là sự an bình và tĩnh lặng hoàn toàn mà không điều gì có thể lay động. Vì khi chú tâm vào các đấng cao cả, thì không điều gì bên ngoài có thể chạm đến linh hồn. Xuyên qua các đấng này, ánh sáng chiếu soi trợ giúp những đôi mắt yếu kém của nhân loại.

Sự bình an, viễn ảnh, cũng như năng lực phụng sự là ý nghĩa của sùng tín trong đời sống. Người sùng tín chân chính tìm kiếm cái Ngã tinh anh; cái Ngã đó là Ánh Sáng (Mundakopanishad). Người sùng tín tan biến vào trong Ánh Sáng của chính họ, Ánh Sáng mà không bọn nơ nào có thể làm ô uế, không ích kỷ nào có thể làm mờ tối, vì chính cái Ngã của toàn thể là Ánh Sáng và Tình Thương. Sau cùng, Chân Sư xuất hiện, và xuyên qua những lớp vỏ tinh khiết, trong suốt, không tỳ vết, Ngài sẽ chiếu rọi Ánh Sáng đầy sức mạnh trợ giúp thế gian. Như thế, lòng sùng tín cũng là sự sống bên trong

những người có lòng từ ái, những người nhận thấy ý nghĩa cuộc sống là phụng sự, để soi sáng và sưởi ấm thế gian.

Mục đích nhắm đến không phải là sự giải thoát, mà là phụng sự hoàn hảo. Sự giải thoát chỉ đến khi tất cả đều được giải thoát, và được vào trạng thái hạnh phúc viên mãn. Đến khi hết giai đoạn hưởng phúc lạc, tất cả sẽ trở lại cộng tác với thiên cơ ở những cõi tinh thần cao hơn. Vì họ là những người luôn luôn làm việc có ý thức trong những chu kỳ khai nguyên tương lai. Người sống với tình thương không bao giờ rời bỏ việc phụng sự, và những linh hồn biết thương yêu sẽ phụng sự cho đến khi nào vũ trụ còn hiện tồn.

## SỰ CHẤM DỨT ĐAU KHỔ

Kinh Bhagavad Gita xác định có nhiều cấp bậc hạnh phúc: loại hạnh phúc phát sinh do ý thức được niềm phúc lạc của chân ngã, từ đó chấm dứt mọi đau khổ; loại hạnh phúc phát sinh do tiếp xúc với đối tượng bên ngoài, chính là nguồn gốc của đau khổ. Chỉ có người nào không đeo níu vào những sự vật bên ngoài, mới có được hạnh phúc tròn đầy.

Hàng ngày, ta gặp những người già, người trung niên hoặc người trẻ, họ ở thành thị, ở vùng ngoại ô, trên xe đò hay xe lửa v.v...phần đông họ có vẻ âu lo, cho thấy trong lòng bứt rứt không yên. Ít khi chúng ta thấy được người có vẻ mặt an tịnh, hạnh phúc, không hẳn những vết nhăn của sự lo âu, phiền muộn; những người có hạnh phúc nội tâm, bình an tự tại với chính họ và với những sự vật chung quanh. Xã hội càng văn minh thì lo âu càng nhiều, vì có ít người phát ra sự bình an so với số đông người không ngừng phát ra sự lo âu.

Để chữa trị sự rối loạn tổng quát có nguồn gốc từ bản chất con người, ta phải dựa vào vài nguyên tắc căn bản. Chúng ta đã từng gây ra vài lỗi lầm, vấp ngã, từ đó sự đau buồn in sâu trong lòng. Sự kém hiểu biết đã mang phiền muộn đến cho chúng ta, và cách chữa trị là nhận biết lỗi lầm.

Vào thời đại tối cổ, kiến thức này được đưa ra từ những kinh Upanishads; gần 5 ngàn năm trước nó được nhắc đến trong kinh Bhagavad Gita nguyên thủy; hơn 24 thế kỷ trước, đức Phật đã trình bày giáo lý xa xưa này một cách rõ ràng hơn; khoảng 2 ngàn năm trước, đức Christ lại đưa ra giáo lý này cho thế giới Tây Phương. Có một số người học hỏi và thực hành những kiến thức này và đã đạt được sự bình an tối thượng; một số người chân thành cố gắng học hỏi, nhưng cảm thấy thực tại vẫn còn quá xa; một số khác chỉ thỉnh thoảng thấy được chân lý, như những tia sáng chiếu xuyên qua kẽ hở của những đám mây đen trong cơn bão tố. Nhưng còn rất nhiều linh hồn không chủ định, chưa biết gì và cũng chưa mơ tưởng gì đến kiến thức này. Thật ra kiến thức này không xa vời đối với chúng ta. Hy vọng lặp lại giáo lý xa xưa này có thể giúp một số người thoát khỏi mạng lưới của sự khổ đau.

### NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ ĐAU KHỔ

Nguyên nhân gây đau khổ là lòng khao khát một sự sống riêng rẽ bắt đầu từ chân ngã. Nếu không có sự khao khát này, hạt giống vĩnh cửu không

thể trở nên một trung tâm tự ý thức, có thể tồn tại giữa những rung động phi thường làm phân tán vũ trụ. Hạt giống ấy không thể được duy trì mà không có chu vi, với năng lực phát sinh liên tục; nó tác động như một cái trục cho sự vận hành bất tận của bánh xe vĩ đại trong cuộc “hành hương” mới. Nếu không có lòng khao khát sự sống riêng rẽ, thì không bao giờ có sự biểu lộ của vũ trụ. Sự khao khát này phải tiếp tục hiện tồn trong mỗi linh hồn cho đến khi nó hoàn thành công việc cao cả, để trở về một trung tâm trường tồn chung cho vạn vật, điều này có vẻ nghịch lý đối với lý trí nhưng là một lẽ thật đối với tinh thần.

Trong khi sự khao khát một cuộc sống riêng rẽ sẽ lôi kéo linh hồn vào vòng luân hồi sinh tử, thì một thành phần thâm sâu hơn của con người lại thúc đẩy nó tìm kiếm sự kết hợp. Do bản năng, tất cả mọi người đều tìm kiếm hạnh phúc, đôi khi trở nên mù quáng, không phân biệt đúng, sai. Ngay đối với những người tự hành hạ xác thân, có vẻ như khinh thường hạnh phúc, họ chọn con đường đau khổ này chỉ vì họ tin tưởng đó là con đường ngắn nhất dẫn đến một thứ hạnh phúc sâu đậm hơn.

Như thế, bản chất của hạnh phúc là gì? có giống như sự đam mê ở người chạy theo nhục dục, hay trạng thái xuất thần của bậc thánh? Đó là sự kết hợp với đối tượng của ham muốn, trở thành một với sự vật hứa hẹn đem lại vui thú. Người nghiện thỏa cơn khát rượu, kẻ bủn xỉn giữ chặt đồng tiền vàng, người đang yêu ôm chặt tình nhân, họa sĩ đắm chìm vào vẻ đẹp thiên nhiên, tư tưởng gia chú tâm vào ý tưởng riêng, nhà thần bí ngưỡng vọng về thiên giới, tu sĩ yoga hoà mình với đấng Thiêng Liêng...tất cả đều tìm thấy hạnh phúc trong sự kết hợp với đối tượng mà họ mong muốn. Tùy theo đối tượng họ mong muốn kết hợp mà chúng ta biết trình độ tiến hóa của họ. Sự khác biệt rõ ràng giữa linh hồn thấp kém và linh hồn cao cả không phải sự tìm kiếm hạnh phúc, mà là bản chất của đối tượng đem lại hạnh phúc.

## SỰ SỐNG BÊN TRONG HÌNH THỂ

Trong bất cứ vũ trụ nào, cũng có Sự Sống Duy Nhất đang thâm nhập, phát triển qua nhiều sự sống trong nhiều hình thể càng ngày càng cao hơn nối tiếp nhau. Sự sống biểu lộ như năng lượng bên trong, và phát triển nhờ hình thể. Hình thể phải liên tục thay đổi cho thích ứng với đà phát triển của sự sống, vì lúc đầu mỗi hình thể là dụng cụ cho sự sống, nhưng về sau chính hình thể đó là ngục tù giam giữ sự sống. Như cây đối với rễ, sự sống không bao giờ tách rời Sự Sống Duy Nhất, khi tiềm năng của sự sống được linh hoạt do sự tác động của môi trường chung quanh, hình thể trước kia là dụng cụ hữu ích, nay trở thành cái khuôn bó buộc sự sống. Khi ấy, hoặc sự sống phải tan biến, hoặc hình thể phải vỡ ra từng mảnh và phóng thích sự sống

trong hình thức phôi thai ở cấp độ cao hơn. Nhưng vì có nguồn gốc từ Vĩnh Cửu, sự sống không bao giờ tan biến, vậy hình thể phải tan vỡ. Một chuỗi những hình thể tan vỡ để sự sống càng ngày càng mở rộng thêm, đó là sự tiến hóa.

Sự sống mở rộng này giống như sự phát triển trong một hạt: từ nhân đến phôi thai, từ phôi thai đến cây mầm, từ cây mầm đến cây nhỏ, từ cây nhỏ đến cây to có khả năng tạo ra những hạt, giống như hạt giống lúc ban đầu. Mọi sự tăng trưởng phô bày năng lực ẩn tàng bên trong, đó là năng lực thuộc về Thượng Đế, năng lực này đạt đến điểm cao nhất trong vạn vật, Ngài gieo hạt trong mỗi sự sống riêng rẽ. Như nước hằng dâng lên đến mức độ của nó, sự sống từ trên tuôn xuống cố vươn lên đến mức độ nguyên thủy. Như khối lượng thu hút khối lượng, mỗi sự sống biểu lộ riêng rẽ tìm kiếm Sự Sống Duy Nhất, và năng lực của Sự Sống Duy Nhất này không ngừng thu hút mọi sự sống. Cái Ngã phôi thai trong mỗi cá thể đáp ứng lại Cái Ngã Duy Nhất, và lần mò tìm Cái Một trong số nhiều, Cái Một đó là chính nó.

Như thế có sự va chạm bên ngoài; do sự thôi thúc bên trong của Cái Ngã, những hình thể gặp nhau, đeo níu nhau hoặc xung đột nhau. Lực thu hút vẫn là Cái Ngã Duy Nhất bên trong mọi hình thể, và sự khác biệt về hạnh phúc hay đau khổ thuộc về hình thể.

Sự sống trong một hình thể tìm sự sống trong một hình thể khác, nhưng một hình thể chỉ tìm thấy hình thể của những sự sống khác, do đó làm cản trở kẻ đi tìm. Hình thể tạo ra vách ngăn giữa sự sống này với sự sống kia; làm cho chúng loại trừ lẫn nhau và không thể hòa hợp. Sự sống có thể hòa lẫn với sự sống khác như nước của hai dòng sông trộn lẫn nhau; nhưng khi mỗi dòng sông chảy giữa hai bờ của riêng chúng, thì nước của hai dòng sông không thể trộn lẫn nhau. Giống như thế, sự sống không thể kết hợp lẫn nhau vì hình thể giam cầm sự sống bên trong vỏ bọc của nó.

Chúng ta hãy góp nhặt những sợi chỉ và quấn chúng lại nhau, hướng dẫn chúng ta đi qua những rối ren của cuộc sống để chúng ta có thể vượt qua mọi đau khổ:

- . Lòng khao khát sự sống riêng rẽ cần thiết để con người chịu đựng.
- . Con người luôn tìm kiếm hạnh phúc.
- . Bản chất của hạnh phúc là sự kết hợp với đối tượng mong muốn.
- . Sự Sống Duy Nhất phát triển xuyên qua nhiều hình thể tạm bợ.
- . Mỗi sự sống riêng rẽ tìm kiếm Sự Sống Duy Nhất này - là chính nó, và như thế những hình thể đến tiếp xúc lẫn nhau.
- . Những hình thể này loại trừ lẫn nhau và giữ sự sống chứa đựng bên trong chúng riêng rẽ.

Giờ đây chúng ta hiểu tại sao đau khổ phát sinh. Một linh hồn tìm kiếm vẻ đẹp và thấy được một hình thể đẹp đẽ, nó tự kết hợp và vui thích

với hình thể đó, hình thể hư hoại để lại sự trống vắng. Một linh hồn tìm kiếm tình yêu và thấy một hình thể đáng yêu, nó tự kết hợp và cảm thấy vui thích với hình thể ấy, khi hình thể hư hoại thì trái tim khô héo.

Sự kết hợp với hình thể và mất đi hình thể làm cho con người đau khổ, nhưng ít đau khổ hơn giai đoạn sau khi thỏa thích đưa đến chán ngán, ít đau khổ hơn nữa khi buông bỏ một sự vật mà con người phải khó nhọc mới đạt được, và càng ít đau khổ hơn khi hết mê muội theo sau cơn tỉnh mộng. Mặc dù phải trải qua nhiều đau khổ, nhưng luôn luôn có những ảo tưởng mới, và sự nhàm chán cứ lặp đi lặp lại.

Nhìn khắp thế gian trong cuộc tiến hóa bình thường, chúng ta nhận thấy tất cả mọi đau khổ xảy ra đều do sự kết hợp với những hình thể luôn thay đổi, hủy hoại. Vậy mà người mê muội mù quáng cứ mãi tìm kiếm hạnh phúc bằng cách đeo níu vào những hình thể phù du này. Vì chúng đưa đến sự mệt mỏi, nhàm chán, nên trong kinh B. Gita có nói như sau: “Những thú vui do tiếp xúc với hình thể vật chất, đích thực là nguồn gốc của đau khổ.”

Để tránh đau khổ, chúng ta được khuyến cáo phải tìm kiếm “nguồn trí tuệ phúc lạc của chân ngã”. Hãy để sự sống tìm Sự Sống, bạn sẽ nhận được con đường đưa đến hạnh phúc; hãy để cái ngã tìm kiếm Chân Ngã, con đường khúc khuỷu đưa đến bình an sẽ trải ra trước mắt bạn. Tìm hạnh phúc bằng sự kết hợp với hình thể là sống trong giới hạn, tạm bợ, xung đột. Tìm hạnh phúc bằng sự kết hợp với Sự Sống là yên nghỉ bình an trong sự thường hằng, vĩnh viễn và hòa điệu.

Điều này có vẻ như ta đang cởi bỏ cuộc sống vui thú đầy màu sắc, và làm cho cuộc sống trở nên lẻ loi giữa khoảng không gian vô tận này. Không phải thế, vì điều ta yêu thích ở người mà ta thương yêu không phải hình thể mà là sự sống, không phải xác thân mà là linh hồn. Tình thương sáng suốt có thể giúp ta vượt qua vực thẳm tử thần, sông mê sinh tử, và chắc chắn không sai lầm, vì với sự sáng suốt chúng ta nhận ra linh hồn quý báu trong cái hộp hình thể. Khi thấy được điều này, chúng ta hiểu nguyên nhân của sự đau khổ. Vì chính sự sống của ta kết hợp với sự sống của người mà ta thương yêu, chứ không phải giữa hai hình thể. Ta hòa tan với những sự sống khác càng ngày càng nhiều, trong khi hình thể này tiếp theo hình thể khác tan vỡ ra từng mảnh do sức mạnh của tình thương. Cuối cùng ta nhận thấy không phải hai, mà chỉ là một, một với Sự Sống bên trong cũng như bên ngoài, và xuyên qua tất cả. Dù ở giữa sự riêng rẽ, chúng ta không phân cách; như thế chúng ta đã chấm dứt đau khổ, trở về với bình an.

Trên con đường đi đến phúc lạc, sự hiểu biết nguyên nhân gây đau khổ sẽ làm mất đi sự cắn rứt của niềm đau khổ. Sự kiện này có vẻ nghiêm khắc, chỉ vì nó che đậy hạnh phúc “khởi đầu là nọc độc, nhưng cuối cùng là rượu tiên.” Từ sự hiểu biết này, nảy sinh một trạng thái yên tịnh vững chắc,



có thể chịu đựng mọi kết quả, có thể “vinh danh Thượng Đế trong lửa.” Vàng ròng không vui thích khi được đốt trong lửa cho cháy sạch hết những cặn bã sao?

Nếu không có kinh nghiệm về đau khổ, chúng ta sẽ không thể phát triển sức mạnh. Giống như những bắp thịt của cơ thể, sức mạnh tinh thần và đức hạnh không thể đạt được nếu không luyện tập bền bỉ. Trong thiên nhiên, tranh đấu là điều kiện để tiến hóa của những loài thấp kém, đó là phương tiện cho sức mạnh phát triển. Chỉ có sức mạnh hoàn hảo mới an tịnh.

Nếu không có kinh nghiệm đau khổ, chúng ta không thể phát triển lòng trắc ẩn. Khi chịu đựng thống khổ, chúng ta hiểu được cả niềm đau và sự cần thiết của nó, cũng như cách đối diện với nó. Đã từng bị cám dỗ, chúng ta học được cách giúp đỡ kẻ khác tránh khỏi cám dỗ một cách có hiệu quả. Chỉ có những người đã đứng dậy được sau khi bị té ngã mới có thể biết rõ cách giúp đỡ kẻ bị té ngã. Mỗi chồi non của sự đau khổ nảy nở thành một đóa hoa năng lực.

Không có kinh nghiệm đau khổ, chúng ta không phân biệt rõ điều tốt và điều xấu. Như thế, chúng ta không thể chọn lựa một cách chắc chắn điều cao cả nhất, và cũng không thể diệt trừ tận gốc rễ sự ham muốn kết hợp với hình thể. Những người đã phát triển hoàn hảo, kèm giữ nghiêm ngặt bản chất thấp hèn của họ, để nó không còn đòi hỏi những thú vui của các giác quan. Những vị này đã loại trừ khỏi bản chất thấp kém những khuynh hướng của chính nó, và đem nó lên kết hợp một cách hòa điệu với chính bản tâm của họ (đó cũng là mục đích của pháp môn yoga). Họ đi xuyên qua những thế giới thấp mà không bị ảnh hưởng bởi sự thu hút hay đẩy lui, và ý chí luôn nhắm đến điều cao cả nhất. Họ hành động một cách tự nhiên, linh động, nhưng không vi phạm luật. Hàng trăm kiếp luân hồi không phải nhiều, hàng vạn năm không phải quá dài để đào tạo được một người như thế.

Trong bão tố cuồng loạn của ưu phiền, đừng quên sự đau khổ đóng vai trò rất lớn trong những giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa. So với sự hiện tồn của chúng ta, những đau khổ này rất nhỏ, vì chúng ta không thể đem thời gian so với vĩnh cửu, đem hàng vạn năm so với sự sống bất tận. Chúng ta đã nói về những đau khổ trong chu kỳ của sự tái sinh ở giai đoạn nhân loại còn non trẻ, có lẽ chúng ta đã phóng đại hơi nhiều, vì “đối với sự huy hoàng vĩnh cửu, đó chỉ là những sự phiền não nhẹ nhàng, trong một lúc ngắn ngủi.” Vì thế, khi những đám mây của bão tố kéo đến, chúng ta hãy nhìn bên ngoài những đám mây ấy để nhận thấy bầu trời không bao giờ thay đổi. Khi những lượn sóng to xô tới, hãy nhìn về hướng bờ biển luôn yên tĩnh. Ngay những sức mạnh cuồng nộ dường như đè bẹp chúng ta, nhưng chỉ nâng chúng ta lên cao, và đưa chúng ta tiến tới. Vì chúng ta bất sinh, bất diệt, thường hằng, không thay đổi và vĩnh cửu; chúng ta ở đây chỉ để rèn luyện dụng cụ cho

công việc phụng sự bất diệt, và công việc phụng sự này đem lại sự tự do viên mãn.

## 6

## GIÁ TRỊ CỦA SỰ SÙNG TÍN

Trong những lực gây cảm hứng cho chúng ta hoạt động, có lẽ không có lực nào mạnh hơn cảm giác mà chúng ta gọi là sùng tín; có những cảm giác thường được che đậy dưới danh nghĩa sùng tín, mặc dù trên căn bản chúng có bản chất khác nhau. Những hành động hy sinh anh hùng nhất thường được thúc giục bởi **lòng sùng tín**, trong khi những hành động hy sinh khủng khiếp của những người khác bị thúc đẩy bởi **sự cuồng tín**. **Lòng sùng tín** là một động lực mạnh mẽ nâng chúng ta lên cao, còn **sự cuồng tín** là động lực làm suy đồi. Cả hai lực mạnh mẽ này điều khiển con người, và đôi khi sự biểu lộ của chúng có vẻ giống nhau. Nhưng một lực có nguồn gốc từ sự hiểu biết, còn lực kia từ sự mù quáng; một mang những trái ngọt của tình thương, một mang những trái táo thù ghét độc hại.

Đối với chúng ta, sự tìm hiểu rõ ràng bản chất của lòng sùng tín rất cần thiết. Chúng ta cần theo dấu vết của nó đến tận nguồn gốc của bản chất con người, xem nó phát sinh từ phần nào trong bản chất ấy. Chúng ta phải biết để áp dụng vào thực hành, vì hiểu biết suông không thực hành thì không tạo ra kết quả, còn thực hành mà không hiểu biết thì hoang phí. Mỗi cảm xúc không được sự hiểu biết điều hòa, như dòng sông chảy tràn bờ đi khắp mọi hướng gây ra lụt lội; trong khi cảm xúc được hướng dẫn bởi sự hiểu biết như dòng sông được hướng vào những con kinh để tưới đất đai.

Khi nghiên cứu bản chất bên trong con người, chúng ta thấy có 3 phương diện phân biệt rõ ràng: tinh thần, trí tuệ và tình cảm. Tìm hiểu sâu xa hơn, chúng ta thấy tất cả mọi cá thể đều bắt nguồn từ bản chất tinh thần. Nó là nguồn gốc chung, một ảnh hưởng kết hợp. Nguyên lý đó một khi phát triển sẽ cho chúng ta nhận thấy cái Một trong tất cả mọi sự sống.

Có thể nói bản chất trí tuệ đối nghịch với bản chất tình cảm. Nó là lực cá biệt, tạo ra số nhiều từ cái Một. Nó tự nhận là cái “ngã”, phân biệt rõ ràng với cái “phi ngã”. Nó có đặc tính chia rẽ, và hành động hữu hiệu nhất trong tình trạng cô lập; nó thu mình vào bên trong, tự kỷ, thờ ơ đối với ngoại giới. Trong bản chất trí tuệ không thể tìm thấy sự sùng tín, vì sùng tín là cảm giác tràn ra bên ngoài. Trí tuệ chỉ có thể nắm giữ, chớ không thể di động. Trái lại tình cảm là lực phấn kích, tạo nên hành động. Nó thu hút chúng ta đến đối tượng hay xô đẩy chúng ta rời xa đối tượng; như thế, trong bản chất tình cảm, chúng ta có thể tìm thấy nguồn gốc của sự sùng tín.

NGUỒN GỐC SỰ SÙNG TÍN

Khi nghiên cứu bản chất của tình cảm, chúng ta nhận thấy nó có hai mặt: sự thu hút và sự đẩy lui. Nó luôn luôn chuyển vận chúng ta tiến tới hoặc rời xa khỏi sự vật chung quanh, tùy theo sự vật gây nên vui thích hay đau khổ. Tất cả những cảm giác lôi kéo chúng ta đến một sự vật khác đều thuộc nhóm những sự vật thu hút, và là những hình thức của tình thương, trong khi những cảm giác làm cho chúng ta tránh xa khỏi một sự vật khác đều thuộc nhóm những sự vật xô đẩy, và là những hình thức của sự ghét bỏ.

Chúng ta nhận thấy có nhiều loại tình thương khác nhau, và được gọi với những tên khác nhau, tùy theo đối tượng cao hơn, ngang hàng, hay thấp hơn chủ thể. Đối với những đối tượng thấp hơn, ta gọi là sự thương hại, lòng trắc ẩn, từ tâm; đối với những đối tượng ngang hàng, ta gọi là tình bạn hữu, sự cảm thông, cảm tình; đối với những đối tượng cao hơn, ta gọi là lòng tôn kính, sự kính ngưỡng, lòng sùng tín. Như thế, sự sùng tín có nguồn gốc từ khía cạnh tình thương của bản chất tình cảm, và chúng ta định nghĩa sự sùng tín là tình thương hướng về một đối tượng cao cả hơn chúng ta. Khi tình thương hướng về một bậc đạo sư, hay Thượng Đế, chúng ta gọi là sự sùng tín, khi ấy chúng ta hướng trọn tình thương về đáng cao cả, và hoàn toàn phục tùng theo ý Ngài.

Chúng ta cần phân biệt rõ giữa sùng tín và cuồng tín. Do cuồng tín con người đã nhân danh tôn giáo gây ra biết bao ngược đãi, thù hận và chiến tranh. Những sự việc này có nguồn gốc từ sự ghét bỏ, chứ không phải tình thương; chúng xô đẩy ta rời xa người khác, thay vì lôi kéo ta đến thân cận với họ. Nhân danh tình thương của Thượng Đế, con người gây thương tổn cho đồng loại. Nhưng khi phân tích động lực hành động của họ, ta không thấy có yếu tố tình thương; họ cho rằng chỉ có họ là đúng, còn đối phương bao giờ cũng sai; họ có ý nghĩ chia rẽ và luôn luôn có cảm giác tách biệt đối với người khác. Nguồn gốc của sự cuồng tín là sự ghét bỏ, làm trôi hết những cảm xúc của trái tim. Ta có thể xét lại lòng sùng tín của ta như sau: nếu nó làm cho ta khiêm tốn, dịu dàng, khoan dung, thân thiện với mọi người thì đó là lòng sùng tín thật sự; nếu nó làm cho chúng ta kiêu hãnh, hà khắc, chia rẽ, nghi ngờ mọi người, dù có vẻ công bình vẫn là căn bã chứ không phải vàng thật.

Là một hình thức của tình thương, lòng sùng tín chỉ có thể hướng đến một đối tượng có bản chất thu hút nó, và làm cho nó cảm thấy hạnh phúc. Tất cả mọi người đều tìm kiếm hạnh phúc, và bị thu hút bởi những gì họ cho rằng sẽ đem lại hạnh phúc. Hạnh phúc là cảm giác theo sau sự tăng trưởng của sự sống. Mọi cố gắng để đạt hạnh phúc đều nhắm vào sự kết hợp và hòa tan sự sống với đối tượng, từ đó sự sống mở rộng ra. Sự kết hợp này tạo ra hạnh phúc, vì cảm giác sự sống tăng trưởng.

Trên căn bản, động lực kết hợp đến từ Chân Ngã, tìm cách vượt qua rào cản ngăn cách những cái ngã ở các cõi thấp. Do Chân Ngã tìm kiếm Chân Ngã bên trong người khác, mà có sự thu hút giữa những phạm ngã. “Nên biết, không phải vì là chồng mà người chồng đáng yêu, nhưng vì Chân Ngã mà người chồng đáng yêu. Không phải vì là vợ mà người vợ đáng yêu, nhưng vì Chân Ngã mà người vợ đáng yêu. Cũng thế đối với con cái, người giàu, người Bà La Môn, người hoàng tộc, người thế gian, các vị thần, các vị tu sĩ, những loài tinh linh v.v...không phải vì tất cả các biểu hiện đó mà tất cả đáng yêu, nhưng vì Chân Ngã trong tất cả những biểu hiện đó làm cho tất cả đáng yêu.” (Brihadaranyakopanishad). Chân Ngã tìm Chân Ngã là sự tìm kiếm đại đồng cho hạnh phúc; trong khi hình thể xung đột với hình thể làm cản trở những cái ngã bên trong. Con người chỉ đạt được niềm phúc lạc chân thật bằng sự kết hợp Chân Ngã với Sự Sống Toàn Thể, cũng như sự nhận thức Chân Ngã trong vạn vật.

### ĐỐI TƯỢNG CỦA SỰ SÙNG TÍN

Cần phải có đối tượng hấp dẫn để gọi lòng sùng tín. Những đối tượng hoàn hảo nhất xuất phát từ Cái Ngã Tối Thượng, biểu lộ trong hình thể con người như là những Đấng Lâm Phạm Thiên Liêng xuất hiện ở thế gian theo từng chu kỳ, còn được gọi là những Đấng Hóa Thân. Những vị ấy biểu lộ đặc tính rất tốt đẹp, có sức thu hút mạnh mẽ, do những tia sáng từ Chân Ngã chiếu xuyên qua bức màn che phủ bản chất thiêng liêng của con người. Đôi mắt yếu kém của chúng ta bừng sáng, trái tim mệt mỏi của chúng ta chỗi dậy với niềm hy vọng mới, sức mạnh mới, khi có những bậc đại diện cho vẻ đẹp, tình thương và phúc lạc hiện diện trong hình thể con người. Chúng ta bị những bậc cao cả đó thu hút mạnh mẽ, không cưỡng lại được, và lòng sùng tín tự động phát sinh.

Lòng sùng tín mạnh mẽ ở người Thiên Chúa Giáo hướng về đấng Christ, xem Ngài như hiện thân của Thượng Đế. Chính là phương diện con người của Ngài, sự sống và sự chết của Ngài, lòng trắc ẩn và từ bi của Ngài, sự minh triết cao quý cũng như sự chịu đựng kiên nhẫn của Ngài, đã khơi dậy lòng sùng tín mãnh liệt nơi con người. Như là Người của Thống Khổ, trong trắng nhưng sẵn sàng gánh chịu, mãi mãi Ngài thắng được tình thương. Tín đồ Thiên Chúa Giáo tưởng nhớ đến Ngài trong hình thể con người, như được diễn tả sau đây bởi một người sùng tín: “*Thập tự giá của Chúa có ý nghĩa đối với chúng tôi nhiều hơn những phép lạ của Ngài.*”

Điều này cũng giống như đối với những vị cứu thế trong những tôn giáo khác. Đấng Rama, vị Vua Thiên Liêng, và đấng Krishna, người bạn cũng là người yêu, đã khơi dậy lòng sùng tín bất diệt nơi hàng triệu con tim

nhân loại. Các vị này biểu hiện sự thu hút của Thượng Đế bằng cách làm dịu bớt tia sáng chói lọi phát xuất từ Thượng Đế, và biến đổi thành ánh sáng mà mắt trần có thể nhận thấy được. Các Ngài giới hạn, làm nhỏ lại những đặc tính thiêng liêng, để trí thông minh của nhân loại có thể với tới được. Các Ngài là đối tượng của lòng sùng tín, thu hút tình thương do tình thương hoàn hảo nơi các Ngài.

Sùng tín đối với những vị Lâm Phạm Thiêng Liêng không phải là vấn đề để bàn bạc hoặc tranh luận. Khi thị giác bên trong nhận ra một trong các Ngài, “trái tim” vội vã xông đến và tự động quì mọp dưới chân Ngài. Người ta có thể dùng lý luận hun đúc lòng sùng tín, hoặc dùng trí khôn để chấp nhận và dung dưỡng nó. Nhưng động lực chính yếu phát xuất từ trái tim, không phải từ trí não, và tuôn ra một cách tự nhiên đến đối tượng thu hút nó, đến Chân Ngã sáng chói xuyên qua bức màn trong suốt.

Các vị Chân Sư cũng là đối tượng cho lòng sùng tín; Các Ngài đã giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, nhưng vẫn tình nguyện ở lại tiếp xúc với nhân loại, duy trì thể xác ở cõi trần thay vì vui hưởng tâm thức niết bàn ở những cõi cao. Cấp bậc của các Ngài ở giữa những Đấng Hóa Thân (Avatara) và những vị đạo sư thể tục, đệ tử của các Ngài. Những vị đạo sư thể tục này chưa đạt đến trình độ giải thoát, nhưng người thể gian xem họ như là những Đấng Hóa Thân, có sức mạnh thu hút nhân loại đến với họ. Thật ra Đấng Hóa Thân tiến hóa cao hơn Chân Sư, nhưng những đấng cao cả này không còn liên lạc với thể gian, và con người không thể tưởng tượng được có ai hoàn hảo hơn các vị Chân Sư.

Như thế, do sự tiếp xúc thường xuyên với con người ở cõi vật chất, những vị đạo sư là những bậc thầy tinh thần của người đang đi trên con đường dốc đứng đưa đến sự toàn thiện. Mặc dù vẫn còn nhược điểm, những vị đạo sư này đã tiến hóa vượt xa hơn phần đông đồng loại; họ có thể hướng dẫn và giúp đỡ người khác, phần lớn là ở giai đoạn phát triển đầu tiên của những người sùng bái họ. Những vị đạo sư này đang tiến đến gần ngưỡng cửa giải thoát, và trong tương lai gần sẽ bước vào hàng ngũ những bậc siêu nhân. Lúc ấy, do sự nổi kết tinh thần không bao giờ mất, những vị ấy có thể thu hút với một lực mạnh mẽ hơn những người sùng tín đi theo. Tình thương làm vững mạnh và phát triển bản chất sùng tín ở người đi theo con đường ấy, và không có cách thức sùng tín nào vững chắc hơn tình thương và sự tin tưởng vào một vị đạo sư ở thể gian.

Điều này thấy rất rõ ở Đông Phương, nơi mà tình thương và sự trợ giúp của các đạo sư cần thiết cho sự tiến bộ tinh thần. Tình trạng suy đồi ở Ấn Độ ngày nay phần lớn là do sự kém hiểu biết, thêm vào đó lòng kiêu hãnh của những người không sống một đời tinh thần nhưng vẫn mang tên đạo sư, trong khi không có tí nào phẩm chất của danh xưng đó. Vì rượu nho

tốt nhất làm ra loại dấm chua nhất, cũng giống như thế, sự biến chất của cái cao nhất cho ra loại hạ cấp nhất.

Làm thế nào để gọi lên và nuôi dưỡng lòng sùng tín? Điều này chỉ có thể thực hiện được khi gặp một đối tượng đáng tôn sùng ở thế giới bên ngoài hoặc bên trong, khi ấy con người phục tùng hoàn toàn và hết lòng đối với sự thu hút mà đối tượng tạo ra. Nhận thức chân thành những điều tuyệt diệu, không quá tỉ mỉ phê phán tính xấu mà bỏ quên những đức hạnh tốt, sẽ chuẩn bị cho linh hồn nhận ra vị đạo sư khi xuất hiện. Vì nhiều người bỏ lỡ cơ hội nhận ra vị thầy, do có thói quen chú trọng quá đáng vào khuyết điểm nhỏ mà bỏ quên những ưu điểm, như chỉ nhìn thấy những điểm đen mà không nhận ra được mặt trời. Hơn nữa người nhận ra điều tuyệt diệu, cho thấy họ có khả năng làm giống với điều đó; một sợi dây đàn chỉ có thể phát ra những rung động đồng cảm khi được lên dây đúng mức để có thể phát ra âm thanh tương tự. Dù có già dặn hơn, linh hồn vẫn biết nguồn cội của nó; chỉ có dòng dõi của sự cao cả được đánh thức và đáp ứng với với sự cao cả.

Bước đầu quan trọng là tìm được vị đạo sư và kết nối liên hệ với ngài. Kế đến là sự sùng tín cố định hướng về vị đạo sư, và xuyên qua vị đạo sư đó đến những bậc cao cả và cái Ngã Tối Thượng biểu lộ trong hình thể. Chúng ta cần nhớ rằng vị đạo sư là phương tiện, không phải cứu cánh; là trung gian dẫn truyền, không phải nơi phát ra Ánh Sáng Thiên Liêng; là mặt trăng, không phải mặt trời. Vị Đạo sư trợ giúp, làm tăng sức mạnh, hướng dẫn và thúc đẩy sự phát triển những đệ tử của họ, nhưng cuối cùng chính cái Ngã chiếu rọi bên trong đệ tử, cái Ngã chỉ có một, ở trong đệ tử cũng như ở trong vị đạo sư.

## NUÔI DƯỠNG LÒNG SÙNG TÍN

Lòng sùng tín đối với cái Ngã trong hình thể con người của các Đấng Hóa Thân có thể được duy trì và làm tăng lên bằng cách đọc hay tham thiền về những lời dạy, cũng như những biến cố xảy ra trong đời sống phàm trần của các Ngài. Cách thức hữu hiệu là đọc về một biến cố trong cuộc đời Ngài, xong tâm trí ghi nhớ hình ảnh linh hoạt ấy, sử dụng óc tưởng tượng của bạn tạo lại một hình ảnh đầy đủ chi tiết, và cảm thấy như bạn hiện diện trong đó như là một người quan sát hoặc hơn nữa như một người tham dự vào hoạt cảnh đó. Khi tâm trí chứa đựng hình ảnh đó, một ngày kia người sùng tín sẽ thoáng thấy biến cố diễn ra trên tiên thiên ký ảnh. Họ sẽ trở nên một phần tử của hình ảnh sống động đó, và học được những bài học bất ngờ do sự hiện diện của họ nơi ấy.

Một cách thức khác để vun trồng lòng sùng tín là thân cận với những người có ngọn lửa sùng tín cháy sáng hơn ngọn lửa của chúng ta. Khi ném

một thanh củi đang cháy vào trong lò lửa cháy riu riu sẽ làm cho ngọn lửa bốc cháy rực rỡ trở lại. Cũng giống như thế năng lực suy nhược của linh hồn yếu ớt sẽ được phấn kích trở lại khi gần gũi với người có ngọn lửa ấm áp của lòng sùng tín. Hơn nữa, người học đạo có thể đạt được nhiều lợi ích khi thường xuyên gần gũi với vị đạo sư, do được phấn kích bởi năng lực vững chắc của vị ấy. Khi xưa, Narada, vị thánh của Ấn Độ, cũng khuyên chúng ta cần vun trồng lòng sùng tín.

Sự suy tưởng, tham thiền, yêu kính đối tượng mình sùng tín sẽ làm phát triển nhanh và tăng cường tình thương. Trong cảnh sống vội vàng của nền văn minh hiện nay, chúng ta dễ quên năng lực của cái trí yên tĩnh và không có thì giờ cần thiết để luyện tập nó. Suy tưởng về người chúng ta yêu thương sẽ làm tăng thêm tình thương, do đó người sùng tín cần nhiều thì giờ dành cho đối tượng mà họ sùng tín. Như cây không thể lớn mà không có ánh sáng, sự sùng tín không thể tăng trưởng mà không có những tia sáng ấm áp và phần chân tuôn ra từ đối tượng được tôn sùng. Linh hồn già dặn ban rải nhiều tình thương hơn là nhận vào; ánh sáng cũng như hơi nóng của nó thấm nhập và làm mạnh thêm cho linh hồn non trẻ hơn. Vị đạo sư thương học trò nhiều hơn học trò thương vị đạo sư, và Thượng Đế thương người sùng tín hơn người sùng tín thương Thượng Đế. Tình thương của người sùng tín đối với đối tượng của họ chỉ là phản ảnh yếu ớt của tình thương đối với chính họ. Sự thu hút không thể xảy ra một chiều; trong thế giới tinh thần, khi chúng ta bước đến Thượng Đế một bước, Thượng Đế sẽ bước đến chúng ta hàng trăm bước; biển cả thâm sâu tuôn đổ vào bất cứ giọt nước nào ở trong lòng của nó.

## GIÁ TRỊ CỦA SỰ SÙNG TÍN

Sau khi đã biết thế nào là sùng tín, mục đích của nó là gì, bằng cách nào làm tăng trưởng lòng sùng tín, chúng ta có thể đo lường giá trị của nó để tìm động lực đạt đến nó.

Sự sùng tín làm cho người sùng tín thay đổi và trở nên giống với vị mà họ thương yêu. Solomon, bậc hiền triết Do Thái đã nói: “Con người suy nghĩ điều gì, họ sẽ là điều đó.” Kinh Chandogyopanishad cũng dạy rằng: “chúng ta được tạo ra do tư tưởng; chúng ta sẽ trở thành điều gì mà chúng ta suy nghĩ.” Một mình trí khôn không thể dễ dàng uốn nắn con người giống với Đấng Tối Cao. Như bàn ủi lạnh khó ủi thẳng quần áo, nhưng khi được làm nóng, nó trở nên trơn tru, ủi quần áo dễ dàng theo nếp đã định. Cái trí cũng giống như thế, nó phải được nấu chảy trong ngọn lửa của lòng sùng tín, rồi sẽ dễ dàng uốn nắn cho giống với đối tượng mà nó thương yêu. Ngay giữa những người ngang hàng nhau, khi tình thương mạnh mẽ, chân thành



và lâu dài, họ cũng được uốn nắn cho giống nhau: Vợ chồng trở nên giống nhau, bạn thân dần dần cũng giống nhau. Tình thương hướng đến vị cao hơn chúng ta tác dụng như năng lực chuyển hóa mạnh mẽ hơn, và dễ dàng uốn nắn bản chất chúng ta trở thành giống với vị ngự trị trong tim chúng ta.

Sùng tín ngăn cản sự tạo ra nghiệp quả mới, đến khi nghiệp quả cũ đã cạn, người sùng tín được tự do. Thánh Paul tuyên bố rằng ông không còn sống, mà chính đấng Christ sống trong ông. Lời nói này đúng đối với những người mà lòng sùng tín đưa họ đến tình trạng hoàn toàn phục tùng vị mà họ trao trọn tình thương. Họ nghĩ rằng xác thân không phải của họ, mà chỉ là dụng cụ để Thượng Đế sử dụng để giúp đỡ thế gian. Mọi hành động của họ được làm như bồn phân đối với vị mà họ thương yêu. Họ ăn không phải để thỏa mãn vị giác, mà là để giữ cho dụng cụ của Thượng Đế có thể làm việc được. Họ suy nghĩ không phải vì sự vui thích suy nghĩ, mà là để cho công việc của Thượng Đế được thực hiện tốt hơn. Người sùng tín hòa hợp sự sống của họ với sự sống của vị mà họ thương yêu; họ suy nghĩ, làm việc, hành động trong sự kết hợp với đời sống cao cả hơn; hỗn hợp con kinh nhỏ bé của sự sống trong họ vào giòng suối lớn hơn, và nhận thấy hạnh phúc sâu xa với cảm giác là một thành phần của sự sống lớn lao đầy đủ hơn. Kinh Bhagavad Gita có nói: “Bất cứ con làm điều gì, bất cứ con ăn vật thực gì, bất cứ con hiến dâng hoặc cho đồ vật gì, bất cứ con chịu khổ hạnh như thế nào, hỡi đứa con của Kunti, nếu con làm với tinh thần hiến dâng cho Ta, con sẽ không bị ràng buộc bởi những kết quả tốt hoặc xấu do hành động của con.” Khi hành động không mong cầu kết quả, khi hành động với ý nghĩ hy sinh, thì người hành động không tạo ra nghiệp quả, và không bị ràng buộc vào bánh xe luân hồi sinh tử.

Lòng sùng tín rửa sạch trái tim. Đức Krishna dạy chúng ta những lời có vẻ lạ lùng: “Ngay với người đầy tội lỗi, tôn thờ ta với trọn vẹn trái tim, người ấy được xem như làm việc đúng.” Tự nhiên chúng ta hỏi: tại sao? “Vì người ấy đã quyết định theo đường phải; nhanh chóng trở nên thuần phục, và đi đến sự bình an vĩnh cửu.” (B. Gita). Ở những cõi cao, chúng ta được phán xét bởi động lực, mà không bởi hành động; bởi thái độ bên trong, mà không do những biểu lộ bên ngoài. Khi sùng tín Đấng Tối Cao, chúng ta xoay lưng lại đối với điều xấu ác, và hướng mặt nhìn về đối tượng; Chúng ta có thể bị sẩy chân, lạc đường, té ngã, nhưng mặt chúng ta luôn luôn nhìn đúng hướng, chúng ta đang đi về quê hương. Sức mạnh của lòng sùng tín làm cho chúng ta trở nên phục tùng. Để tìm sự kết hợp với đối tượng mà chúng ta thương yêu, chúng ta nhanh chóng vứt bỏ mọi vật ngăn trở sự kết hợp. Khi hướng mặt về mục đích đúng đắn, từ lúc ban đầu chúng ta đã nhận thấy được điểm đúng đắn cuối cùng. Tình thương sẽ đốt cháy những điều xấu ác ngăn che không cho chúng ta sùng bái đối tượng, tình thương cũng

uốn nắn chúng ta trở nên giống với đối tượng được tôn thờ. Khi chúng ta thực hành đúng đắn, sẽ có kết quả chắc chắn vì định luật không bao giờ sai. Từ người chỉ chú ý đến bản ngã riêng tư, chúng ta trở nên người tìm kiếm cái Ngã Tối Thượng.

Lòng sùng tín làm chấm dứt mọi đau khổ. Điều gì chúng ta làm cho đối tượng mà chúng ta thương yêu, sẽ được làm với sự vui thích, và nỗi đau khổ được tan biến vào niềm sung sướng khi sự chịu đựng nhân danh đối tượng được thương yêu. Hai người yêu nhau sẽ vui lòng chịu đựng mọi khó khăn, nguy hiểm, đau khổ, cố gắng làm bất cứ điều gì để được lòng người yêu. Những người đã thoáng thấy sự huy hoàng của Chân Ngã, sẽ vui lòng làm bất cứ điều gì có thể mang họ đến gần sự kết hợp với nó. Họ hy sinh không hối tiếc tất cả những sự việc làm ngăn trở họ kết hợp với đối tượng mà họ thương yêu, ngay cả những điều mà bình thường đem lại lạc thú cho họ. Vì đối tượng chúng ta thương yêu, chúng ta sẵn sàng chịu đựng và hy sinh mọi tiện nghi. Nghĩ đến niềm hạnh phúc có được đối tượng thương yêu, làm cho ta vượt qua mọi trở ngại giữa ta và đối tượng. Như thế, lòng sùng tín làm cho những việc khó khăn trở nên dễ dàng, và những điều đau khổ trở nên vui thú. Vì tình thương là thuật luyện kim, biến đổi mọi thứ thành vàng ròng.

Lòng sùng tín đem lại sự bình an. Tâm bình an trong Chân Ngã là bình an với tất cả, và người sùng tín nhận thấy Chân Ngã trong mọi sự vật; mọi hình thể chung quanh họ đều mang dấu vết của đối tượng thương yêu. Làm sao họ có thể ghét bỏ, khinh thường hay cự tuyệt bất cứ người nào, khi mà, ẩn phía sau mỗi cái mặt nạ, khuôn mặt đối tượng thương yêu đang mỉm cười với họ? “Bậc hiền triết nhìn với đôi mắt bình đẳng giữa người Bà La Môn có học thức, khiêm tốn, với con bò, con voi, và ngay cả với con chó và người ăn thịt chó.” (B. Gita). Không có người nào, vật nào, có thể ở bên ngoài trái tim của người sùng tín, vì không có bất cứ điều gì ở bên ngoài lòng Thượng Đế của họ. Nếu chúng ta yêu thích những đồ vật ở bên cạnh người chúng ta yêu, sao chúng ta không yêu thích được tất cả những hình thể mà trong đó đối tượng chúng ta thương yêu ngự trị? Một đứa trẻ đùa nghịch dùng cái mặt nạ che dấu bộ mặt đang cười của nó, nhưng bà mẹ vẫn biết là đứa con yêu của mình. Không một sinh vật nào, dù di động hay bất động, không có Thượng Đế; và trong tim của người tội lỗi xấu xa nhất vẫn có Đấng Thánh Linh.

Chúng ta hãy trở lại điểm khởi đầu và tìm hiểu những người sùng tín, bằng cách nhận xét thái độ của họ đối với người chung quanh. Tình thương của họ, cũng như sự dịu dàng, lòng trắc ẩn và cảm thông đối với mọi tin tưởng và quan niệm, cho thấy họ như là những người con yêu của đấng Thượng Đế Từ Bi. Đức Ramanujacharya có kể rằng một lần kia vị đạo sư

của ông dạy cho ông một câu thần chú, ông hỏi vị đạo sư nếu ông nói lại cho người khác nghe thì chuyện gì sẽ xảy ra. Câu trả lời là: “Con sẽ chết.” Ông hỏi thêm: “Chuyện gì sẽ xảy ra cho người nghe nó?” Câu trả lời là: “Người ấy sẽ được giải thoát.” Nghe vậy, người sùng tín Đức Krishna chạy ra ngoài, bay lên đỉnh của một cái tháp, và hô to câu thần chú cho đám đông ở đường phố nghe, ông chỉ muốn những người khác được giải thoát khỏi tội lỗi và đau khổ, mà không lo lắng đến những gì sẽ xảy ra cho chính ông ta. Đây là người sùng tín tiêu biểu, người thương yêu tự thay đổi để giống người được thương yêu.

## BÓNG TỐI TINH THẦN

Một số những điều nguy hiểm được coi như bóng tối Tinh thần, đeo đuổi và làm chán nản người học đạo chân thành; những đám mây u ám giáng xuống tim và óc, và gói trọn bản chất con người vào trong bóng tối; nó xóa sạch ký ức về sự bình an trong quá khứ, và làm tiêu hủy niềm hy vọng trong tương lai. Như một khối sương mù dày đặc xâm nhập vào một thành phố lớn, len lỏi vào mọi hẻm hóc, làm xóa đi những cảnh vật quen thuộc, làm lu mờ những ánh đèn, và làm lạc lối những người bộ hành; hình như không còn gì ngoài những người đi bộ này cùng với luồng hơi ngộp ngạt bao phủ họ. Cũng thế, khi đám sương mù của bóng tối tinh thần phủ xuống những người đi tìm đạo và những đệ tử, họ bị mất hướng đi, con đường tan biến trong bóng tối; ánh sáng quen thuộc của họ không còn rực rỡ nữa, con người chỉ là những hình bóng trôi lên rồi chìm mất trong đêm tối.

Người học đạo cảm thấy lẻ loi và lạc lối; họ bị nhốt trong một cảm giác cô lập đáng sợ, không một ai chia sẻ nỗi cô đơn với họ. Những khuôn mặt trước kia mỉm cười với họ nay đã biến mất; những giọng nói vui vẻ, cổ võ họ trước kia nay đã im bật, tình thương từng sưởi ấm họ, nay trở nên lạnh giá. Tất cả người thương yêu và bạn bè rời bỏ họ, và không có một lời an ủi nào đến với họ trong sự yên lặng khủng khiếp này.

Họ hụt hẫng như dẫm trên mảnh đất vô hình, khi tiến tới, họ cảm thấy chói với như bước trên một dốc đứng. Những làn sóng nặng nề dâng lên từ vực thẳm như đe dọa tàn phá, trong khi chính độ sâu thẳm của những làn sóng làm tăng thêm sự yên lặng ở gần bề mặt. Cả trời và đất đều khép kín; mặt trời, mặt trăng và những vì sao đều biến mất, không một tia sáng nào chiếu rọi xuống bóng tối. Người tìm đạo cảm thấy như bị treo lơ lửng trong một vực thẳm chân không, và dường như sắp sửa rơi vào khoảng chân không ấy. Trong niềm cảm thông với sự âm đạm của vũ trụ, ngọn lửa của sự sống dường như nhấp nháy trong khoảng tối tăm, nhưng chính nó cũng ngừng chiếu sáng. Sự “khủng khiếp của bóng tối vĩ đại” như bao trùm lấy họ, làm tê liệt năng lực và nghiền nát hy vọng của họ. Trời và người đều bỏ rơi họ, để cho họ đơn độc.

Những môn phái bí truyền lớn đều đưa ra những bằng chứng cho thấy hình ảnh được diễn tả ở trên không phải quá đáng. Không có sự thống khổ nào của nhân loại cay đắng hơn những gì mà linh hồn của bậc thánh thiện đã ghi nhận như những kinh nghiệm trên đường đạo. Họ tìm sự bình an, nhưng chiến trận vây quanh họ; họ tìm sự an vui nhưng chỉ thấy bất hạnh; họ tìm

viễn ảnh hạnh phúc, nhưng bóng tối của địa ngục bao vây họ. Những linh hồn còn non trẻ, chưa phải đối diện với thử thách, cho rằng điều đó khó tin, vì thời giờ chưa đến với họ. Trẻ em không thể đo lường sự phấn đấu của người lớn, cũng như em bé không cảm nhận được nỗi đau đớn ở ngực của bà mẹ cho em bú. Mỗi giai đoạn có quả thích hợp của nó, chúng ta có thể hiểu được những kinh nghiệm đã trải qua, nhưng không thể nhận biết được bản chất những gì chưa xảy đến. Hãy để những linh hồn chưa phát triển chế điều sự thống khổ mà họ không thể biết rõ, gièm pha sự đau khổ mà họ chưa từng cảm nhận, nhạo báng sự yếu kém chịu đựng đau khổ và cho rằng những người bị thử thách thiếu sức mạnh. Những ai đã phát triển bản chất thiêng liêng sẽ biết được thực tế của sự tối tăm, và chỉ có những người hiểu biết mới có thể phán đoán.

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ học tập để tiến đến đời sống cao cả, bóng tối tương đối ít dày đặc sẽ làm căng thẳng và trắc nghiệm năng lực người đệ tử. Những người học đạo chân thành sẽ sớm nhận thấy sự phát khởi của bóng tối, mà họ không biết được nguyên nhân, phủ xuống họ và gây nhiều phiền não. Bị nhạy cảm quá độ theo sau giai đoạn tăng trưởng này, họ tự đổ lỗi do sự đau buồn quá đáng, và tự trách đã đánh mất niềm an tịnh lý tưởng của họ.

Khi sự u ám kéo đến, mọi sự vật khoác lấy hình dạng không quen thuộc và trở nên phóng đại. Những sự việc trước kia nhỏ nhất nay hiện ra lớn hơn và lờ mờ, vì bị biến dạng bởi sương mù chung quanh; những điều phiền phức nhỏ nhất trở thành những cái bóng to lớn che phủ mặt trời; sự va chạm không được để ý tới trong những lúc vui vẻ, nay kích động toàn bộ dây thần kinh.

Sau một thời gian dài cố gắng, người học đạo cảm thấy bị rơi trở lại nơi khởi đầu, và những cố gắng quá khứ coi như bị bỏ phí. Câu sau đây diễn tả khá đúng sự việc: “Thật đáng kinh ngạc, những năng lực của Bóng Tối hình như quét sạch, bằng một luồng gió mạnh, tất cả những báu vật tinh thần của một người, những báu vật này do họ đã gặt hái và dành dụm qua nhiều năm cố gắng, đau khổ, không ngừng học hỏi và kinh nghiệm.” Người đệ tử sơ cơ bối rối và thất vọng khi thành quả mà họ đạt được tan vỡ thành tro bụi.

## TÁC NHÂN CỦA BÓNG TỐI

Khi bóng tối phủ lên ta, tất cả kiến thức thuộc lý thuyết đều bị tan vỡ; tuy nhiên, kiến thức ấy khi chiếu sáng có thể giúp làm tan bóng tối nhanh hơn. Không có cách nào khác, ngoài kinh nghiệm thực hành liên tục, có thể giúp chúng ta vững vàng và điềm tĩnh trong bóng tối cũng như trong ánh

sáng, nhưng kiến thức lý thuyết cũng có vị trí của nó trong sự tiến hóa của cái trí.

Chúng ta sẽ từng trường hợp của người học đạo và những đệ tử đã được Chân Sư chấp nhận. Những tác nhân của bóng tối ảnh hưởng cả người học đạo lẫn người đệ tử, nhưng đối với người đệ tử đã được chấp nhận thì còn có thêm những tác nhân khác.

Điểm thứ nhất, nguyên nhân được biết đến nhiều nhất là sự thúc đẩy nhanh chóng việc trả quả, một khi con người đã quyết định đặt chân vào Đường Đạo. Vấn đề này đã được giải thích nhiều, và nó chỉ đóng vai trò tương đối nhỏ trong sự mang lại bóng tối. Tuy nhiên có một yếu tố khác ít được biết đến, được đề cập sau đây.

Cảm xúc, đam mê, vui sướng và đau khổ thuộc về cõi trung giới, tức cõi tình cảm, và được biểu lộ qua thể vía; như thế, do chính bản chất của nó, nhân quả phần lớn thuộc cõi trung giới và sẽ được chấm dứt tại đó. Cho nên sự đau khổ do nhân quả xấu gây ra có thể bị phóng đại, không cân xứng với những biến cố. Bình thường, đau khổ theo sau những bất hạnh và tai họa tại cõi trần được diễn đạt nơi cõi trung giới; khi gặp phải những vấn đề rắc rối nơi cõi vật chất, ta bị phiền muộn nơi cõi tình cảm. Như thế, vấn đề ở đây là làm thế nào tách rời sự đau khổ khỏi những biến cố xảy ra tại cõi trần, mà bình thường chúng liên kết nhau.

Điều này có thể thực hiện được trong việc thúc đẩy nghiệp quả, và do đó người đi trên đường đạo có kinh nghiệm về bóng tối. Họ đang giải quyết nghiệp quả xấu bằng cách chịu đựng sự đau khổ thuộc về những nghiệp quả chưa chín muồi có thể biểu lộ tại cõi trần. Về sau, họ ngạc nhiên nhận thấy họ có thể trải qua một cách an tịnh và bình yên đối với những biến cố, mà bình thường chúng gây ra rất nhiều đau khổ. Đó là họ đã gánh chịu trước sự đau khổ liên kết với những biến cố, đến khi những biến cố này xảy ra ở cõi trần thì chỉ còn là hình thức trống rỗng, vì tâm thức trung giới đáng lẽ làm sống động hình thức này, nay đã rút lui. Vấn đề tâm thức rất sâu rộng, không thể đề cập hết được, nhưng ta chỉ cần nhớ trong giai đoạn tiến hóa hiện tại, phần đông nhân loại đang sống với tâm thức trung giới. Cho nên khi giai đoạn đen tối phủ xuống, người học đạo vẫn cảm thấy an nhiên, vì họ hiểu rằng một số nghiệp quả mà họ phải gánh chịu đang tiêu tan, và món nợ nghiệp quả không bao giờ phải trả hai lần.

Điểm thứ nhì, người học đạo đang tìm cách thanh lọc và sau cùng tiêu diệt phàm ngã. Những vui thú làm tăng cường sự sống của phàm ngã, trái lại những đau khổ làm giảm bớt nó. Chủ tâm của người học đạo là hiến dâng phàm ngã như một hành động hy sinh đối với Thượng Đế, và nếu sự hy sinh được chấp nhận, ngọn lửa sẽ giáng xuống và thiêu hủy nó. Có gì đáng buồn khổ? Chỉ là ngọn lửa thiêu đốt những chất cặn bã của phàm ngã để phóng

thích tinh chất của sự sống; lửa này trực xuất nhanh chóng những yếu tố xấu đã tích tụ trong bản thể hàng ngàn năm.

Khi ngọn lửa dường như đang thiêu đốt chính sự sống của họ, người đệ tử có thể chịu đựng được không? Họ có thể chịu đựng sự căng thẳng qua giai đoạn đen tối ấy chăng? Nếu họ chịu đựng được thì sự bình an sâu xa sẽ đến tiếp theo giai đoạn tối tăm. Một năng lực mới sẽ tuôn vào, và họ sẽ nhận thấy một viễn ảnh sâu đậm về sự thấu đạt chân lý. Từ bóng tối nảy sinh ánh sáng, và họ sẽ học được bài học vô giá cho những thử thách tương lai. Nhưng lòng can đảm và sức chịu đựng thường bị thất bại; bóng tối vẫn ngự trị, có lẽ trong suốt phần còn lại của kiếp luân hồi này, làm suy sụp những linh hồn cao quý chưa đủ sức để chịu đựng.

Điểm thứ ba, bóng tối thường có sức quyến rũ, bao phủ lên người học đạo với một sức mạnh tàn phá tác động ở thế gian. Sự tàn phá cũng cần thiết cho tiến trình tiến hóa như sự xây dựng, sự phân hủy cũng cần thiết như sự phối hợp. Hiển nhiên những sự việc làm chậm tiến trình thật ra làm nó mạnh thêm. Các nhà huyền bí học đều biết trong thiên nhiên mỗi lực tiêu biểu cho tác động của một Trí Tuệ vô hình, và điều này đúng với những lực xây dựng cũng như với lực phá hủy. Họ biết rằng Trí Tuệ hủy diệt (thường được gọi là những Quyền Năng của Bóng Tối “Dark Powers”) đưa ra những quyến rũ, lừa phỉnh, làm bối rối người học đạo khi họ ở giai đoạn phát triển khá đầy đủ, vượt lên trên phần đông nhân loại, đủ sức nhận thử thách. Với cố gắng làm chậm lại sự tiến hóa lên cao hơn, và kéo dài ảnh hưởng tối thượng của vật chất, những Quyền Năng của Bóng Tối tự nhiên bị xem như kẻ thù của bất cứ người nào vượt ra khỏi con đường tầm thường, để tìm con đường “dốc đứng” dẫn đến đời sống tinh thần.

Đây là những “quyền năng của thiên nhiên” thường được đề cập đến trong những kinh sách bí truyền, những thế lực cố gắng kềm hãm linh hồn người học đạo. Có lẽ mưu kế của thế lực này là gây nản lòng và tuyệt vọng cho người học đạo bằng cách bao phủ họ trong bóng tối, khiến họ cảm thấy bị bỏ rơi, cô độc. Đạo sinh bơ vơ, cay đắng, tiếng than thở thì thầm của họ chìm trong giọng cười ngạo nghễ vang dội từ bóng tối.

Khi tiến triển khả quan, người học đạo phải đối diện và chinh phục dần dần tất cả những năng lực của thiên nhiên, và họ phải đảm nhận công việc này một mình. Ta có cảm giác như “Ta” đang đứng một mình, vô vọng, không ai trợ giúp, nhưng thực tế ta không cô độc, vì sự chia cách ta với Nguồn Sống Duy Nhất chính là bản ngã của ta; hơn nữa các vị Chân Sư từ ái luôn luôn trông chừng từng bước đi của chúng ta trên đường đạo.

## SỰ PHIÊN MUỘN CỦA THẾ GIAN

Khi nghiên cứu đời sống của những người đã được thu nhận làm đệ tử, chúng ta nhận thấy ngoài những tác nhân thông thường ảnh hưởng đến người học đạo, còn có những tác nhân mới. Khi đệ tử tiến bộ hơn, những tác nhân này càng đóng vai trò quan trọng hơn trong kinh nghiệm của họ. Khi những khoen xích của nhân quả đã được tháo gỡ, họ rảnh tay chăm lo gánh vác một phần nghiệp quả nặng nề của thế gian. Vì thế gian, họ bắt đầu trực diện với những quyền lực phá hủy, họ đứng giữa quyền lực này và nhân loại. Tội lỗi và thống khổ của nhân loại đè nặng lên người đệ tử, và họ không thể tránh khỏi cho đến lúc họ đạt được trạng thái bình an vững chắc, có cội nguồn từ sự hiểu biết hoàn toàn. Thịnh thoảng bóng tối đến với họ, dường như tất cả mọi thống khổ ở thế gian nghiền nát tim họ; con tim họ rướm máu trong niềm thương xót cho những thống khổ của thế gian do mù quáng mang lại, và những tội lỗi do vô minh gây ra. Họ không dám phui bỏ cảm giác thống khổ này, vì càng ngày họ càng nhận thức có sự liên kết giữa sự sống của toàn thể nhân loại, sự thống khổ của người khác là sự thống khổ của họ, và họ vui lòng chia xẻ nghiệp quả của nhân loại để thúc đẩy sự tiến hóa chung. Dần dần người đệ tử học được cách chịu đựng sự thống khổ một cách bình an, và với một cảm giác hạnh phúc sâu thẳm trong nội tâm, đến một lúc nào đó năng lực hủy hoại sẽ giảm dần và biến mất. Chỉ có lòng trắc ẩn sâu xa còn lại, như thế sự thống khổ trở nên dễ mền hơn tất cả những gì mà thế gian gọi là sự vui thú, và bóng tối chỉ là buổi hoàng hôn êm ả, đẹp hơn và dịu hơn ánh sáng chói lọi của mặt trời giữa trưa.

Người đệ tử phải đương đầu với sự đau khổ sắc bén và mãnh liệt khi họ “quay lưng lại với ánh sáng và đơn độc đi vào bóng tối để gặp gỡ và chiến thắng những quyền lực xấu ác.” Đó là công việc của những Vị Cứu Rỗi thế gian, và thời giờ đến với người đệ tử khi bản phận cao quý này được ủy thác cho họ. Người đệ tử được huấn luyện cho công việc khó nhọc này và dần dần họ học cách thu hút những năng lực không điều hòa vào họ, để cho những lực xấu ác trở nên khô cạn, trong tiến trình này người đệ tử thường bị tổn thương. Kế đó họ nhận được những năng lực điều hòa, nhip nhàng để xây dựng lại thay vì để phá hủy. Như thế, đệ tử là lò luyện kim thiên nhiên, trong đó những hợp chất xấu ác bị phân giải và kết hợp trở lại thành những hợp chất tốt lành. Khi hợp chất vỡ ra và nổ tung dữ dội, lò luyện kim con người nhạy cảm bị rung chuyển và có lúc tan vỡ.

Sau một thời gian dài tuân theo kỷ luật, năng lực người đệ tử trở nên mạnh thêm, đủ sức gánh những trách nhiệm nặng hơn và có thể chịu đựng sự u buồn do bóng tối mang lại. Khi đủ mạnh, họ mới có thể vượt qua cảm giác bị Thượng Đế và loài người bỏ rơi, cảm giác như bị ném vào giữa những Quyền Lực Bóng Tối, bị hành hạ thống khổ đến nỗi phải mong muốn mất đi ý thức.



Kể đến là sự cảm dỗ ngọt dịu, “Từ thập tự giá đi xuống.” Người đê tử biết rằng chỉ có những cây đinh của chính họ, đóng lên ý định không chế ngự được có thể giữ họ lại. Họ có thể chấm dứt sự thống khổ bất cứ lúc nào bằng cách né tránh, nhưng họ phải tự hy sinh để trợ giúp thế gian. Nếu họ trốn tránh, thì thế gian phải chịu đau khổ; nếu họ có thể chịu đựng thống khổ, thì gánh nặng của nhân loại sẽ nhẹ bớt đi. “Họ cứu rồi người khác, nhưng không thể cứu rồi chính họ.” Sự nhạo báng của những kẻ không đức tin là luật của đấng Christ.

Nhưng cuối cùng, ngay niềm hy vọng này cũng mất đi, và bóng tối của tuyệt vọng bao phủ người đê tử, thì thềm rằng tất cả những thống khổ đều vô ích, rằng họ bị đánh bại, và hy vọng phụng sự thế gian của họ chỉ là “ảo ảnh không căn cứ trong giấc mơ.” Họ cảm thấy không còn phụng sự được nữa. Dù họ đã chỉ dạy người khác đi trên đường đạo, nhưng họ lại bị rút ra khỏi đường đạo. Họ có thể nào chịu đựng qua khỏi biến cố này và bằng lòng bị tiêu diệt nếu đó là nhân quả của họ? Họ có thể nào vui mừng cho thế giới được cứu vớt, mặc dù họ không dự phần trong sự cứu vớt đó, và tình thương sẽ chiến thắng, mặc dù họ bị loại ra khỏi vòng tay của nó? Nếu họ không thể, bóng tối sẽ làm họ ngộp thở, và trong một lúc, thế giới mất người cứu trợ. Nếu họ có thể, bóng tối sẽ tan đi, theo sau sự đầu hàng hoàn toàn của cái ngã riêng rẽ. Chân ngã trường tồn biểu lộ bên trong; khuôn mặt của Chân Sư chiếu sáng và người đê tử chiến thắng biết rằng mình đã luôn luôn ở đây. Trong một lúc họ có cái nhìn tinh thần rõ ràng, họ thấy Vùng Linh Thiêng và sự bình an bao quanh họ.

Kể đó người đê tử có một thời gian ngắn ngủi nghỉ ngơi trong yên tĩnh trước khi đi vào một sự sống mới rộng lớn hơn, với minh triết sâu xa, niềm tin vững vàng, tình thương sâu đậm và năng lực to lớn hơn để phụng sự nhân loại; họ cũng có sức chịu đựng mạnh mẽ đối với sự căng thẳng nặng nề hơn. Trên hết, họ đã học được vài điều về năng lực của huyền tượng, và thấy qua bản chất của ảo ảnh; những điều này giúp họ vượt qua bóng tối trong tương lai. Họ nhận thấy bóng tối không thể nhận chìm họ, trừ khi họ đầu hàng sức mạnh phỉnh lừa của nó. Đó là kết quả vô giá của bóng tối tinh thần, và với sự cố gắng tranh đấu con người tiến đến Thượng Đế.

## 8

## Ý NGHĨA VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Muốn biết ý nghĩa và phương pháp của đời sống sống tinh thần, trước hết chúng ta cần biết ý nghĩa của từ ngữ “tinh thần”. Chúng ta thường nghe nói về “tinh thần = spirit” và “linh hồn = soul”, và nghĩ rằng hai danh từ này có thể thay thế lẫn nhau. Người ta nói chúng ta có “thể xác và linh hồn” hoặc “thể xác và tinh thần” dường như nghĩa của hai chữ “tinh thần” và “linh hồn” không được xác định rõ ràng. Nếu không hiểu rõ hai chữ này thì chúng ta vẫn còn mập mờ về từ ngữ “sự sống tinh thần”.

Thông Thiên Học chia sự cấu tạo con người rất rõ ràng, cả về phương diện tâm thức cũng như dẫn thể mà tâm thức dùng để biểu lộ. Chữ “Tinh thần” (spirit) được giới hạn để chỉ thần tính bên trong chúng ta, nó biểu lộ trên những cõi cao nhất của vũ trụ, và được phân biệt bởi đơn vị tâm thức của nó. Sự đơn nhất là đặc tính chủ yếu của tinh thần, ở dưới địa hạt tinh thần tất cả đều phân chia; từ địa hạt tinh thần đi qua địa hạt trí thức, chúng ta nhận thấy ngay chính chúng ta ở giữa sự chia rẽ.

### SỰ ĐƠN NHẤT VÀ TINH THẦN

Đối với bản chất trí tuệ của chính chúng ta, từ ngữ “linh hồn” bị giới hạn, và là nguồn gốc của sự chia rẽ. Khi bản chất trí tuệ tăng trưởng thêm, chúng ta càng trở nên ý thức về sự chia rẽ của cái “Tôi”. Nó làm nổi dậy những ý tưởng của chúng ta về sự hiện tồn riêng rẽ, của cái riêng rẽ, được, mất riêng rẽ.

Giống như tinh thần, trí tuệ là một thành phần khác của chúng ta, nó chính là phân đôi chiếu với bản chất tinh thần. Vì khi trí tuệ thấy cái “Tôi” và “của Tôi”, tinh thần thấy sự đồng nhất, không phân chia; khi trí tuệ cố gắng tự phát triển và xác quyết nó như là một thực thể cá biệt, tinh thần tự nhận thấy nó trong mọi vật, và xem tất cả mọi hình thể đều như là của chính nó.

Những điều bí nhiệm lớn trong các tôn giáo thế giới đều bắt nguồn từ bản chất tinh thần. Điều mà người Thiên Chúa Giáo gọi là “chuộc tội” hoàn toàn thuộc về bản chất tinh thần; ta không thể nào hiểu được điều này khi mà ta cho rằng ta là những trí tuệ riêng rẽ, những trí tuệ phân biệt đối với người khác. Ý nghĩa tinh túy của sự “chuộc tội” nằm trong sự kiện là bản chất tinh

thần hiện diện khắp mọi nơi, và có thể tự tuôn vào hình thể này hay hình thể khác. Vì người ta không hiểu được bản chất tinh thần, và chỉ nhận thấy được sự riêng rẽ của trí tuệ, nên giáo lý tinh thần vĩ đại đã được thay thế bằng giáo lý về sự hy sinh của một cá nhân cho cá nhân khác. Người ta không nhận ra sự chuộc tội được thực hiện do tinh thần thấm nhập xuyên qua tất cả, nó có thể tự tuôn đổ vào bất cứ hình thể nào.

Tinh thần là thành phần của bản chất con người, trong đó có ý thức về sự duy nhất; nó cho biết chúng ta là một với Thượng Đế, và cũng là một với tất cả mọi sự sống trong vũ trụ. Tri thức về cái một trong tâm vạn vật là bằng chứng của tâm thức tinh thần, và chỉ khi nào nhận được sự kiện này, thì sự sống tinh thần mới được biểu lộ.

Một trong những quyển cổ kinh Đông Phương có nói: “Người nhận thấy cái Ngã Duy Nhất trong vạn vật, và vạn vật trong cái Ngã Duy Nhất, đích thực người ấy đã thấy; tất cả những người khác đều mù lòa.” Cảm giác về sự riêng rẽ cũng cần thiết cho sự tiên hóa, nhưng trên cơ bản là một sai lầm. Sự chia rẽ giống như nhánh cây mọc ra từ thân cây, sự sống duy nhất của cây đi vào mỗi nhánh và làm cho tất cả trở thành một. Chính tâm thức của cái một đó là tâm thức của tinh thần.

Thiên Chúa Giáo có ý tưởng về sự duy nhất được nhân cách hóa trong Đức Chúa. Giai đoạn đầu có đức Chúa Cha, và có sự trộn lẫn của ý chí, “không phải ý của tôi mà là ý Chúa được tác động.” Giai đoạn thứ nhì có cảm giác về sự duy nhất: “Tôi và Cha tôi là một.” Thánh kinh Thiên Chúa Giáo cho chúng ta quan niệm sâu xa về sự biểu lộ của sự sống tinh thần, và “Đức Chúa được sinh ra trong con người,” được dùng làm biểu tượng cho sự khởi đầu của đời sống tinh thần thực sự. Thánh Paul viết cho người Thiên Chúa Giáo, chớ không cho những người thế tục hay người không tin theo Thiên Chúa Giáo. Ông viết cho những người đã được rửa tội, đã được chấp nhận là phần tử của giáo hội, trong giai đoạn mà sự thu nhận vào giáo hội còn rất khó khăn. Thánh Paul nói với họ: “Các ông không phải tinh thần, các ông thuộc về thế tục.” Để giải thích nguyên nhân mà Ngài nói với họ như thế, Ngài tiếp: “Tôi nghe giữa các ông có sự chia rẽ.” Nơi đâu sự sống tinh thần ngự trị, nơi đó có sự điều hòa, chớ không có sự chia rẽ.

Như kinh sách của các tôn giáo lớn trên thế giới, thánh kinh Thiên Chúa Giáo nói về giai đoạn chính thứ nhì của đời sống tinh thần như sau: Khi ngày cuối cùng đến, tất cả được gom lại trong Chúa, Con được gom vào trong Cha, và “Thượng Đế sẽ là tất cả, trong tất cả.” Ngay đến sự chia rẽ từng phần giữa Con và Cha cũng không còn nữa, khi đó có sự duy nhất tối thượng. Khi đọc Áo Nghĩa Thư (Upanishads), Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita), hay Tân Ước (New Testament), chúng ta thấy có cùng ý nghĩa và bản chất của đời sống tinh thần: là cái một, trong đó có sự kết hợp hoàn toàn.

Mặc dù trí tuệ ngăn cách và chia rẽ, chúng ta vẫn có thể kết hợp, vì chính bản chất trong tâm chúng ta là thiêng liêng. Đó là cái thực tại vĩ đại từ đó mọi vẻ đẹp và năng lực của cuộc sống con người tùy thuộc. Không có gì quan trọng đối với chúng ta, khi người này tin con người có nguồn gốc thiêng liêng, người kia bị lừa phỉnh bởi ý tưởng cho rằng bản chất của con người là tội lỗi, thống khổ và suy đồi. Điều làm tổn hại cho sự tiến bộ, làm suy yếu bản chất nội tâm chúng ta là sự lặp đi lặp lại sự kiện sai trái rằng: căn nguyên và bản thể của ta xấu ác, không thiêng liêng. Đó là thuốc độc cho chính trái tim của sự sống; nó ghi dấu tích khó loại bỏ được. Chúng ta hãy khơi dậy cảm giác cao quý bên trong của những kẻ thấp kém và suy đồi nhất, để nâng đỡ họ lên khỏi lớp bùn nhơ, mà trong đó bản tính thiêng liêng của họ đã bị chôn vùi; chúng ta phải nói cho họ biết về bản thể thiêng liêng của họ, trong tâm họ chứa những điều cao thượng chứ không phải điều đê hèn. Làm thế, chúng ta sẽ khơi động từ từ tinh thần họ, mà trong cuộc sống thường ngày họ không ý thức được. Bốn phạm thiết yếu của những giáo sĩ là làm cho người nghe cảm thấy đặc tính thiêng liêng khơi dậy trong lòng.

### KHAI MỞ BẢN CHẤT THIÊNG LIÊNG

Nhìn thấy sự thiêng liêng trong tâm mỗi người, chúng ta bắt đầu tự hỏi: nếu đó là ý nghĩa và đời sống tinh thần thì làm cách nào để khai mở nó? Như trên đã đề cập, bước đầu phải làm cho mọi người tin vào điều đó, để họ loại bỏ những điều người khác đã nói với họ về bản chất xấu ác, và nguồn gốc tội lỗi của con người. Không có nguồn gốc tội lỗi ngoại trừ sự vô minh, mà tất cả chúng ta đều sinh ra từ đó. Do kinh nghiệm, chúng ta dần dần thoát khỏi vô minh, để đạt được minh triết. Từ điểm khởi hành đến lúc tâm thức cảm nhận sự duy nhất là đến tột đỉnh. Phương pháp của sự sống tinh thần là để cho sự sống tự thâm nhập vào bản chất thực tại của chính nó. Tư tưởng về bản chất thiêng liêng bên trong con người cần được truyền bá trong mọi giáo đường, tư tưởng này đã từ lâu bị che đậy bởi giáo lý đối nghịch lại nó. Khi tin tưởng con người là thiêng liêng, chúng ta sẽ điều hòa bản chất bên trong chúng ta.

Tôi công nhận theo một ý nghĩa đầy đủ nhất, phương pháp của sự sống tinh thần không thể áp dụng cho những người quá kém phát triển. Đối với họ bài học đầu tiên đã được nói đến trong nhiều sách xưa: “Ngưng làm điều xấu ác.” Một trong những bài giảng mà tôi thích trong Áo Nghĩa Thư nói về những giai đoạn một người có thể tìm thấy Chân Ngã, Thượng Đế nội tâm, trong đó giai đoạn đầu là “ngưng làm điều xấu ác.” Đó là giai đoạn đầu tiên hướng về đời sống tinh thần, nền tảng cần phải xây dựng trước tiên. Giai đoạn thứ hai có tính cách chủ động: “làm những điều phải.” Điều này cần

thiết bất cứ nơi đâu, và phải được lặp đi lặp lại cho đến lúc con người bỏ được hết điều ác, và làm tất cả điều thiện. Người ta chỉ bắt đầu sống một đời tinh thần sau khi đã hoàn tất những giai đoạn đầu tiên này.

Những giai đoạn kế được nói đến như sau: người lười biếng, người kém thông minh, người thiếu lòng sùng tín không thể tìm thấy Chân Ngã. Và tiếp theo: “Không thể tìm được Chân Ngã bằng trí tuệ hay bằng lòng sùng tín, nhưng bằng trí tuệ kết hợp với lòng sùng tín, chúng là đôi cánh nâng ta lên thế giới tinh thần.”

Chúng ta có thể tìm thấy nhiều chi tiết trong những kinh sách khác nhau của thế giới thêm vào phác họa sơ lược này, để hướng dẫn chúng ta trên Đường Đạo cổ kính chật hẹp. Nhưng điều đặc biệt cần thiết bây giờ là lối sống của con người ở thế gian, ràng buộc bởi mối liên hệ gia đình và mọi loại công việc, làm thế nào để đạt được sự sống tinh thần và tiến bộ an toàn trên đường tâm linh thật sự.

Những tôn giáo khác nhau trên thế giới có khuynh hướng phân biệt giữa đời sống thế tục và đời sống tinh thần. Sự phân biệt này có vẻ thực tế, tuy nhiên thường gây ngộ nhận và hiểu lầm. Người ta thường nghĩ về phương diện hoàn cảnh, trong khi nó bao gồm thái độ, một sự khác biệt rất sâu xa, và quan trọng thiết thực đối với chúng ta. Do sự hiểu lầm này, con người trong mọi thời đại đã rời bỏ thế gian để tìm kiếm Thần Linh. Họ đã đi vào sa mạc, rừng sâu, hang động, núi non... tưởng tượng rằng khi rời bỏ nơi họ gọi là “thế gian,” thì có thể sống an toàn với đời sống tinh thần. Nếu biết Thượng Đế thâm nhuần trong tất cả vạn vật và bất cứ nơi đâu, thì Thiên Tính ở phố chợ cũng nhiều như ở sa mạc, nơi ngân hàng cũng như trong rừng sâu, trong tòa án cũng như trong hang sâu núi cao, ở chỗ đông người cũng như ở nơi hoang vắng. Cũng đúng là những linh hồn chưa phát triển, dễ dàng có cảm giác về đời sống thâm nhuần trong mọi vật, khi họ rời xa những nơi huyền ảo thế tục, nhưng đó là dấu hiệu của tinh thần yếu kém.

Đời sống ẩn dật có tác dụng của nó, nhưng không bao giờ là đời sống cao siêu cuối cùng; nó không phải là đời sống của đấng cứu thế trên địa cầu. Đôi khi đời sống ấy giúp cho một người chưa đủ mạnh, để cắt đứt những ràng buộc. Người ta bỏ chạy vì không thể chiến đấu, họ trốn tránh điều mà họ không dám đối diện, thường đó cũng là phương cách khôn ngoan. Đối với người dễ bị cám dỗ, tốt hơn là khuyên họ nên xa lánh sự cám dỗ.

Nhưng người hùng thật sự của đời sống tinh thần, không trốn tránh bất cứ người nào, bất cứ nơi nào. Họ không sợ y phục bị dơ bẩn, vì họ đã dẹt chúng bằng loại tơ không để bụi bám vào. Những người này sau một thời gian sống đơn độc sẽ quay trở về để dẫn dắt thế gian, và bài học về sự dứt bỏ mà họ đã học được nơi vắng vẻ sẽ hữu dụng cho công việc của họ. Sự giải thoát, tinh thần tự do, ý thức kết hợp với Thượng Đế, đánh dấu giai đoạn

con người trở nên thiêng liêng; đó là sự chinh phục cuối cùng mà con người đạt được nơi thế gian, chứ không phải nơi rừng sâu hay sa mạc.

## TỪ BỎ KẾT QUẢ CỦA HÀNH ĐỘNG

Con người dần dần đạt đến đời sống tinh thần và góp nhặt được những bài học tinh thần trong thế gian, nhưng với điều kiện gồm hai giai đoạn: giai đoạn đầu, chúng ta làm tất cả những công việc cần phải làm, vì đó là bổn phận của chúng ta. Khi sự sống tinh thần bắt đầu xuất hiện, ta nhận thức tất cả hành động ta thực hiện, không phải để đạt được vài kết quả đặc biệt nào đó, mà vì bổn phận của chúng ta phải làm. Nói rất dễ, nhưng làm rất khó! Ta không cần thay đổi bất cứ điều gì trong cuộc sống để trở nên “tinh thần”, điều cần làm là thay đổi thái độ của ta đối với cuộc sống. Ta không nên mong chờ bất cứ kết quả nào từ việc làm, nhưng phải làm với tất cả tâm lòng, vì đó là bổn phận của ta.

Có được quan niệm như thế về sự sống, là giai đoạn quan trọng đầu tiên đưa ta đến nhận thức sự duy nhất. Nếu chỉ có một Sự Sống vĩ đại, và mỗi người trong chúng ta chỉ là biểu lộ của sự sống đó, thì tất cả mọi hoạt động của ta chỉ là tác động của Sự Sống đó bên trong ta. Đó là ý nghĩa mà trong B. Gita nói về hành động mà không mong đợi kết quả, vì “quả” đương nhiên phải có theo sau hành động.

Lời khuyên đừng mong đợi kết quả từ hành động chỉ dành cho những người có đời sống tinh thần, nó không dành cho người chưa có động lực mạnh mẽ nào khác, kích thích họ hành động mà không cần phần thưởng cho riêng cá nhân họ. Ta phải hành động, đó là cách thức để tiến hóa. Không hành động, ta không thể tiến hóa; không cố gắng và phấn đấu, ta trôi nổi trên dòng nước ngược của sự sống, mà không tiến tới được. Hành động là luật của sự tiến bộ; khi chúng ta luyện tập, sự sống mới tuôn chảy vào chúng ta. Vì lý do đó mà các kinh sách có nói: người lười biếng không bao giờ tìm được chân ngã. Người lười biếng, không hoạt động, không thể nào bắt đầu một đời sống tinh thần.

Động lực thúc đẩy người bình thường hành động, hoàn toàn là tìm sự vui hưởng kết quả của công việc làm. Đây là cách thức mà Thượng đế hướng dẫn thế gian trên đường tiến hóa. Phần thưởng được đặt trước mặt, để ta cố gắng theo đuổi, và với sự cố gắng ta phát triển năng lực. Nhưng khi đã đạt được phần thưởng, nó vỡ ra từng mảnh vụn trong tay ta, và điều này cứ tiếp tục lặp đi lặp lại. Khi nghèo, bạn ham muốn tiền bạc, đến khi có được hàng triệu trong tay, cảm giác bất mãn sẽ len lỏi vào trí bạn, làm bạn mệt mỏi, chán nản đối với tiền của mà bạn không thể sử dụng hết. Bạn cố gắng để có danh vọng và đạt được nó, sau một thời gian bạn nhận thấy nó chỉ là

“một tiếng thoáng qua và mắt hút vào biển cả mênh mông.” Bạn cố gắng đạt quyền thế, khi bạn đã nắm được nó trong tay, bạn cũng không thỏa mãn với nó và trở nên mệt mỏi, thất vọng. Cùng một chuỗi sự việc nối tiếp nhau và cứ mãi lặp đi lặp lại.

Đó là những món đồ chơi mà “Cha” đưa ra để thúc đẩy các con cố gắng tiến tới. Chính ông ẩn núp bên trong món đồ chơi để khuyến dụ các con; vì nếu không có sự sống của Thượng Đế thì bất cứ nơi đâu cũng không có vẻ đẹp và sự quyến rũ. Nhưng khi món đồ chơi đã được nắm giữ, thì sự sống liền rời bỏ nó; nó vỡ nát trong bàn tay, và chúng ta bất mãn. Vì giá trị nằm trong sự phấn đấu, chứ không phải trong sự chiếm hữu; nằm trong năng lực đưa ra, chứ không phải trong sự rảnh rang sau khi chiến thắng; và cứ thế chúng ta tiến hóa.

Nhưng khi tinh thần bắt đầu thức động và tìm cách biểu lộ, thì những phần thưởng mất đi năng lực thu hút của chúng; bây giờ, động lực thúc đẩy là bản phận chứ không phải kết quả. Từ đây, ta làm việc vì bản phận như là một phần tử của Sự Sống Vĩ Đại Duy Nhất, ta làm việc với tất cả năng lực của người làm việc để hưởng kết quả, và có thể còn hơn thế nữa. Người làm việc trong một công trình to lớn tốt lành cho nhân loại, sau nhiều năm khổ nhọc, công trình bị sụp đổ mà họ vẫn vui lòng, những người như thế đã tiến xa trên đường tinh thần. Điều này có vẻ như không thể thực hành được? Nhưng nếu chúng ta hiểu về Sự Sống, và cảm nhận được sự sống duy nhất, sẽ biết rằng không có một cố gắng nào làm cho nhân loại tốt hơn mà bị xem là vô ích, không có công việc tốt nào thất bại. Hình thức bên ngoài của công việc có thể đổ vỡ, nhưng sự sống bên trong vẫn tồn tại.

Động lực như thế cũng có thể kích thích những người chưa sống được đời tinh thần. Trong chiến tranh, một đội binh sĩ được giao phó một công tác vô vọng, không thể hoàn thành. Vị sĩ quan chỉ huy nhận được lệnh phải chiếm ngọn đồi mà ông biết rõ là không thể thành công, vì trên sườn đồi đã được địch quân dựng lên lờm chờm rất nhiều dàn đại pháo. Ông biết rằng trước khi tiến lên tới đỉnh đồi, quân sĩ của ông sẽ bị tiêu diệt. Nhưng là người chiến sĩ trung thành với tổ quốc, ông phải tin tưởng vị tổng chỉ huy tối cao. Ông và đội quân của ông chiến đấu theo mệnh lệnh, và dĩ nhiên bị thất bại. Họ hy sinh cho đến người cuối cùng phơi thây trên sườn đồi, họ có thất bại chăng? Có vẻ là như thế, nếu người ta chỉ nhìn một phần nhỏ của trận chiến. Vì khi toán quân cảm tử này làm cho kẻ thù phải đổ dồn lực lượng đánh lại họ, thì đoàn quân khác đã kéo đến tấn công hậu cứ không được phòng bị của địch quân và đạt được chiến thắng dễ dàng. Cuối cùng sự hy sinh của những người chiến sĩ trên sườn đồi được toàn quốc vinh danh, và tên tuổi của họ được ghi khắc vào bia tưởng niệm.

Người sống đời tinh thần cũng thế, họ biết chương trình không thể thất bại, họ biết trận chiến phải kết thúc với chiến thắng thuộc về họ. Đối với những người nhận biết được sự Duy Nhất, khi một phần nhỏ bị thất bại, họ không coi là quan trọng; điều quan trọng là sự hoàn thành mục đích cuối cùng mà thiên cơ dành cho con người. Họ làm việc không phải để đạt được thành quả nơi đây, lập ra tổ chức lớn nơi kia; mà họ làm việc cho sự cứu chuộc nhân loại. Dù hình thức của công việc mà họ làm bị đổ vỡ, nhưng sự sống vẫn tiến lên và thành công.

Đó là ý nghĩa của sự làm việc vì bản phận. Nó làm cho sự chịu đựng cuộc sống trở nên tương đối dễ dàng, từ đó con người sống an tịnh, mạnh mẽ, vô tư và không lo sợ. Người làm việc vì bản phận, không đeo níu vào bất cứ điều gì họ làm; khi công việc đã thực hiện xong, họ không lo lắng gì về nó nữa. Họ để mặc cho thế gian đo lường sự thành công hay thất bại, riêng họ chỉ biết Sự Sống bên trong vẫn tiến đến mục đích. Đây là điều bí nhiệm của tâm bình an trong công việc. Những người làm việc mà mong cầu thành công, thì luôn lo lắng, không yên, luôn đếm từng cố gắng và tính toán khả năng thắng, bại. Đối với những người làm việc vì bản phận, không màng đến kết quả, họ làm việc với sức mạnh của thiêng liêng, và luôn luôn tin chắc về mục đích sau cùng.

## LÀM VẬN HÀ CHO THIÊNG LIÊNG

Tác động như một vận hà cho thiêng liêng là giai đoạn quan trọng đầu tiên. Để thực hiện giai đoạn này, có một điều bí nhiệm mà chúng ta cần phải nhớ là: khi làm bất cứ việc gì, chúng ta phải nghĩ rằng Năng Lực Vĩ Đại đang làm việc đó xuyên qua chúng ta. Điều này được B. Gita gọi là “bất động ở giữa hành động.” Con người muốn trở nên “tinh thần” thật sự, phải đặt tư tưởng này bên trong mọi công việc. Thế nào là động lực từ trong tâm của người luật sư hay quan tòa, thúc đẩy họ thi hành công việc dựa theo sự sống tinh thần? Đơn giản là họ phải tự xem như hiện thân của Pháp Quan Thiêng Liêng. Luật pháp ở thế gian không hoàn hảo và đầy sai sót, chỉ có Pháp Quan Thiêng Liêng là đại diện cho luật pháp tối thượng trên mặt đất. Những người muốn biểu lộ sự sống tinh thần trong ngành luật pháp, phải luôn luôn có trong lòng tư tưởng “Tôi là bàn tay của Pháp Quan Thiêng Liêng ở thế gian, tôi thi hành theo đúng luật.”

Cũng thế trong những ngành nghề khác, thương mại là một trong những cách thức nuôi sống thế giới, một phần của hoạt động thiêng liêng. Người trong nghề buôn bán phải tự coi mình là thành phần thiêng liêng phân phát sự sống, từ đó những quốc gia được liên kết lẫn nhau; họ là những bàn tay, bàn chân của hoạt động thiêng liêng. Những người tham dự vào việc



điều khiển và hướng dẫn quốc gia cũng là đại diện cho Hành Pháp Thiêng Liêng; chỉ khi nào nhận ra là hiện thân của sự sống thiêng liêng thì họ mới làm đúng với cương vị của họ.

Tuy có những nhà chính trị trực lợi, nhỏ mọn, nhưng sự suy đồi ấy không ảnh hưởng gì đến sự hiện hữu của Thiêng Liêng. Vị hành Pháp Thiêng Liêng luôn tìm cách hiện thân trong những người cầm quyền, để dân chúng có cuộc sống hạnh phúc, cao đẹp hơn. Nếu phần đông những người dự phần vào công việc xã hội, nghĩ rằng họ là hiện thân của một trong nhiều phương diện của hoạt động thiêng liêng, thì cuộc sống ở thế gian sẽ trở nên tốt đẹp và cao thượng biết bao!

Điều này cũng giống như cuộc sống trong gia đình. Trong một quyển sách cổ Ấn Độ có nói, Thượng Đế của vũ trụ (Thượng Đế biểu lộ), là Gia Trưởng Vĩ Đại. Mỗi người chồng phải nghĩ rằng mình là hiện thân của Gia Trưởng Thiêng Liêng. Vợ và các con không phải để phục vụ cho người chồng cảm thấy tiện nghi, hạnh phúc, mà để người chồng có cơ hội thể hiện thiên tính của một người đàn ông hoàn hảo, của người chồng và người cha. Người vợ và người mẹ phải nghĩ rằng bà là hiện thân của đặc tính khác của thiêng liêng, phần vật chất, người nuôi dưỡng, cung cấp không ngừng những nhu cầu của các con. Như Cha và Mẹ vĩ đại bảo vệ và nuôi dưỡng thế giới, cha và mẹ của các con trong gia đình bắt đầu tăng trưởng sự sống tinh thần. Nếu mỗi người trong gia đình bắt đầu đời sống tinh thần, phước báu sẽ tràn đầy trong gia đình và ngoài thế gian.

### NIỀM HẠNH PHÚC CỦA SỰ CHO

Sau khi đã làm bốn phận vì bốn phận, giai đoạn quan trọng thứ nhì mà chúng ta phải theo đuổi là thực hành Luật Hy Sinh. Với cái nhìn cao quý về đời sống, không những chúng ta thấy chính chúng ta như là Sự Sống Thiêng Liêng đang hoạt động trong thế gian, mà còn như là Sự Sống Thiêng Liêng tự hy sinh để cho tất cả có thể sống. Trong sách có nói, khởi đầu của vũ trụ là một hành động hy sinh, và việc nâng đỡ để vũ trụ tồn tại là sự hy sinh liên tục, thấm nhuần và làm linh động vạn vật. Khi nhận thức được luật hy sinh cao cả của Sự Sống vũ trụ, chúng ta vui vẻ dự phần, tuy nhỏ nhoi trong sự hy sinh ấy để trở nên một thành phần thúc đẩy cơ tiến hóa của nhân loại. Đó là điều bí mật về niềm vui của những người sống đời tinh thần. Họ mất tất cả những gì bên ngoài, nhưng được tất cả những gì bên trong.

Tôi thường nói sự sống của hình thể bao gồm sự thu góp vào, trong khi sự sống của tinh thần bao gồm sự cho ra. Vì thế đức Chúa từng tuyên bố: “Người cho nhận được nhiều ân phước hơn người nhận.” Khi một người biết được thế nào là niềm vui của sự cho, sẽ không còn muốn niềm vui của sự

nhận; họ biết một niềm vui vô tận nảy sinh từ trong tim khi Sự Sống tuôn tràn ra ngoài. Vì nếu Sự Sống Thiên Liêng tuôn tràn vào ta và được giữ lại bên trong ta, nó sẽ trở nên ứ đọng, trì độn và tử vong. Nhưng xuyên qua một sự sống làm trung gian, Sự Sống Thiên liêng tuôn chảy không ngừng, không ứ đọng, không mệt mỏi. Nó tuôn tràn ra ngoài càng nhiều, càng nhận được nhiều.

Chúng ta đừng sợ cho ra, càng cho ra, sự sống của chúng ta càng đầy đủ hơn. Đừng bị lừa phỉnh bởi thế giới của sự chia rẽ, nơi đó con người sợ cho ra sẽ mất đi, như một người có nhiều vàng sợ những đồng tiền vàng họ cho ra sẽ làm cạn bớt số vàng tích trữ của họ. Nhưng trong vấn đề tinh thần, càng cho ra, ta càng có thêm nhiều; mỗi hành động cho ra làm cho sức chứa đựng của ta càng lớn thêm. Như thế, ta không sợ trở nên trống rỗng, khô cạn, kiệt quệ, vì tất cả Sự Sống ở phía sau chúng ta, và ta là một với những dòng suối của sự sống. Khi nhận thức rằng chúng ta là thành phần của cái duy nhất cao cả, chúng ta sẽ nhận được niềm vui chân thực, trường cửu của sự sống. Trong vẻ huy hoàng của sự sống thực sự, mọi niềm vui vụn vặt ở thế gian đã có lần thu hút chúng ta, nay biến mất, và chúng ta nhận biết được ý nghĩa của câu nói: “Người nào mất sự sống riêng tư sẽ tìm được nó trong sự sống trường cửu.”

## MINH TRIẾT THIÊNG LIÊNG VÀ ĐẠO ĐỨC

(Bài giảng của bà A. Besant tại Hội Nghị Tôn Giáo thế giới, Chicago, 1893)

Trong những giai đoạn đầu của cuộc sống luân lý, lòng vị tha là mục đích mà con người phải đặt lên hàng đầu. Nhưng thật ra lòng vị tha chỉ là một giai đoạn tiến bộ chớ chưa phải là mục đích. Khi nào chúng ta còn ý thức rằng chúng ta là người phụng sự kẻ khác, ý tưởng phụng sự ấy rất tốt về phương diện đạo đức, nhưng vẫn chưa hoàn hảo, vì thiếu phương diện tinh thần.

Có một bài thơ xứ Ba Tư diễn tả về một chàng trai đi tìm người yêu. Khi tìm thấy cửa phòng của người yêu đang khép kín, chàng gõ cửa và xin vào. Một giọng nói từ bên trong hỏi: “Người nào muốn vào đây vậy?” Nghĩ rằng người yêu của mình muốn biết chắc là mình, chàng thanh niên trả lời: “Người yêu của em đang gõ cửa đây.” Nhưng trong phòng vẫn yên lặng và cửa vẫn đóng kín.

Chàng thanh niên đi lang thang khắp nơi và học được bài học sâu xa hơn về sự sống và tình yêu. Một lần nữa, chàng quay trở về tìm đến trước cửa phòng vẫn còn khép kín, chàng gõ cửa và xin vào. Một lần nữa giọng nói từ bên trong hỏi: “Ai gõ cửa vậy?” Nhưng câu trả lời lần này không phải “người yêu của em” mà là: “Chính em gõ cửa.” Cánh cửa được mở ra để chàng vào.

Mọi tình yêu thật sự bắt nguồn từ cái duy nhất, nơi chỉ còn có một, không hai. Vì thế trong tinh thần cao cả nhất của đạo đức, đây là dấu hiệu thật sự mà chúng ta cần biểu lộ. Không có điều gì gọi là làm với tính cách vị tha đối với người mà ta thương yêu nhất, vì hạnh phúc sâu xa và niềm vui cao cả đến với cả hai. Khi phát triển sự sống tinh thần và hiểu được nhân loại “là một” thật sự, ta sẽ tìm thấy người yêu hoàn hảo nhất của ta chính là nhân loại. Phụng sự cho cái Ngã cao cả là phụng sự cho nhân loại, như thế là ta trở về nguồn cội, nơi mà ta đã khởi hành, Cái Vô Hình, Cái Một và là Tất Cả.

Lòng vị tha, rục rờ trong những giai đoạn luân lý thấp, mất hút trong cái Một Tối Thượng của linh hồn nhân loại, trong sự bất khả phân chia tuyệt đối của Tinh Thần. Ở giai đoạn chúng ta vẫn còn ý thức về sự phân chia, lòng vị tha có thể được xem như mục thước của đời sống, có nền tảng trên nguồn gốc chung của con người từ Thiêng liêng. Trên con đường hành hương của mỗi linh hồn, con người cùng nhận sự huấn luyện, cùng trải qua

kinh nghiệm học hỏi để thu thập mọi hiểu biết, cũng như chia sẻ những cơ hội, và tạo nên đặc tính cao cả rút ra từ vật chất bình thường. Vốn cùng nguồn gốc, vận mệnh của chúng ta là một; tức hoàn hảo bản chất thiêng liêng của con người. Sự chia rẽ giữa người này với người khác, cũng như xây dựng bức tường chia cách giữa anh em, chị em, nó có giá trị gì đâu?

### NGUỒN GỐC TÌNH HUYNH ĐỆ

Sự duy nhất là nền tảng của tình huynh đệ; như vậy, nền luân lý của nhân loại phải bao hàm từ ngữ “huynh đệ”. Tất cả mọi cư xử đúng đắn đều có nguồn gốc từ Luật của Tình thương. Khi nào luật lệ của thế gian còn cần thiết, nó cho thấy sự không hoàn hảo của con người. Đến lúc con người tự thực hiện bản chất là một với Luật Thiêng Liêng, thì luật của thế gian không còn cần thiết nữa. Khi ấy nhân loại hoàn hảo, sự tự do và luật trở thành một.

### ĐIỀU KIỆN TUYỆT ĐỐI

Qui định về những nguyên tắc đạo đức đúng đắn, cho ta thấy trong thiên nhiên tình huynh đệ hiện hiện khắp mọi nơi. Các hệ thống luân lý, như hệ phái của Kant, có đưa ra những điều kiện bắt buộc tuyệt đối, dựa vào đó chúng ta nhận biết được thế nào là đúng để làm theo. Tuy nhiên, một số trường phái khác không đưa ra điều kiện bắt buộc.

Muốn đạt được vài mục đích nào đó, chúng ta có thể vượt ra ngoài những điều kiện gò bó không? Chúng ta có thể bảo một sinh viên mỹ thuật: “Nếu muốn vẽ và trở nên một họa sĩ nổi tiếng, bạn phải cầm cây bút đúng cách thức, phải tập luyện đôi mắt theo những kỷ luật đặc biệt, để dần dần nhận thấy và diễn tả được sự sống động ẩn trong hình thể...”

Sự đào luyện đạo đức có cần những kỷ luật như trong ngành mỹ thuật hay khoa học không? Nếu không tuân theo một số điều kiện hạnh kiểm, thì con người tiến bộ rất chậm chạp. Người không sống theo kỷ luật hạnh kiểm giống như người sử dụng đòn bẩy mà không có điểm tựa, không có chỗ nào để lực có thể tác động.

Do vô minh và khờ dại, con người không biết những định luật thiên nhiên, và bị xui giục bởi ý muốn không thuần thực của chính họ. Có lẽ họ bị lừa dối bởi những ham muốn của bản chất thấp hèn và nghe theo tiếng gọi quyền rũ của chúng, với kết quả là sự đau khổ. Đó là cách thức mà thiên nhiên dạy những người vi phạm luật. Con người cố tình chạy theo ý muốn chưa thuần thực, họ tự đập vào bức tường sắt, kết quả là sự đau đớn và những vết bầm dạy cho họ không được vi phạm định luật bất biến của thiên nhiên.

Trên những cõi khác nhau, tác động của định luật thiên nhiên có khác nhau không? Không, Thiên Nhiên là một, đó là sự diễn đạt từ một Ý Chí Thiêng Liêng, và chỉ khi nào bạn thay đổi được ý chí thiêng liêng, bạn mới có thể thay đổi sự diễn đạt của ý chí đó. Một số người nghĩ rằng trên phương diện tinh thần họ có thể làm bất cứ điều gì, miễn là không phát ra hành động ở cõi vật chất. Họ không biết rằng họ đang gieo đức hạnh hay thói xấu, thay vì chỉ là bắp hay lúa mạch. Theo định luật thiên nhiên, hạt giống xấu ở cõi tinh thần sẽ gây nên một xã hội băng hoại, và nhân loại suy đồi.

Phải chăng những điều trên có vẻ cứng nhắc và lạnh lùng? Phải chăng chúng ta đang sống trong một vũ trụ với những bánh xe định mệnh vây quanh, không cách nào tránh khỏi? Bạn có cảm thấy những bánh xe định mệnh sẽ nghiền nát bạn? Nếu đối với bạn, luật thiên nhiên có vẻ tàn nhẫn và vô tâm, thì bạn chưa hiểu được vũ trụ.

## QUI LUẬT THIÊNG LIÊNG

Qui luật chỉ là Ý Chí của Đấng Thiêng Liêng, và Đấng Thiêng Liêng muốn bạn có hạnh phúc. Qui luật chỉ là phương cách diễn đạt của sự hoàn hảo, và chỉ trong sự hoàn hảo mới tìm thấy được hạnh phúc và bình an. Dù những bánh xe luôn xoay vòng, nhưng trọng tâm của vũ trụ lúc nào cũng là tình thương. Vài người trong chúng ta đã thoáng thấy sự duy nhất, nhận thức được tình thương và công bình vốn là một, và biết rằng sự bất công đồng nghĩa với tội ác. Vì thế khi nhìn vào vũ trụ, ta thấy những qui luật không thay đổi đã nâng chúng ta lên cao thay vì nghiền nát chúng ta.

Một trong những bài xã luận nổi tiếng của Ralph Waldo Emerson có nói về chân lý vĩ đại này: Thiên Nhiên có vẻ tàn nhẫn khi bạn chống lại nó; nhưng trợ giúp mạnh mẽ nhất khi bạn hợp tác với nó. Mỗi qui luật sẽ đè bẹp bạn nếu bạn chống lại nó, sẽ nâng bạn lên cao nếu bạn kết hợp với nó. Mỗi năng lực sẽ chống lại bạn khi bạn sống vô kỷ luật, sẽ đứng về phía bạn khi bạn tự hòa đồng với qui luật. Chúng ta chinh phục được thiên nhiên bằng sự vâng lời theo nó. Emerson bảo chúng ta hãy nâng lý tưởng đến tận ngôi sao, thì lý tưởng sẽ di chuyển với vận tốc của hành tinh xa tít ở trên.

Như thế, ý nghĩa đầy đủ của tình huynh đệ đại đồng là qui luật trong thiên nhiên. Mục đích của chúng ta là làm cho tình huynh đệ đại đồng trở nên thực tế trong xã hội; và nó chỉ trở nên thực tế khi nào con người hiểu được nó là qui luật chứ không phải chỉ là nguyện vọng. Khi khám phá ra qui luật của thiên nhiên, chúng ta không còn chống đối lại nó. Chúng sẽ thích ứng ngay với kiến thức mới và hòa hợp với điều kiện mà chúng ta vừa hiểu được. Thế nhưng tình huynh đệ đại đồng ít được biết đến ở các nước Tây Phương! Có thể do dân chúng không vâng theo qui luật. Không phải vì họ

không nhận thức được sự đẹp đẽ của lý tưởng, mà vì họ không hiểu sự cần thiết tuyệt đối của nó; và mọi cố gắng đi ngược lại qui luật phổ cập trong cuộc sống đều phải thất bại.

Chúng ta là anh chị em trong cơ thể mỗi người, do sự tác động hỗ tương của những phân tử vật chất. Chúng ta là anh chị em trong tâm trí mỗi người, do sự tác động hỗ tương của những làn sóng và những hình tư tưởng, mà người này thường xuyên ảnh hưởng đến người khác. Và trên tất cả, chúng ta là anh chị em trong tinh thần mỗi người. Như thế, tình huynh đệ hiện tồn trong tất cả mọi cõi của sự sống.

### CẤP BẬC CỦA TÌNH THƯƠNG

Ý nghĩa của “tình huynh đệ” bao gồm mọi sự vật thiết thực, gắn gũi nhất trong cuộc sống hàng ngày. Chúng ta thường phân biệt giữa anh chị em trong nhà thờ và người ngoài đời. Có những người lại cho rằng bằng cách từ bỏ tình thương đối với những người thân cận, ta phát triển tình thương đối với toàn thể nhân loại. Không phải thế; tình thương phải phát triển từ thấp lên cao, lan rộng ra từ gia đình đến làng xóm, từ làng xóm đến quốc gia, từ quốc gia đến toàn thể nhân loại. Nó bắt đầu bằng cách chối bỏ tình thương trong gia đình. Nó bắt đầu từ sự đam mê và tình thương mà người mẹ dành cho các con, lan rộng ra và bao gồm những trẻ con khác; không phải bằng cách làm nguội lạnh tình thương, mà bằng cách phát triển rộng rãi và mạnh mẽ thêm.

Như thế, tình huynh đệ tăng trưởng và trên phương diện thực tế trở thành Một, điều này rất thiết yếu. Trong quyển “Những Nấc Thang Vàng” (The Book of the Golden Precepts) một trong những món quà quý giá từ Đông Phương mà chúng ta nhận được qua bà Blavatsky, có viết: “Hãy theo bánh xe của sự sống; hãy theo bánh xe của bốn phận đối với giống dân và dòng dõi.” Khi thi hành đúng đắn những bốn phận này, chúng ta trở nên xứng đáng trong công trình rộng lớn hơn. Tâm chúng ta cần mở rộng, không được khép lại đối với bất cứ người nào. Vào giai đoạn đầu của đường đạo, tâm người đệ tử phải đáp ứng lại mọi tiếng kêu khóc của người khác. Như những sợi dây đàn rung động khi bị chạm vào, trái tim người đệ tử cũng rung động đối với mọi tiếng kêu xin khẩn thiết của nhân loại.

Nếu tình thương bị giới hạn trong vòng những người gần gũi, thì đó chỉ là tình thương bậc thấp. Tình thương bậc thấp có đặc tính ích kỷ, độc chiếm, sở hữu, cho những người mà cá nhân chúng ta thương yêu, cho sự vui lòng của gia đình riêng chúng ta, mà không màng đến nhu cầu của người ngoài. Khi trong kinh sách dạy bạn phải tiêu diệt loại tình thương ích kỷ đó,

điều ấy có nghĩa là bạn phải làm cho nó trong sạch, để không còn một dấu vết nào của cá nhân.

Tình thương mà ta cho các huynh đệ, được đo lường bằng sự cần thiết của họ, chứ không bằng sự ràng buộc cá nhân giữa ta với họ. Ta phải đáp ứng lại sự kêu cứu thống khổ của người khác, và bồn phận của ta phải càng ngày càng mở rộng hơn. Ta phải thương mọi người, như tình thương của chồng đối với vợ, của anh chị em trong gia đình. Bất cứ đau khổ nào xảy đến do thương yêu cũng là niềm vui của sự hy sinh; hạnh phúc của người chúng ta thương, sâu đậm hơn bất cứ sự đau khổ tạm thời nào mà chúng ta có thể gánh chịu do tình thương đó đem lại.

Chúng ta học được từ Thiên Nhiên về tình huynh đệ giữa nhân loại. Từ đó chúng ta biết cách cư xử với những người chưa tiếp xúc được với ánh sáng của thực tại, của đặc tính thiêng liêng bên trong.

## NHÂN QUẢ VÀ LUÂN HỒI

Khi càng tiến hóa hơn, nhân loại càng phải đáp ứng với những xung lực cao hơn. Phương pháp đầu tiên mà vị thầy áp dụng phải là phương pháp của Thiên Nhiên, nó để cho con người học được cái “Tôi” thực tại bằng sự đau khổ. Như thế, nhờ nghiệp quả, con người cảm nhận được qui luật đạo đức đúng đắn. Con người học bài học rằng sự ích kỷ chỉ có thể đưa đến kết quả đau khổ. Nếu họ không học được bài học bằng tình thương, họ phải học bằng sự đau khổ. Nếu họ không học được bằng sự ước muốn kết hợp với Thượng Đế, họ phải học bằng kinh nghiệm về sự xấu ác. Nếu cây của đời sống thật sự trong tim mỗi người, kết trái tình yêu và bồn phận, không đủ sức thu hút họ, thì họ phải chấp nhận kinh nghiệm cả điều ác lẫn điều thiện.

“Nếu điều tốt lành không hướng dẫn được họ, sự chán nản có thể ném họ vào tim tôi.” Đó là tiếng của Tinh Thần kêu gào nơi thế gian, gọi những người đi xa hãy trở về với nó. Nếu tiếng gọi này không thu hút được họ, thì đến lúc sự đau khổ sẽ đem họ trở về. Kẻ đi lang thang phải trở về; người viễn xứ không thể ở mãi nơi xứ lạ. Chỗ của họ đang còn để trống ở nhà, chờ họ quay về. Đến khi những điều tạm bợ ở thế gian không làm họ thỏa mãn, họ sẽ dần dần quay trở về cho đến khi đủ gần để được thu hút bằng tình thương, mà không bằng sự đau khổ nữa.

Như thế, chúng ta có nền tảng của những qui luật về điều phải. Lý thuyết về sự luân hồi cho ta thấy, chỉ bằng cách sống đúng đắn, chúng ta mới tiến bộ. Tính ích kỷ phải được nhổ tận gốc, lòng vị tha phải được vun trồng, và tư tưởng ích kỷ phải được tận diệt; vì khi tái sinh, tư tưởng sẽ làm khuôn mẫu kiến tạo đặc tính chúng ta; không người nào có khuôn mẫu đặc tính xấu mà có được khuynh hướng tốt.

Ta không thể trốn tránh kết quả do hành động ta đã tạo ra, và cũng không thể hưởng được ân phúc mà không phải do công lao khó nhọc của chính ta. Không ai có thể làm thế ta, mỗi người phải tự đi trên đôi chân của mình, tăng trưởng với cố gắng của chính mình. Dù những linh hồn huynh đệ có giúp đỡ ta, nhưng căn bản là ta phải tự giúp ta. Mọi người phải vững vàng đạt được chân lý cho chính họ. Những người còn yếu kém có thể được cảm hứng bởi những nhân vật gương mẫu, và dần dần tất cả đều sẽ biểu lộ đặc tính thiêng liêng của mình.

## ĐẠO ĐỨC TRONG KINH SÁCH THẾ GIỚI

Đây không phải điều mới lạ, chỉ là ý tưởng bị che đậy bởi từ ngữ, bởi y phục bao quanh. Những kinh điển trên thế giới là di sản vô giá từ hàng triệu năm, và chúng ta chưa nhận ra kho châu báu ấy. Nơi đây, tôi chỉ lặp lại điều mà những vị đại sư trong các tôn giáo đã dạy. Mỗi vị đến thế gian để đưa ra điểm chính yếu về đạo đức, tư tưởng các vị đưa ra đều tương đồng. Khi lược xét những kinh sách thế giới, ta nhận thấy chúng có cùng một chất bổ dưỡng về đạo đức.

Ở Trung quốc, khoảng sáu trăm năm trước Chúa giáng sinh, Lão Tử đã dạy về qui luật của tình thương, tương tự như giáo lý trong tín ngưỡng của chúng ta. Lão Tử đưa ra qui luật chữa trị sự xấu ác bằng sự lành thiện; ông nói: “Tôi cư xử chân thật đối với người chân thật, tôi cũng cư xử chân thật đối với người giả dối. Tôi cư xử rộng rãi đối với người rộng rãi, tôi cũng cư xử rộng rãi đối với người hẹp hòi. Tôi cư xử trung tín đối với người trung tín, và cư xử trung tín đối với người bất trung. Tôi chữa trị tính keo kiệt bằng lòng rộng rãi, và sự dối trá bằng lòng thành thật.”

Tư tưởng trên giống hệt với hệ thống mười bốn phạm trong qui luật của đức Bàn Cô, Ngài dạy tha thứ cho những kẻ hại mình là qui luật chủ yếu cho sự tiến bộ của linh hồn. Sáu thế kỷ trước khi Chúa giáng sinh, đức Phật cũng dạy cùng một bài học: “Đối với kẻ vô cớ gây thương tổn cho Ta, Ta đáp lại bằng tình thương bao la. Đối với kẻ càng xấu ác, Ta càng đáp lại bằng nhiều thiện tâm.” Cùng tư tưởng như trên được bậc thầy vĩ đại của người Do Thái lặp lại trong Bài Giảng Trên Núi cho các đệ tử của Ngài: “Hãy thương kẻ thù của các con, cầu phước cho người nguyện rửa các con, và đối xử tốt với những người oán ghét các con; được như thế, các con là con cái của Cha ở trên Trời, Ngài rọi ánh sáng cho điều thiện lẫn điều ác, Ngài đổ mưa lên điều công bình lẫn điều bất công.” Tiếng Nói là một, dù cho có nguồn gốc từ Thiên Chúa Giáo hay Phật Giáo, Ấn Giáo hay Lão Giáo. Những lời dạy gần giống nhau, và tinh thần bên trong là một. Tại sao chúng ta muốn có một nền đạo đức mới, trong khi ta chưa thực hành được



những qui luật củ? Tại sao ta đòi một giáo lý mới, khi vẫn còn nhiều điều trong những giáo lý củ mà ta chưa học hết? Có thể ở những thế hệ mai sau, khi trình độ tiến hóa của nhân loại gần hoàn hảo, trong vài chu kỳ tiến hóa tương lai, vài qui luật đạo đức mà ngày nay nhân loại chưa biết đến, vài luân lý tôn quí, cao cả và tinh khiết hơn, có thể được được truyền dạy bởi vài đấng cao cả. Chúng ta chưa sẵn sàng cho những giáo lý như thế, chúng ta chưa chuẩn bị đầy đủ để tiếp nhận những huấn thị ấy. Qui lật củ về tình thương đã đầy đủ cho chúng ta, đến khi nào thực hiện được những điều ấy thì chân trời khác sẽ rộng mở trước mắt ta. Qui luật của sự sống thiêng liêng bao gồm tất cả mọi sự vật, và qui luật của tình thương thiêng liêng là ánh sáng soi đường cho toàn thể nhân loại.

Sinh ra từ tình thần, ta trở về Tinh Thần. Sinh từ Tình Thương Thiêng Liêng, hãy sống thế nào cho tình thương ấy biểu hiện hoàn hảo trong ta. Khi tình thương ấy đã được hoàn hảo, những tư tưởng trong trí óc ta, những lời nói thốt ra từ cửa miệng ta đều biểu lộ vẻ đẹp cao cả. Hạnh phúc thay cho những ai đang hòa hợp làm một với Thiêng Liêng! Không biên giới như chính Thiêng liêng, khi đó không còn giới hạn nào có thể ngăn cản tinh thần họ.

## BỒN PHẬN TỐI THƯỢNG

(Bài giảng của bà A. Besant tại Hội Nghị Tôn Giáo thế giới, Chicago, 1893)

Chỉ có phụng sự mới làm cho cuộc sống trở nên đầy đủ; toàn thể vũ trụ được ràng buộc vào việc phụng sự nhân loại, và mỗi người phải mang nặng lời hứa phụng sự nhân loại. Từ quá khứ sang hiện tại và trải dài trong tương lai, con người dần dần tiến hóa đến giai đoạn Thiêng Liêng trường cửu, bất tử, không bao giờ bị hủy diệt. Đó là cứu cánh của sự sống, mục đích của sự tiến hóa.

Hôm nay tôi xin nói sơ lược về những yếu tố trong việc phụng sự, về ý nghĩa của nó trong cuộc sống hàng ngày, và sự cao cả của việc thực hành hàng ngày những phẩm hạnh của linh hồn con người.

Thật là khiếm khuyết nếu tôn giáo không dạy người thế gian bổn phận trong cuộc sống hàng ngày, và gây cảm hứng để họ vươn lên ánh sáng bên trên. Triết lý vĩ đại làm khuôn mẫu cho cái trí; khoa học vĩ đại đem lại ánh sáng của sự hiểu biết cho thế giới. Nhưng vĩ đại hơn, tôn giáo dạy về bổn phận làm người, và gây cảm hứng cũng như đem lại cho chúng ta sức mạnh thành đạt. Vĩ đại hơn nữa là sự hiểu biết về linh hồn con người; sự hiểu biết này đưa đến công việc phụng sự cho sự tiến bộ trên đường tinh thần đến lúc viên mãn.

Theo giáo lý Thông Thiên Học, có tất cả bảy cõi khác nhau trong vũ trụ, và cũng có những thể khác nhau trong con người tương ứng với bảy cõi ấy; nhưng nơi đây chúng tôi chỉ phân loại sơ lược.

### PHỤNG SỰ Ở CÔI TRẦN

Chúng ta hãy xét xem phụng sự có ý nghĩa như thế nào đối với cõi trần. Trước hết, theo đức Phật, phụng sự có nghĩa là đời sống chân chánh, một phương cách đúng đắn, một đường lối ngay thật để nuôi thân. Phương cách sống đúng đắn không có nghĩa là bắt buộc phải phục vụ người khác, cũng không phải là gom lấy mọi thứ rồi giữ chặt trong tay mà không cho lại điều gì. Đời sống chân chánh bao hàm ý nghĩa ngay thật trong đời sống, cho ra nhiều, khi kiếm được nhiều, và đo lường công việc bằng năng lực phục vụ. Đời sống chân chánh cũng ám chỉ bổn phận giúp đỡ kẻ khác nhiều hơn,

khi bạn khôn ngoan hơn, hoặc có địa vị cao trọng hơn. Đời sống chân chánh có nền tảng trên sự công bằng và tình thương

Trong cuộc sống ở cõi vật chất, ngoài việc không làm tổn hại cho bất cứ người nào và phụng sự cho tất cả, chúng ta còn có bốn phạm đối xử đúng đắn về phương diện xác thân, tức thể tạm bợ của chúng ta. Sống đúng đắn có nghĩa là nhận thức ảnh hưởng của bản chất cao lẫn bản chất thấp của bạn đối với toàn thể thế gian. Nó ám chỉ sự hiểu biết về tác dụng của xác thân bạn đối với xác thân của tất cả nhân loại. Bạn không thể tách rời xác thân bạn với xác thân những người chung quanh, vì luôn luôn có sự trao đổi lẫn nhau giữa chúng. Những phân tử sống nhỏ bé tạo nên cơ thể của bạn ngày nay, ngày mai sẽ giúp xây dựng cơ thể người khác, cứ thế có sự liên tục tác động hỗ tương và đan kết lẫn nhau của những phân tử vật chất.

Bạn thường nói: “Xác thân là của tôi, tôi muốn đối xử với nó thế nào cũng được!” Thật ra, không có cái gì thuộc của riêng bạn, mọi vật đều thuộc về toàn thể mọi người, tổng thể nhân loại. Không một phân tử nào có quyền đòi hỏi toàn thể phải phục dịch nó. Do đó bạn phải có trách nhiệm trong việc sử dụng những phân tử cấu tạo nên thể xác bạn. Bạn không được đầu độc những phân tử nhỏ bé tạo nên cơ thể bạn bằng những chất độc hại như rượu, hoặc làm cho chúng trở nên thô kệch bằng lối sống buông thả theo dục lạc. Khi những phân tử này rời khỏi bạn, chúng xâm nhập vào những người khác, và nhất là những trẻ con, chúng sẽ gieo mầm giống những tật xấu mà chúng đã học được từ bạn. Chúng làm lan truyền tánh tham ăn, không tiết độ, không tinh khiết của sự sống mà bạn đã ghi khắc lên chúng khi chúng còn là thành phần của cơ thể bạn. Những ai làm lan truyền chất độc hại trong cộng đồng nhân loại, phải chịu trách nhiệm đối với những chứng bệnh như nghiện rượu, cũng như các chất độc khác, làm cho nhiều người phải đau khổ. Bạn là người có tội đối với sự suy đồi, xấu xa của những huynh đệ, vì bạn không cung cấp những nguyên tử tinh khiết để cấu tạo nên sự sống vật chất của người khác, những người mà trên thực tế là một với bạn.

Bạn đã biết ý nghĩa của việc phụng sự ở cõi thấp này. Bạn có thể tự đặt ra và thực hành một cách thức phụng sự khác, để mọi người có thể học hỏi từ hành động tự nguyện của bạn; như sống một đời đơn giản, giảm thiểu nhu cầu vật chất. Bạn hãy giảm bớt lối sống xa hoa, thêm lối sống cao thượng, giảm bớt thời giờ dành cho những ham muốn của thể xác, tăng thêm thời giờ giúp đỡ kẻ khác cho họ vượt qua những trở ngại, khó khăn và lo lắng trong cuộc sống.

Thật khó nói chuyện về tinh thần với người đang đau khổ vì bị đè nặng bởi cái ách của sự nghèo đói, thiếu thốn vật chất. Có thể nào bạn quở trách một người nghèo khổ, vì họ suy nghĩ quá nhiều đến những thú vui thế gian và ham muốn tiện nghi vật chất? Có thể nào bạn trách cứ vì họ không

nghe theo những lý tưởng của bạn? Chính những thú vui vật chất mà bạn đang hưởng thụ sẽ nói với họ rằng mục đích của đời người chỉ là những thú vui của cảm giác, của những lạc thú tạm thời.

Như thế, bổn phận của bạn trong việc phụng sự thế gian là giảm thiểu sự ham muốn của xác thân, học cách tu dưỡng linh hồn. Cố gắng sống cuộc đời đơn giản, cao quý, sử dụng năng lực cho phần tinh thần trường tồn.

## PHỤNG SỰ Ở CÔI TRÍ TUỆ

Không những chúng ta phụng sự ở cõi trần, cõi thấp nhất, mà còn có thể phụng sự ở cõi trí tuệ; ở cõi này chúng ta phụng sự nhân loại hữu hiệu hơn ở cõi trần. Nhiều người nghĩ rằng chỉ có những tư tưởng gia vĩ đại, viết sách vở để cải cách tư tưởng mới có thể phụng sự nhân loại. Bạn có nghĩ rằng công việc trên cõi trí tuệ chỉ dành cho diễn giả trước hàng ngàn người nghe, còn bạn chỉ tiếp xúc với một ít người? Không đúng thế, những tư tưởng gia vĩ đại, viết hoặc nói, không có ảnh hưởng quá nhiều như bạn tưởng do xét đoán bên ngoài. Đúng là công việc của họ to lớn, nhưng nguồn gốc của sức mạnh mà họ lay chuyển đám đông, không phải do năng lực của riêng họ, mà là năng lực họ đã kêu gọi từ những người nghe họ, từ tâm những con người mà họ đánh thức. Đó là năng lượng của thánh giả trong lúc nghe giảng thuyết, chứ không phải của diễn giả. Người đọc diễn văn chỉ sử dụng cái lưỡi để diễn đạt bằng lời những tư tưởng trong tâm của con người, những người không thể tự trình bày được những tư tưởng ấy. Tư tưởng đã có sẵn ở đây, diễn giả đưa tư tưởng ấy ra bằng lời nói cho những người không diễn tả ra được, người nghe cảm nhận năng lực trong lời nói ấy, họ nghĩ tư tưởng ấy là của diễn giả. Thật ra chính tự trong tim họ đã lay chuyển họ, và đó là tiếng nói của chính họ, của những người không có khả năng nói rõ ràng, làm cho năng lực vang dội từ nơi này đến nơi khác.

Tư tưởng hàng ngày của bạn đổ trút vào thế giới. Bạn đang tạo dựng những khuynh hướng tốt cũng như xấu trong tương lai. Khi suy tư, tư tưởng nung nấu trong não bộ trở thành sức mạnh sống động, trợ giúp cho sự tốt lành hoặc sự xấu ác trong môi trường trí tuệ. Sinh lực và sức mạnh trong môi trường ấy ảnh hưởng đến tất cả công việc trí tuệ khắp thế giới.

Dù yếu ớt hay mờ tối, người nào cũng có sức mạnh sáng tạo của thế giới trong linh hồn họ. Khi chúng ta suy nghĩ, tư tưởng phóng ra uốn nắn tư tưởng và sự sống những người khác. Tư tưởng thương yêu và dịu dàng của ta sẽ làm cho toàn thể bề chứa tình thương trong thế giới được đầy thêm. Do đó chúng ta có thể góp phần vào sự tạo dựng quan niệm chung, từ đó ý tưởng của nhân loại được uốn nắn, và mọi người đều có thể dự phần vào công việc này. Quyền năng tư tưởng của bạn làm cho bạn trở thành vị thần

sáng tạo trong thế giới, và từ đó tương lai được xây dựng. Đó là phương cách để giống dân từ từ tiến đến Thiên Liêng.

Việc phụng sự liên tục không những chỉ ở cõi vật chất và cõi trí tuệ mà còn ở cõi tinh thần. Lời nói không thể diễn tả đúng bản chất cũng như sự cao cả của công việc phụng sự trên cõi tinh thần. Công việc đó được làm trong yên lặng, không có tiếng nói hay bất cứ lời bàn tán nào của con người. Công việc đó ở trên và cũng ở chung quanh chúng ta. Chúng ta phải học hỏi để phụng sự hoàn hảo ở những cõi thấp, trước khi nghĩ đến công việc phụng sự ở cõi tinh thần.

## QUYỀN NĂNG CỦA LÝ TƯỞNG CAO CẢ

Ngày nay, nếu áp dụng triết lý được đề cập ở trên sẽ có hiệu quả như thế nào? Chắc chắn là ta sẽ có tư tưởng thanh cao, và lý tưởng cao cả. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta đưa ra lý tưởng cao thượng nhất, và cố gắng điều hòa cuộc sống chúng ta theo lý tưởng đó. Lý tưởng sẽ nâng cao ý chí, và ta sẽ trở nên điều mà ta tôn sùng.

Lý tưởng chúng ta tôn sùng sẽ có năng lực chuyển hóa chúng ta thành con người hoàn hảo. Nếu bạn muốn giúp vào sự tiến hóa, và góp phần vào công việc vĩ đại ấy, hãy làm cho lý tưởng trở thành sự thật, sự thật từ trong mỗi tư tưởng và mỗi hành động trong cuộc sống. Hãy suy nghĩ chân thật, nếu không, bạn sẽ hành động sai trái. Không hai lòng, không giả dối, không để cho sự sai quấy làm dơ bẩn nơi tôn nghiêm bên trong bạn, vì nội tâm trong suốt thì hành động sẽ không tì vết, khi ấy sự chiếu sáng của chân lý trường tồn sẽ làm cho sự sống của bạn mạnh mẽ và cao quý.

Không những phải chân thật mà còn phải tinh khiết, vì từ sự tinh khiết sẽ xuất hiện nhãn quan Thiên Liêng; và chỉ có sự tinh khiết trong tim, như đức Christ đã nói, mới có thể thấy được Thượng Đế. Chỉ có sự tinh khiết bên trong mới có được nhãn quan hạnh phúc, và chỉ có những người đã thanh lọc hóa mới có thể chia sẻ sự tinh khiết tuyệt đối.

Ngoài ý tưởng về sự chân thật và tinh khiết, chúng ta cần thêm vào một ý tưởng nữa đã bị quên lãng trong cuộc sống văn minh: đó là lòng tôn kính đối với điều cao thượng, sự yêu thích đối với những gì cao hơn ta. Cuộc sống văn minh đang trở nên nhỏ mọn, vì chúng ta không đủ mạnh để có lòng tôn kính. Cuộc sống trở nên nhỏ mọn, hèn hạ, tầm thường, vì con người sợ rằng họ sẽ bị hạ thấp nếu họ cúi đầu trước những gì cao hơn họ. Nhưng tôn kính điều cao hơn sẽ nâng bạn lên, chứ không làm giảm giá trị của bạn. Cảm giác tôn kính làm cho bạn cảm thấy được nâng cao, chứ không cảm thấy bị hạ thấp. Đó là năng lực nhận ra được điều cao quý hơn điều mà ta từng mơ tưởng, và ta cúi đầu trước điều đó, cho đến khi nó thấm nhuần vào cuộc sống

và làm cho ta giống với nó. Chỉ có những người yếu đuối mới sợ vâng lời; chỉ có những người yếu đuối mới sợ khiêm tốn.

Trên thế giới ngày nay, chế độ dân chủ là đường lối thích hợp nhất để tổ chức cuộc sống bên ngoài. Nhưng vào thời đại cổ Ai Cập và Ấn Độ, nếu có những vị thần minh mang hình hài con người đi khắp nơi chỉ dạy dân chúng chân lý cao siêu, huấn luyện con người sống đời cao thượng, truyền đạt hiểu biết thâm sâu, chúng ta có đòi quyền bình đẳng đối với những vị ấy không? Phẩm giá của chúng ta có bị hạ thấp khi chúng ta ngồi dưới chân các vị để học hỏi không?

Trong đời sống văn minh hiện tại, nếu bạn có cảm giác tôn kính đối với điều tinh khiết, cao quý và vĩ đại nhất, cũng như đối với sự minh triết và năng lực, thì sự đam mê của lòng tôn kính sẽ đem những đặc tính này vào trong chính cuộc sống của bạn. Khi đó tương lai của quốc gia bạn sẽ được vững chắc, tương lai của bạn với tính cách một người dân sẽ được huy hoàng. Các bạn là công dân Hoa Kỳ, những người kiên tạo tương lai, bạn có muốn nâng cao đến thiêng liêng ẩn tàng trong tim của mỗi người không? Tại sao các bạn chỉ thấy những điều ở dưới thấp thay vì những ngôi sao trên trời? Tại sao các bạn chỉ tìm những bụi bặm, trong khi có thể lần theo những tia sáng do mặt trời chiếu xuống để đạt đến chính tâm điểm của nó?

Tương lai nằm trong tay bạn, vì hôm nay bạn đang tạo ra tương lai. Chính bạn xây dựng đền thờ cho quốc gia bạn, với hy vọng một ngày gần đây dân chúng sẽ được nâng cao trong số những dân tộc trên thế giới, và làm tiền phong cho sự sống thật, sự lớn mạnh thật. Các bạn hãy đặt nền tảng vững chắc ngay ngày hôm nay. Không có tòa lâu đài nào đứng vững trên một nền móng mục nát, không quốc gia nào có thể tồn tại nếu không có nền tảng thiêng liêng. Bạn có năng lực, năng lực của bạn là sự chọn lựa. Khi bạn ứng dụng năng lực của bạn, Hoa Kỳ trong những thế kỷ tới sẽ ban phước cho bạn, nếu bạn không sử dụng năng lực của bạn, nó sẽ xử phạt bạn. Mọi sự đều tùy thuộc nơi bạn, vì bạn ở trong số những người kiến tạo thế giới.

## 11

## ÍCH LỢI CỦA ĐIỀU ÁC

Bí mật của điều ác là vấn đề thách thức trí thông minh của nhân loại từ nhiều ngàn năm, cho đến hiện tại, nó vẫn còn được bàn luận rất sôi nổi và hăng hái. Điều này chứng tỏ vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Theo bản năng, chúng ta nghĩ rằng nếu hiểu được nó, chúng ta sẽ rút ra được một bài học quan trọng có giá trị, và phía sau sự bí mật của điều ác có ẩn chứa vài chân lý quý giá.

Tôi không cho rằng tôi có thể giải thích rõ vấn đề lâu đời này, nhưng tôi hy vọng đưa ra vài khảo sát để bạn suy nghĩ, may ra có thể soi sáng vấn đề. Để dễ dàng theo dõi, tôi chia vấn đề thành 4 đề mục:

1. Nguồn gốc của điều ác.
2. Sự tương đối của điều ác.
3. Sự ích lợi của điều ác.
4. Sự chấm dứt điều ác.

Xuyên qua những đề mục này, tôi hy vọng sẽ trình bày cho các bạn thấy điều ác là điều kiện cần thiết của sự biểu lộ, và nó phát sinh đồng thời với sự biểu lộ. Điều ác hoàn toàn không tồn tại tự chính nó, mà chỉ là tương đối. Nó hiện tồn trong mối liên hệ giữa những sự vật, mà không ở trong chính những sự vật ấy. Nó thay đổi theo thời gian, theo sự kế tiếp của những biến cố, và với trào lưu tiến triển của vũ trụ.

Tôi cũng hy vọng trình bày mục đích của điều ác, sự hữu ích mà nó công hiến, và làm thế nào chúng ta thoát khỏi nó, cũng như sự sử dụng điều ác để cắt đứt dây trói buộc chúng ta vào bánh xe luân hồi sinh tử. Dù vẫn sống trong thế gian, nhưng làm thế nào để chúng ta không tạo nghiệp quả. Tôi nhớ có một câu nói nổi tiếng như sau: “Chúng ta có thể đốt cháy nhân quả trong ngọn lửa trí tuệ”, tôi hy vọng các bạn sẽ tự nghiền ngẫm ý tưởng thâm sâu này.

### NHỮNG CẶP ĐỐI NGHỊCH

Bây giờ chúng ta hãy xét đến nguồn gốc của điều ác. Nên hiểu rằng, nếu không có sự giới hạn lúc khởi đầu, vũ trụ sẽ không thể biểu lộ, không có tăng gia, không có phân chia khác biệt. Cái Hiện Tôn Duy Nhất, đôi khi được gọi là Brahman, thì tuyệt đối và không thể phân chia; nó không có những biểu hiện và tính chất, mà chỉ có sự duy nhất, không phân chia, không đa dạng. Nó là “Cái Một không có cái thứ hai.”

Khi bạn suy tưởng về Cái Hiện Tồn này, chính lúc đó bạn phải tách rời bạn với nó. Trí của bạn cố gắng khảo sát một cái gì mà nó không phải chính chủ thể tư tưởng. Do chính sự cố gắng của tư tưởng, bạn đưa ra nhị nguyên tính vào cái mà bạn đang cố gắng nhận thức như là sự duy nhất. Khi có sự phân chia giữa chủ thể tư tưởng và tư tưởng, thì có sự khác biệt. Lúc ấy không còn Brahman như cái Một Duy Nhất, vì trong Ngài không có nhị nguyên tính, không có cái thực thể phân biệt, trong Ngài không có chủ thể tư tưởng, cũng không có tư tưởng.

Tư tưởng bao hàm sự nhận thức và đối tượng của sự nhận thức, nhưng Brahman là sự duy nhất tuyệt đối, sự như nhau tuyệt đối. Chúng ta bàn bạc về tư tưởng ở nơi mà tư tưởng không thể hiện tồn. Brahman không bị điều kiện hóa, cho nên không thể hiểu được và không có giới hạn. Sách vở nói rất đúng rằng: Cái Đó không phải ý thức, cũng không phải không ý thức. Tuy nhiên, có một bản thể thâm sâu, khi điều kiện hóa sẽ trở nên ý thức; vì ý thức bao hàm nhị nguyên tính, gồm ý thức và cái thuộc về ý thức. Chính lúc chúng ta dùng từ ngữ “ý thức” đã bao hàm nhị nguyên rồi. Do đó trong cái duy nhất tuyệt đối, chỉ có sự như nhau, không có sự khác biệt, chỉ có Cái Một không hai, không thể suy tưởng được, vì không cần bất cứ điều kiện nào để nó hiện tồn, và không giới hạn.

Nhưng khi vũ trụ trở nên thực thể, nó phải có điều kiện và giới hạn. Giới hạn là điều kiện của sự biểu lộ, vì ở ngay lúc khởi điểm của sự biểu lộ, một chu vi được vẽ ra, đó là vòng tròn của vũ trụ. Nếu không như thế, tư tưởng bị mất trong Cái Một tuyệt đối, sự đồng nhất. Trong vòng tròn đó, tư tưởng tác động, chính từ ngữ “biểu lộ” đã ám chỉ sự giới hạn này. Theo qui luật của cái trí, sự biểu lộ bao hàm cái phản đề của nó, là sự không biểu lộ. Bất cứ điều gì mà bạn có thể nghĩ đến đều có cái đối nghịch với nó, vì sự đối nghịch ám chỉ tác động xác định nó: “A” bao hàm có cái “không A”.

Chỉ bởi tiến trình của sự giới hạn, vũ trụ mới có thể trở nên hiện hữu. Những điều kiện tự hạn chế trong Cái Một Vô Hạn, có thể xem như ranh giới hạn chế tư tưởng. Khi hiểu được điều đó, giai đoạn kế tiếp rất đơn giản. Khi có sự khác biệt, có sự giới hạn, lập tức có sự bất toàn. Sự hoàn hảo không có giới hạn, cái gì có giới hạn thì không hoàn hảo; vì thế sự bất toàn là kết quả của sự giới hạn. Bạn có thể tìm thấy sự hoàn hảo trong cái toàn thể, chứ không ở trong những thành phần riêng rẽ. Bất cứ khi nào bạn có từng phần khác biệt, nhiều người; ở mỗi người riêng rẽ không có sự hoàn hảo, vì ít hơn cái toàn thể, điều gì chỉ có một phần, chứng tỏ nó bất toàn. Một mảnh vụn không thể hoàn hảo; chỉ có cái toàn thể mới được coi là hoàn hảo. Chính giới hạn trong sự hiện tồn của vũ trụ bao hàm ý nghĩa không hoàn hảo; mỗi sự vật ít hơn cái toàn thể, cần phải có giới hạn, vì thế nó phải bất toàn.



Đối với điều được mọi người cho là xấu ác, chúng ta cần suy nghĩ cẩn kẽ hơn. Chính sự hiện tồn của vũ trụ mang bản chất bất toàn, cho nên điều mà chúng ta cho là xấu ác nằm trong một mức độ nào đó của sự bất toàn, nếu so sánh với những điều khác. Chính những từ “tốt, xấu”, “thiện, ác” cho thấy sự tương đối, cặp đối nghịch cần thiết của tư tưởng. Chữ “thiện” không chỉ rõ bất cứ điều gì, cho đến khi con người có ý tưởng về sự ác, sự “không - thiện”; vì thiện và ác là những từ ngữ có tính cách hỗ tương. Chúng ta chỉ có thể phân biệt được một sự vật khi so sánh với những sự vật đối nghịch, sự so sánh này hiện diện trong trí cùng lúc ta nghĩ về sự vật.

Định luật căn bản của cái trí là: tư tưởng tác động do sự dị đồng, do sự phân biệt khác nhau giữa “A” và “không - A”, “A” đại diện cho sự vật riêng mà ta nghĩ đến, “không - A” là những sự vật khác với sự vật riêng ấy. Như thế khi bạn nói “tốt”, bạn tách rời sự tốt ra khỏi cái mà nó phân biệt, tức cái “không - tốt”. Nếu không có sự tách rời, sẽ không có ý tưởng về sự tốt hiện diện trong trí, vì chúng ta chỉ nhận thấy sự “tốt” do sự tương phản và phân biệt với sự “không - tốt”. Nếu không có sự phân biệt này, sẽ không có sự việc gì mà chúng ta gọi là “tốt.” Vậy “tốt” và “không - tốt” là một cặp đối nghịch, và cái này có được nhờ sự hiện tồn của cái kia.

Chúng ta có thể đưa ra một cặp đối nghịch khác tương tự, như ánh sáng và bóng tối. Trong tư tưởng của chúng ta, ánh sáng sẽ không có ý nghĩa gì nếu không có bóng tối, hay “không - sáng”. Tư tưởng chỉ có thể nhận thức được “sáng” vì có “không - sáng”. Tư tưởng có thể nhận được những vật thể phát ra ánh sáng, vì có những vật thể khác không phát ra ánh sáng. Nói khác đi, chính sự hiện diện của những vật thể không phát ra ánh sáng, cần thiết cho sự nhận ra ánh sáng. Những nhà thiên văn học nói, sở dĩ chúng ta nhìn thấy được những ngôi sao vì không gian tối; mặc dù không gian chứa đầy những tần số rung động mà trên mặt đất chúng ta nhận ra như ánh sáng. Tại sao? Vì những khoảng không gian bao la trong vũ trụ, không chứa những vật thể phản chiếu ánh sáng. Như thế, nếu thiếu những vật thể tối, ánh sáng không thể lộ ra và phản chiếu.

## SỰ TƯƠNG ĐỐI CỦA ĐIỀU ÁC

Từ những ý tưởng trên, khi xét đoán những hiện tượng chung quanh, chúng ta thấy điều ác chính nó không thể tồn tại. Điều ác cũng như điều thiện đều nằm trong mối liên hệ giữa sự vật này và sự vật khác; nó tương đối, không tuyệt đối. Điều gì chúng ta gọi là xấu ác ở nơi này, có thể không phải là xấu ác ở nơi khác. Sự tiến hóa ám chỉ có sự thay đổi đặc tính, và điều gì tốt ở một giai đoạn nào đó có thể trở thành xấu ở một giai đoạn khác.

Để cho vấn đề rõ ràng hơn tôi đưa ra thí dụ sau: bạn có một thể rung động mãnh liệt, rung động này không đụng chạm đến bất cứ một thể nào của người khác. Nó có thể rung động bên trong cũng như bên ngoài, mà không làm hại gì cả, và không gây ra bất cứ điều gì có thể gọi là điều xấu ác. Nhưng khi thể rung động mãnh liệt này tiếp xúc với một thể khác, nó liền gây ra sự thích thú hay đau khổ, nếu thể thứ nhì có khả năng đáp ứng và cảm giác được những rung động phát xuất từ thể thứ nhất. Do tiếp xúc với thể có những rung động mãnh liệt, và do cảm nhận được mà cảm giác đau khổ nảy sinh.

Trong vũ trụ, đau khổ được xem như thành phần của điều ác, là kết quả của những gì mà chúng ta gọi là điều ác. Nhưng thực ra, đau khổ là kết quả của sự tiếp xúc giữa hai sự vật, mà khi tách rời ra không có hại gì cả. Như thế, do sự liên hệ và chống đối nhau giữa những sự vật làm nảy sinh sự đau khổ, là điều mà chúng ta gọi là ác. Bản chất của kết quả tùy thuộc vào sự liên hệ giữa hai sự vật. Nó không tùy thuộc vào những khiếm khuyết sẵn có của mỗi sự vật, mà chỉ tùy thuộc vào sự liên hệ giữa chúng.

Khi càng tiến hóa, con người càng đối diện nhiều hơn với điều mà chúng ta gọi là xấu ác. Kết quả của sự tiến hóa đưa đến nhận thức về sự hiện tồn của những thể, những cơ quan cao hơn, và có liên hệ càng ngày càng phức tạp hơn với những sự vật ở chung quanh. Càng ngày những năng lực đáp ứng càng phát triển trong những cơ quan này, và năng lực đặt những sự vật bên cạnh nhau để so sánh cũng phát triển.

Dần dần con người góp nhặt kinh nghiệm, tâm thức cũng càng ngày càng phát triển để có thể nhận ra điều nào đi ngược sự phát triển, làm chậm sự tiến hóa và có khuynh hướng làm phân hóa, thay vì sự toàn vẹn ở cấp bậc cao.

Chúng ta xét đến sự tiến hóa có nghĩa gì? Nói một cách đơn giản, sự tiến hóa là kiến tạo nên những cơ quan cao và phức tạp hơn, để có thể diễn đạt càng lúc càng hoàn hảo Sự Sống, mà Sự Sống vốn thiêng liêng, đang tìm cách biểu lộ trong vũ trụ. Khi nói đến sự biểu lộ cao hơn hay thấp hơn, ta muốn nói mức độ mà nó diễn đạt nhiều hay ít bản tính thiêng liêng. Ta gọi chúng cao hơn, vì chúng biểu lộ những tính chất có khuynh hướng làm giảm thiểu sự phân chia, và làm phát triển sự duy nhất, tức rời xa cực điểm vật chất tiến đến cực điểm tinh thần. Ta nên nhớ là khía cạnh thô kệch của sự biểu lộ Sự Sống Duy Nhất được diễn tả như là phần vật chất.

Như trên cho thấy có hai cực trong sự biểu lộ: một bên là phần hình thể hay vật chất, một bên là sự sống hay tinh thần. Chúng là hai phương diện đối nghịch của một Sự Sống Trường cửu. Tiến trình của sự tiến hóa bao gồm nhị nguyên tính của sự sống, khi ra ngoài tạo nên trạng thái đa dạng, và đến khi trạng thái đa dạng đạt đến một giới hạn, thì có sự thu trở lại bên trong để

tạo lại cái trọn vẹn; những đơn vị riêng rẽ trở thành cái duy nhất, phong phú cao cả. Có thể nói Sự Sống hướng ngoại tìm kiếm trạng thái đa dạng, có khuynh hướng đi đến cực vật chất, và Sự Sống hướng nội tìm kiếm sự kết hợp, có khuynh hướng đi về cực tinh thần.

Nếu chúng ta xem điều tốt là tất cả những điều tác động hòa điệu với Đại Luật, và điều xấu là tất cả những điều đi ngược lại; như thế, sự ích kỷ, sự ham muốn chiếm hữu vật chất... phải được xem là điều tốt trong giai đoạn “đi xuống sâu trong vật chất,” để đạt được sự đa dạng. Sau đó chúng trở thành điều xấu, vì làm chậm tiến trình kết hợp toàn vẹn, ngăn trở dòng sống trở về cực tinh thần. Một lần nữa, chúng ta nhận thấy sự tương đối của điều xấu ác, và hiểu rằng một đức tính trước kia được coi là tốt, trợ giúp cho sự tiến triển của vũ trụ, sau trở thành xấu ác cần phải được đào thải trên đường tiến hóa tinh thần. Trong giai đoạn thấp nó làm tăng gia sự tiến hóa, trong giai đoạn cao hơn, nó làm ngăn trở sự tiến hóa.

Trên đường trở về, sự tiến hóa phơi bày phương diện sống của thiên nhiên. Nó làm cho vật chất càng ngày càng trở nên mềm dẻo, thanh bai, và có cơ cấu phức tạp hơn. Chính do phức tạp mà sự quân bình của nó trở nên không bền vững, dễ dàng tạo thành những hình dạng khác nhau tùy theo những loại xung động từ bên trong; nó trở thành bộ y phục vừa vặn để diễn đạt sự sống bên trong. Cuối cùng, vật chất chỉ là hình thể thanh bai diễn đạt sự sống bằng cách giới hạn nó. Hình thể thay đổi theo mỗi xung động của sự sống, và lấy những hình dạng mới tùy theo những xung động khác nhau của sự sống, lúc hướng ngoại, lúc hướng nội; và đó là sự tiến hóa.

Khi bắt đầu hiểu ý nghĩa sự tiến hóa, chúng ta xem mọi sự vật đều trợ giúp việc tiến hóa, tác động đồng điệu với mục đích của vũ trụ, đứng cùng phía với sự kết hợp càng ngày càng trọn vẹn, để tạo thành cái duy nhất phức tạp. Như thế, chúng ta có từ ngữ “tốt” để chỉ tất cả những sự việc tác động theo chiều hướng ấy, và từ ngữ “xấu” để chỉ tất cả những khuynh hướng còn sót lại từ giai đoạn tiến hóa đa dạng. Nên nhận thức sự tiến hóa trong hiện tại là tiến trình tạo nên sự hợp nhất hoàn hảo từ những sự vật riêng rẽ. Chúng ta gọi “lành thiện” tất cả mọi sự vật có khuynh hướng tiến đến sự hòa điệu, đến toàn bộ, phơi bày sự kết hợp cao cả, diễn đạt sự sống thiêng liêng ngày càng hoàn hảo hơn. Chúng ta gọi “xấu ác” tất cả mọi sự vật ngăn cản sự kết hợp, và đem những hình thức thuộc giai đoạn trước vào hiện tại, mọi sự vật làm chậm con đường tiến đến sự hoàn hảo tương đối và cao cả hơn.

Khai triển tư tưởng ấy, chúng ta sẽ thấy gì? Chúng ta sẽ thấy những gì trong quá khứ thúc đẩy sự tiến hóa, và không xấu ác, trở nên xấu ác khi nó vẫn tiếp tục tồn tại vào lúc cơ quan tiến hóa lên đến bậc cao hơn, và làm chậm sự phát triển. Thí dụ trong giới khoáng vật, có những khoáng chất và đá sỏi bị ném tung khi núi lửa phun ra và làm bể một số cơ cấu. Sự tiến hóa

manh mẽ của những chất hơi do sự bùng nổ theo sau sự trỗi dậy mạnh mẽ hơn của những chất liệu riêng rẽ, làm cho sa mạc trở thành đồng bằng màu mỡ. Có ai nghĩ đó là điều ác không? Những trí óc thông minh hơn xem đó như là một thành phần của tiến trình tái tạo trong thiên nhiên, nhờ sự phân hóa và va chạm nhau, những hợp chất mới có thể được tạo ra. Bề mặt của trái đất thay đổi, những rặng núi nổi lên, những đường rãnh và những dòng sông được tạo ra, và những đại lục mới được thành lập do tác động tàn phá dữ dội này. Nhờ đó những nơi trú ngụ dành cho những hình thể của sự sống cao hơn, được xây dựng theo đà tiến hóa.

Ta hãy dừng lại một lúc để suy nghĩ về cách thức mà một lục địa được tạo ra. Ta hãy quan sát tác động vĩ đại sức mạnh của núi lửa tạo ra một dãy núi ở một nơi nào đó. Ta hãy nhìn những tảng băng khổng lồ, và những khối nước đá lớn được tạo thành và bắt đầu nghiền nát con đường bên triền núi, đổ xuống đồng bằng phía dưới. Ta thấy không vật gì có thể kháng cự con đường đi của nó; ta nghe những tiếng va chạm, nghiền nát, đổ vỡ của những khối đá bị ném tung toé ròi rơi trở xuống. Khi nhìn những hiện tượng xảy ra trong thế giới với những tranh đấu, xung đột, ồn ào, xáo trộn và khó khăn, ta thấy hầu hết những năng lực này hình như chỉ tác động phá hủy.

Nhưng nếu nhìn lại nhiều thế kỷ trước, bạn thấy sự phá hủy của băng sơn bây giờ tạo thành đường rãnh mới, nó được đào dọc theo triền núi xuống đồng bằng. Nước tích tụ trong đường rãnh càng ngày càng nhiều, chảy xuống đồng bằng thành những con sông. Tác dụng phá hủy của băng sơn càng mạnh bạo, chúng ta có những dòng sông càng lớn, chứa đầy nước đem lại sự sống. Dòng sông mang nước tưới khắp đồng bằng làm cho cây cỏ tốt tươi. Những thành phố được xây dựng lên, nhờ trồng trọt đem lại thực phẩm nuôi sống người dân, và nhà cửa ngày càng đông đúc.

Thử nghĩ số phận con người sẽ ra sao nếu không có những biến động lúc trước? Chúng ta thấy nếu không có sự phá hủy mạnh bạo ở những thời đại trước, sẽ không thể có sự phát triển trong thời hiện tại. Như thế, bạn không thể gọi đó là điều ác.

Không có điều gì tự nó là điều ác, mà chỉ đơn giản là tác động của lực phân tán hay kết hợp. Cái thực tại cội nguồn của vạn vật, cái Một vĩ đại, Vị Chủ Tể, đôi khi được biết đến như là Đấng Hủy Diệt và cũng là Đấng Tái Tạo. Vì chỉ đến khi cái thấp bị phá hủy mới nảy sinh cái cao, nói khác đi, phương diện thấp có chết đi, phương diện cao mới được sinh ra.

Chúng ta hãy trở lại con người, những người đang dần dần tiến hóa, bắt đầu phát triển trí nhớ, lý luận, so sánh, xét đoán và hiểu biết. Trong giai đoạn tiến hóa hiện tại, điều gì gây đau khổ cho người khác là chống lại chính người gây ra, làm trở ngại bước đường tiến đến tình thương thiêng liêng, và là một tội ác. Chúng ta gọi sự giết người là hành động tội ác, vì hung thủ

đang có hành động thuộc giai đoạn tiến hóa cũ mà đáng lẽ họ đã vượt qua. Là con người, họ phải tiến đến sự sống hòa hợp cao thượng hơn, kẻ sát nhân đang làm chậm sự phát triển của chính họ, và điều này rất có hại. Khi đến một giai đoạn tiến hóa nào đó, người ấy sẽ là một trong những lực tiến đến sự hòa hợp thiêng liêng, chớ không còn ngăn trở hoặc làm chậm sự tiến hóa.

## SỰ ĐỐI NGHỊCH CẦN THIẾT

Trên phương diện tư tưởng hay hành động, bạn có thể tự đặt mình theo phía tiến bộ hay theo phía làm chậm sự tiến bộ. Bạn hãy nhận ra vị trí của bạn trong vũ trụ và công việc thật sự của thiên nhiên. Bạn có thể chọn hướng về phía sự sống tiến hóa, hoặc về phía những lực làm chậm và ngăn cản sự tiến hóa.

Sự chọn lựa ở trong tay bạn, nếu bạn chọn theo phía làm chậm sự tiến hóa, bạn đang trợ giúp sự phá hủy, và đồng hóa mình với lực phân hóa. Nếu bạn hòa hợp với sự sống tiến hóa, bạn đang chọn sự nối tiếp, và đồng hóa mình với qui luật tiến bộ, đưa đến sự trường tồn, đó là kết quả của sự hòa hợp.

Bạn có thể hỏi: tại sao đồng hóa với những lực làm chậm sự tiến hóa sẽ đưa đến sự phá hủy? Câu trả lời là Sự Sống Thiêng liêng tiếp diễn, tiến hóa và trở về với Cái Duy Nhất. Bất cứ điều gì hòa hợp với con đường cao cả này sẽ tiến lên trên, không bị lãng phí năng lực. Trái lại, bất cứ điều gì chống lại sự tiến hóa, gây va chạm và cản trở sẽ bị suy tàn do chính sự va chạm gây ra. Đó là định luật của sự chuyển động, nếu không có sức cản, một vật thể tiếp tục chuyển động; nếu bị va chạm bởi một vật thể khác trên đường di chuyển, nó sẽ dần dần đứng yên. Nơi đâu có va chạm, nơi đó có sự tiêu dùng năng lượng; sự va chạm biến đổi năng lượng của sự chuyển động thành một hình thức năng lượng khác, thí dụ như sức nóng, và năng lượng bị phân tán, nếu tiếp tục va chạm, hình thể sẽ bị tiêu tan. Năng lượng không bị tiêu hủy, và không thể bị tiêu hủy; chính hình thể, khi va chạm vào một lực đối nghịch bị hủy hoại. Hình thể bị tiêu diệt do lực đối nghịch phá vỡ nó ra từng mảnh, nói khác đi nó tự vỡ ra từng mảnh để chống lại lực đối nghịch. Nhưng năng lực vẫn tồn tại, vì nó là thành phần của Một Sự Sống Trường Tồn.

Người ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao có lực làm trì trệ này? Tại sao phải có tác động làm trì trệ trên con đường tiến hóa? Tại sao phải có điều gì đó làm đối kháng? Nếu tất cả mọi sự vật đều từ cái Một, làm thế nào lực trì trệ này có thể phát triển?

Thứ nhất, bất cứ sự khác biệt nào cũng là trạng thái biểu lộ của những đối cực: tinh thần và vật chất, ánh sáng và bóng tối. Thứ nhì, những đặc tính

xác định cần phải được phát triển bằng cách chống lại sự đối kháng. Nếu không có đối kháng, không thể phát triển, không thể tăng trưởng. Mọi sự tăng trưởng và phát triển là kết quả do sự sử dụng năng lực chống lại lực đối kháng.

Bạn phải làm gì nếu muốn cho sức mạnh của các bắp thịt phát triển? Dĩ nhiên bằng cách luyện tập nó, kích thích nó, chớ không thể để nó bất động. Vài người thực hành hình thức đặc biệt của khổ hạnh, bằng cách đưa cánh tay ra và giữ yên ở một vị thế, làm cho bắp thịt không thể co lại được. Sau một thời gian, cánh tay trở nên cố định, cứng rắn ở vị trí đó. Các bắp thịt mất khả năng co thắt, không còn là vận cụ cho năng lượng sống động. Kết quả làm cho cánh tay trở lại trạng thái sống thấp kém; không di động được, cánh tay trở nên cứng như một tảng đá, một cành cây khô. Cánh tay đã mất năng lực cử động của bắp thịt, vì nó trì trệ, ở yên một chỗ.

Như thế, bạn phải làm gì nếu muốn bắp thịt phát triển? Dĩ nhiên bạn phải sử dụng bắp thịt chống lại trọng lượng, bằng cách xô đẩy hoặc lôi kéo nó. Nói khác đi, bạn để cho bắp thịt chống lại lực đối kháng của trọng lượng, trọng lượng cố kéo bạn xuống, trong khi bạn cố gắng kéo nó lên. Kết quả của sự xung đột này đưa đến sự phát triển năng lượng và sức mạnh của bắp thịt, cho đến khi lực bắp thịt mạnh hơn lực đối kháng của trọng lượng. Bắp thịt càng hoạt động nhiều, lực của nó càng mạnh hơn. Như thế, bắp thịt phát triển được hoàn toàn nhờ vào sự đối kháng lại trọng lượng. Do đó, bắp thịt có được sự sống và sức mạnh, vì khi bắp thịt tăng cường khả năng chứa đựng sự sống, sự sống tuôn vào nó. Sức mạnh mà chúng ta có thể thu hút từ sự sống thiêng liêng ở chung quanh tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận và duy trì của chính chúng ta.

## ĐỨC HẠNH VÀ SỰ XẤU ÁC

Đó là cách thức sử dụng điều xấu ác. Sự sống bên trong không thể biểu lộ khả năng cao cả của nó, nếu bạn không bị đặt vào những tình huống để bạn có thể phát triển bằng cách phấn đấu chống lại lực đối nghịch. Điều xấu ác ví như trọng lượng đối nghịch lại bắp thịt. Giống như sự phát triển của xác thân do sự phấn đấu chống lại trọng lượng đối kháng từ bên ngoài, sự phát triển đặc tính tinh thần có được do sự phấn đấu chống lại điều xấu ác, trái nghịch với đức hạnh.

Mỗi tính tốt có một tính xấu đối nghịch lại nó, làm thành một cặp đối nghịch: chân thật và giả dối, can đảm và hèn nhát, thương xót và thù ghét, khiêm tốn và kiêu căng. Bạn chỉ có thể phát triển tính chân thật bằng cách cố gắng chống lại sự giả dối, và nhận biết những điều giả dối ở chung quanh. Khi nhận thấy điều giả dối, bạn không thể làm gì khác hơn là tự đặt mình

vào vị thế đối nghịch với nó. Bạn không bao giờ để những lời giả dối thoát ra từ cửa miệng bạn, không bao giờ để tư tưởng giả dối ẩn náu trong trí óc bạn, và không bao giờ để hành động giả dối làm thay đổi phẩm hạnh mình. Nhận ra điều giả dối sẽ giúp bạn phát triển năng lực cần thiết cho sự chân thật; và khi cố gắng chống lại khuynh hướng giả dối, năng lực biểu lộ sự chân thật càng ngày càng tăng trưởng.

Như thế, Sự Thật có nghĩa là gì? Sự Thật là Brahman, là Sự Sống, là tinh hoa của điều mà chúng ta gọi là Sự Sống Thiêng Liêng. Chúng ta đạt được nó bằng cách cố gắng chống lại điều giả dối, chính nó là đức hạnh chứa Sự Sống Thiêng Liêng. Khi thực tập chống lại trọng lượng, bạn làm cho bắp thịt nảy nở; khi cố gắng chống lại điều giả dối, bạn làm tăng trưởng khả năng đạt sự thật, hay chân lý, và làm cho bản chất của bạn dễ tiếp nhận Sự Sống Thiêng Liêng. Khi đó Sự Sống Thiêng Liêng sẽ tuôn đổ vào bạn ngày càng nhiều, đem cho bạn nhiều năng lực hơn. Như thế, bạn đang phát triển phẩm chất của Sự Thật nhờ lực đối kháng; và sự phát triển này tỷ lệ với năng lượng mà bạn tiêu dùng trong cố gắng chống lại điều giả dối. Dần dần mọi điều giả dối được loại trừ khỏi bản chất bạn, từ đó nó được thanh lọc hóa và trở về với sự sống thực.

Những đức tính khác cũng giống thế, như tính can đảm chỉ được phát triển khi có hiện diện vài sự vật làm bạn khiếp sợ. Nếu không có sự vật gây nên cảm giác sợ hãi, tính can đảm không thể phát triển được. Sự hiện diện của sự vật gây nên cảm giác sợ hãi sẽ làm tăng trưởng kinh nghiệm của linh hồn, và dần dần phát triển tính can đảm.

Có khi nào bạn để ý đến sự sợ hãi lúc đầu của một đứa trẻ đối với một sự vật nào đó, sau một thời gian, sự vật đó trở nên quen thuộc, và đứa trẻ không còn sợ hãi đối với sự vật đó nữa? Bạn thấy, những em bé rất nhút nhát, chỉ một khuôn mặt lạ cũng làm cho chúng sợ. Làm thế nào những em bé không còn nhút nhát nữa, và trở nên can đảm ở giữa mọi người? Không thể bằng cách đóng cửa nhốt chúng trong phòng để chúng không bao giờ thấy người lạ. Nếu không thấy những khuôn mặt lạ, chúng không sợ hãi, vì sự sợ hãi chỉ xảy ra khi trẻ đối diện với đối tượng mà chúng không quen biết. Dần dần qua nhiều kinh nghiệm, chúng bắt đầu hiểu và không còn sợ hãi nữa; khi đó chúng có được sức mạnh và lòng can đảm.

Tôi có thể dẫn chứng thêm nhiều đức tính khác, cho thấy chúng chỉ tăng trưởng khi gặp sự đối kháng. Sự tiến hóa có giá trị vì con người càng ngày càng trở nên tốt hơn, nhưng điều xấu cũng có giá trị của nó. Điều xấu tác động như một trọng lượng đối nghịch lại cố gắng vươn đến sự hoàn hảo, cho nên nó làm phát triển sức mạnh kiểm soát dục vọng, vì dục vọng đưa đến sự hủy hoại. Người nào chạy theo dục vọng là đang chọn con đường ngã theo chiều hướng hủy hoại. Nếu không có điều xấu, sẽ không có năng lượng

cần thiết cho sự tiến hóa hướng về hoàn hảo. Chính sự hiện diện của điều xấu ác trong vũ trụ làm cho điều tốt lành có thể phát triển và dần dần tiến đến toàn thiện.

Một tác động căn bản khác của điều xấu là làm tăng trưởng năng lực phân biệt giữa tốt và xấu, đó là ý chí chọn lựa. Làm sao ta có thể nhận được điều chân thật mà không phân biệt nó với điều giả dối? Làm sao ta có thể biết được giá trị của điều chân thật, nếu không có kinh nghiệm về những hậu quả phá hủy do điều giả dối gây ra cho cá nhân và xã hội? Chúng ta chỉ nhận thức được “A” do sự hiện diện của cái “không-A”, cái “không-A” cần thiết để định nghĩa “A”. Như thế, chúng ta sẽ không thể có ý tưởng gì về sự “chân thật”, không nhận ra được, không định nghĩa được nó, ngoại trừ bằng cách phân biệt nó với sự “không chân thật”. Giống như thế đối với mỗi đức hạnh, và tất cả những điều tốt. Chỉ bằng cách nhận ra điều xấu, chúng ta mới có thể biết được điều tốt; nhưng muốn nhận ra điều xấu cần phải có kinh nghiệm về điều xấu.

## VỊ TRÍ CỦA SỰ ĐAU KHỔ

Điều xấu cũng hữu dụng như phương tiện trừng phạt, đưa con người đến sự tốt lành. Vì điều xấu không hòa điệu với lực tiến hóa của Sự Sống Thiêng Liêng biểu lộ, do đó nó gây nên đau khổ. Đau khổ chính là sự rung động không hòa điệu. Kết quả là điều xấu ác không tránh khỏi hậu quả thống khổ, đó không phải một hình phạt độc đoán mà là sự cần thiết tự nhiên. Sự thống khổ làm cho con người có cảm giác bị đẩy lui khỏi nguyên nhân gây thống khổ; nó đưa con người tách rời khỏi những đặc tính không hòa điệu, huyền não, và phân hóa.

Vạn vật đều được mang theo trong dòng sống thiêng liêng cao cả của vũ trụ. Nhưng một dòng xoáy hướng hạ quái dị, vô trật tự nổi lên, làm phân hóa những vật chất thô kệch để xây dựng nên công trình mới. Một dòng khác hướng thượng mang những người sống theo trật tự, tự hiến mình thành vận cụ của Thiên Luật, và chia xẻ sự trường tồn của nó như sự biểu lộ thiết yếu của cái Một Duy Nhất.

Hãy nhìn tất cả những hình thức xấu xa chung quanh với sự hiểu biết và lòng nhân ái, bạn sẽ thấy những khuyết điểm không thể tránh được. Do đó, khi thấy một linh hồn đang đeo đuổi theo sự suy đồi, xấu xa, bạn sẽ không cảm thấy tức giận, cố chấp hay ghét bỏ. Bạn biết linh hồn này đang cố gắng trong hoàn cảnh xấu, sẽ dần dần có được sức mạnh chiến thắng và vượt qua điều ác.

Cuối cùng bạn sẽ hiểu được đặc tính Thiêng Liêng trong vạn vật, tốt cũng như xấu; và bạn cũng hiểu được vì sao trong kinh điển tả đức Krishna



là tính xấu của người cờ bạc, đồng thời cũng là sự trong sạch của người lương thiện. Vũ trụ chúng ta sẽ trở nên tràn đầy hy vọng, khi bạn nhận thấy tất cả đang hướng về sự toàn thiện. Điều tốt và điều xấu là hai sức mạnh liên kết để giải phóng linh hồn, một sức mạnh kéo nó lên trên, một sức mạnh khác làm tan vỡ mọi vật mà nó bám víu vào.

Điều mà tôi muốn hướng các bạn đến là: khi nhận ra những sự kiện trên, bạn sẽ thấy mục đích thật sự của con người là trở nên toàn thiện, là một với dòng Sống Thiên Liêng đang trôi chảy bên trong. Đó là sự bắt đầu hiểu biết, bắt đầu nhận thức ý nghĩa của vũ trụ. Bạn sẽ bắt đầu sử dụng những điều được xem là xấu, trong việc loại trừ mọi sự vật trói buộc bạn vào khía cạnh tạm bợ của thiên nhiên, do đó bạn sẽ chấp nhận đau khổ như một sự trợ giúp thật sự.

Đau khổ có phải là điều xấu không? Dĩ nhiên đau khổ không phải là cảm giác thích thú, nhưng nó không phải là điều xấu. Vì nó là một điều kiện để đạt sự toàn thiện, không có nó, không thể có sự toàn thiện. Vì sao? Vì sự phát triển phải trở nên ý thức đối với ta, phải là sự phát triển dần dần của tư tưởng bên trong ta. Tiến trình phát triển này xảy ra như thế nào? Khi ra ngoài cảnh, tiến đến một vật hấp dẫn ta, dĩ nhiên ban đầu ta chỉ tìm sự thỏa mãn. Nhưng không thể có sự thỏa mãn lâu dài đến từ bên ngoài; nói khác đi, không sự vật nào bên ngoài có thể đem lại sự hài lòng vĩnh viễn cho linh hồn.

Linh hồn được ví như người điều khiển xe ngựa, đứng trong cái xe của thể xác, sử dụng cái trí như là dây cương để kiểm chế những con ngựa của giác quan. Khi những con ngựa của giác quan chạy nhanh, mang theo linh hồn đến sự vật ham muốn, làm sao linh hồn biết được những sự vật này không phải là điều mà nó ham muốn thật sự? Làm thế nào linh hồn mất đi sự ham muốn đối với những sự vật bên ngoài, vốn không bao giờ làm nó thỏa mãn? Làm thế nào nó biết được chỉ có một con đường tiến đến hạnh phúc chân thật là quay trở về bên trong, tìm Thượng Đế nội tâm?

Linh hồn chỉ đi đúng hướng khi nó thấy mọi sự vật không phải Thượng Đế đều phải mất đi, và khi mất đi, chúng gây đau khổ. Bạn chỉ có thể loại trừ sự ham muốn thỏa mãn những giác quan, khi khám phá ra thú vui cảm giác rất tạm bợ. Đeo đuổi quá xa theo dục lạc sẽ đưa đến sự nhàm chán, ghê tởm và đau khổ; vì thế con người chỉ đạt được minh triết và tự do khi loại trừ hết mọi ham muốn thú vui cảm giác. Thí dụ, sau khi thỏa mãn tối đa vị giác bằng những thực phẩm ngon miệng, con người cảm thấy nhàm chán, họ nhận thấy theo đuổi ham muốn giác quan là không thông minh, do đó họ chọn điều gì trường tồn hơn, và sự ham muốn bị nhỏ tận gốc rễ.

Bạn không thể thuyết phục người khác, trừ phi chính họ có kinh nghiệm theo đuổi những ham muốn thấp hèn và nhận lấy hậu quả của nó. Lý

lẽ và biện luận không lay chuyển được họ. Sau khi thỏa mãn tối đa vị giác, người tham ăn cảm thấy khó chịu trong cơ thể; nếu tiếp tục tham ăn, dần dần sinh ra bệnh hoạn, và không tránh khỏi đau khổ. Từ đó họ không còn ham muốn thỏa mãn tính háu ăn, và bắt đầu tiến trình dài nhỏ bỏ tận gốc tính ham ăn.

Đó là phương pháp duy nhất diệt trừ tận gốc sự ham muốn. Bạn chỉ có thể từ bỏ sự ham muốn bằng cách nhận thức dần dần qua kinh nghiệm, để biết rằng thỏa mãn mọi ham muốn thấp hèn là nguồn gốc của đau khổ. Sự phá hủy của dục vọng không do từ bên ngoài, mà là ý muốn từ bên trong, và điều này đem lại đau khổ. Như thế, tuy đau khổ thường bị cho là điều xấu, nhưng trái lại là một điều tốt lành để con người xa lánh những gì tạm bợ, và chú trọng đến sự trường tồn. Vì chỉ bằng sự đau khổ, con người mới có thể học được; chỉ bằng sự nhàm chán những thú vui vật chất, con người mới có nguyện vọng tinh thần để cuối cùng hướng đến Chân Lý Thiên Liêng.

Vấn đề này dễ gây hiểu lầm và nguy hiểm. Nên nhớ, giai đoạn thỏa mãn ham muốn vừa được miêu tả, là giai đoạn của linh hồn non trẻ. Đó là giai đoạn của ký ức thời xa xưa, con người từng theo đuổi thỏa mãn dục vọng và đau khổ, đến khi tiếng nói lương tri báo động bản chất thấp hèn về mối nguy hiểm của sự nuông chiều theo dục vọng. Khi đã có đầy đủ kinh nghiệm, và được báo động từ linh hồn, nếu con người còn đeo đuổi theo dục vọng thì thật là điên rồ.

Thỏa mãn dục vọng thuộc về giai đoạn của người bị lôi cuốn theo sự hấp dẫn bên ngoài, mà không dừng lại, không thức mắc, nghi ngờ; và sau khi thỏa mãn họ cũng không biết hối tiếc, hổ thẹn, ăn năn. Khi gặp trường hợp tương tự, ký ức của linh hồn cho thấy lại kinh nghiệm đau khổ cũ. Nếu người ấy lại nuông chiều theo dục vọng, niềm đau khổ của sự ăn năn được cộng thêm vào đau khổ của sự thỏa mãn hiện tại.

Những bài học đó làm con người tiến bộ, cuối cùng trở nên minh triết và từ chối thú vui tạm bợ để khỏi đau khổ trong tương lai. Con người bắt đầu để cho dục vọng chết dần mòn bằng cách từ chối nuôi dưỡng nó. Bằng cách quán xét về đau khổ do sự thỏa mãn dục vọng đem lại, ta cắt đứt nguồn gốc của dục vọng bằng thanh gươm trí tuệ.

Ngoại trừ những người còn thấp kém nhiều thú tính, tất cả mọi người trung bình đều đã tiến đến giai đoạn nghe được tiếng nói của lương tâm, nên mọi người phải hợp tác một cách có ý thức với sự tiến hóa hướng thượng, từ đó thoát khỏi vũng lầy vật chất để tiến đến sự sống tinh thần.

## HÀNH ĐỘNG KHÔNG MONG CẦU

Làm sao có thể cắt đứt mọi ràng buộc? Sự ràng buộc được cắt đứt bởi kinh nghiệm không thể tránh như đã nói ở trên, từ đời này qua đời khác, kinh nghiệm dạy linh hồn bản chất của vũ trụ mà nó là một thành phần. Ham muốn là mãnh lực trói buộc, khi nào còn ham muốn, chúng ta vẫn còn phải tái sinh. Chúng ta bị kéo trở lại do ham muốn tốt cũng như ham muốn xấu; ham muốn hạnh phúc trong niềm tin tôn giáo cũng như ham muốn những thú vui thế tục, ham muốn được ca tụng cũng như ham muốn được thương yêu, được kiến thức...Linh hồn có thể ham muốn đạt được đặc tính cao quý, nhưng đó cũng là ham muốn kết quả, và nó sẽ trói buộc con người vào nơi có những điều kiện giống như kết quả mong muốn.

Như thế, muốn loại trừ nhân quả, chúng ta phải loại trừ ham muốn. Chúng ta không cần ngưng hành động, mà phải hành động không ham muốn, cố gắng làm tất cả những công việc cần thiết mà đừng dung với kết quả. Đó là sự từ bỏ ham muốn chứ không phải từ bỏ hành động; giống như lý tưởng của tu sĩ khổ hạnh thật sự, người từ bỏ, một đạo sĩ yoga chính thống. Không phải người từ bỏ vật chất bên ngoài, và khoác vào chiếc áo vàng của người tu, mặt trét đầy tro, mà là người đã chặt đứt mọi trói buộc của dục vọng. Đối với những người phải hành động vì đó là bổn phận, họ đừng dung đối với kết quả, đó là những người phụng sự của Thượng Đế ở thế gian. Họ làm mọi công việc, không phải để được lợi ích riêng tư, mà để bù đắp điều gì còn thiếu sót trong thế gian.

Những người minh triết nhận thấy bánh xe của sự sống phải xoay chuyển, và họ dự phần vào sự xoay chuyển đó, không phải để nhận được điều gì, mà chỉ để giúp cho Sự Sống Thiêng Liêng vận hành theo Thiên Ý. Họ làm tròn phận sự mà không mong cầu kết quả; họ quay bánh xe mà không màng để ý nó sẽ mang đến hạnh phúc hay đau khổ, khen hay chê, nổi tiếng hay bị sỉ nhục, trí tuệ hay ngu muội. Họ nhận thức đó chỉ là bổn phận của họ cộng tác với Thượng Đế trong sự biểu lộ. Họ tự đồng hóa với Thượng Đế trong tiến trình xoay chuyển bánh xe sự sống.

Người như thế là một với đức Krishna, Ngài tuyên bố rằng không có gì để Ngài sở hữu ở thiên đàng hay ở thế gian, nhưng nếu Ngài ngưng hành động, mọi sự vật đều bị ngưng trệ. Thế nên, người sùng kính hành động không phải để đạt được điều gì, mà là để mục đích thiêng liêng có thể thực hiện. Họ hiến dâng mọi hành động như sự hy sinh cho Thượng Đế mà không màng đến kết quả của sự hy sinh, vì kết quả nằm ở chân Thượng Đế, không ở trong tim của người mộ đạo.

Hành giả yogi như thế không tạo nghiệp quả, vì họ không ham muốn; họ không tạo ra sự nổi kết trói buộc họ vào thế gian. Tinh thần họ tự do, mặc dù họ hành động ở khắp mọi nơi. Dù được sinh trong môi trường trí thức hay tôn giáo, đời sống người ấy cũng như một bàn thờ, và ngọn lửa cháy

trên bàn thờ ấy là ngọn lửa sùng kính và trí tuệ. Mỗi hành động của họ được ném vào lửa và tiêu tan, biến thành làn khói của sự hy sinh, không để lại trên bàn thờ một dấu vết, ngoại trừ chất dầu của trí tuệ và ngọn lửa của tình thương.

Đề tài này thật sâu rộng, tôi chỉ phác họa sơ lược những đường hướng mà theo đó bạn có thể nghiên cứu thêm về vấn đề cổ xưa này. Những điều gợi ý này may ra có thể giúp các bạn thấy rõ hơn nguyên nhân hiện tồn của sự đau khổ và sự bất toàn. Chúng ta đã thấy điều xấu khởi đầu trong giới hạn và chỉ là tương đối, và điều mà chúng ta gọi là xấu thường chỉ là tấm màn che phủ lên một sự tốt lành trong tương lai. Chúng ta đã thấy vài hành động được xem là xấu ở những người đã phát triển, nhưng không xấu chút nào ở những loài kém tiến hóa. Làm thế nào sử dụng điều xấu để làm cho ta được hoàn hảo hơn. Ta cũng biết khi sự ham muốn còn duy trì trong tâm, nó sẽ kéo ta trở lại thế gian; và ta tiến lên bằng cách thanh lọc hóa dục vọng và đồng hóa với Đấng Tạo Tác Thiêng Liêng. Ta thoát khỏi sự xấu và mọi xiềng xích trói buộc linh hồn để cuối cùng trở nên bàn thờ, từ đó làn khói của sự hy sinh liên tục bay về với Vĩnh cửu.

Đời sống đó mới thực sự đáng sống, sự bình an trải dài theo đường đi. Chỉ người yogi chính thống mới nhận thức được sự sống ấy. Hãy so sánh đời sống này với đời sống đầy bất mãn, tranh chấp, của người còn ham muốn vật chất thế gian. Hãy quan sát những người chung quanh bạn, nhìn vẻ mặt lo lắng, ham muốn, đầy áp những vấn đề không được vừa ý. Bạn sẽ thấy trái tim họ bị đục khoét vì đau khổ, bị khô héo vì những tai họa, phiền muộn, hy vọng và sợ hãi; họ bị ném tung như một quả cầu và thường trở nên tàn tạ.

Kế đó, bạn hãy nhận ra thế nào là chân phúc của Thượng Đế? Chân phúc vì có sự hòa hợp, vì vắng bật sự ham muốn, vì trí tuệ vĩnh cửu mà không điều tạm bợ nào có thể làm nó xáo trộn. Linh hồn sẽ tìm được hy vọng và bình an nếu nó gắn bó với Thượng Đế. Có thể nào Ngài từ chối ban hy vọng và bình an cho linh hồn quay về nguồn cội? Bạn là Thượng Đế, không có gì làm thay đổi được điều đó.

Xác thân không phải là linh hồn. Bệnh tật có thể làm suy yếu xác thân, tai nạn có thể làm hư hại nó, sự chết có thể cướp mất nó; nhưng linh hồn vẫn tồn tại nguyên vẹn. Bạn có thể tiêu diệt hạ trí, tình trạng cá nhân có thể thay đổi, nhưng bạn không mất gì cả, cái “Tôi” không bao giờ thay đổi. Sự phân chia giữa những thể có thể xảy ra, nhưng không ảnh hưởng gì đến sự duy nhất bên trong. Bất cứ sự thay đổi bên ngoài nào cũng không thể gây khốn khó, tuyệt vọng cho linh hồn. Nó như tảng đá, đứng vững giữa sóng biển dâng cao. Những làn sóng của vận xấu sôi sục vây phủ chung quanh nó, va chạm vào nó rồi tự bề tan thành bọt nước và rơi xuống như những tràng hoa tuyết dưới chân và làm tăng thêm vẻ đẹp cho nó.

Đó là linh hồn tự đồng hóa với Cái Duy Nhất, do trí tuệ và lòng tôn sùng đã cởi bỏ mọi thứ tạm bợ và tự xác định theo thiên liêng. Ai cũng có thể đạt đến mục đích đó, nếu biết cách sử dụng điều xấu trong vũ trụ.

## 12

**NẾP SỐNG ĐỆ TỬ**

Nhiều kinh sách Đông Phương có đề cập đến những đặc tính cần thiết cho người đệ tử. Những đặc tính này được thế giới Tây Phương biết đến qua sách vở Thông Thiên Học. Có người đã dùng những đặc tính này với tinh thần khác hẳn, sử dụng nó để chỉ trích kẻ khác hơn là để làm qui luật tự huấn luyện. Người ta nói rằng những người đó “dùng bánh mì làm hòn đá ném kẻ thù.” Những điều trước đây được giữ kín, nay được truyền bá sang Tây Phương và bị lạm dụng, làm nảy sinh nghi vấn về tính cách hợp lý của sự truyền bá đó.

Bà H. P. Blavatsky, vị thầy vĩ đại của chúng ta, rất đau buồn vì những người sử dụng những lời dạy về đặc tính cần thiết của người đệ tử, như khí giới để tấn công, thay vì như định hướng để noi theo. Những người ấy hỏi: tại sao một người hút thuốc, hay nổi nóng, không tự chủ, lại được thu nhận làm đệ tử, trong khi (họ không nói ra, nhưng ám chỉ) nhiều người rất đáng kính, có đầy đủ đức hạnh, không bao giờ vi phạm tập tục và có thái độ mẫu mực, lại không được thu nhận?

Người có đọc kỹ những bức thư của các vị Chân Sư, có lúc rất ngạc nhiên vì quan niệm của những vị Chân Sư; các Ngài xét đoán người và sự vật khác hẳn với giá trị mà người đời đặt ra. Các Ngài nhận xét về tầm quan trọng của sự vật hoàn toàn khác với chúng ta, và chú ý đến những vấn đề mà chúng ta không để ý đến. Sự xét đoán đáng ngạc nhiên của các Ngài dạy cho con người bài học thận trọng trong việc nghĩ về người khác, và hiểu rõ minh triết trong câu: “Không xét đoán, bạn sẽ không bị xét đoán.” Xét đoán mà không dựa vào tất cả mọi phương diện, không hiểu biết về những nguyên nhân phát sinh hành động, chỉ dựa vào những biểu hiện nông cạn bên ngoài, bỏ quên động lực bên trong, là sự xét đoán phiến diện vô giá trị. Với lòng công chính và sự hiểu biết, người xét đoán đáng bị kết án hơn là nạn nhân; và đó là sự thật rõ ràng đối với những lời phê bình mà họ gán cho bà H. P. Blavatsky. Chúng ta cần biết rõ ý nghĩa của từ “đệ tử” và “điểm đạo đồ” (disciple & initiate) và tại sao bà phải giữ địa vị một đệ tử và một điểm đạo đồ, mặc dù những lời chỉ trích đổ dồn vào bà.

**ĐỊNH NGHĨA ĐỆ TỬ**

“Đệ tử” là tên gọi được dùng trong những môn phái huyền bí, dành cho người đang trên đường đạo dự bị, được công nhận và dìu dắt bởi một vị

Chân Sư. Từ ngữ xác định một sự kiện, chứ không phải một giai đoạn tinh thần đặc biệt, nó không chứng tỏ sự tiến hóa cao của tinh thần. Điều này được thấy rõ trong câu chuyện truyền thống của đức Jesus và các đệ tử của Ngài: họ cãi nhau về cấp bậc; họ chạy xa khi Thầy bị tấn công; một người trong họ từ chối Ngài và chối bỏ lời thề, sau đó phản bội Ngài.

Hơn nữa, để xét đoán đúng đắn hành động một người, không những chúng ta phải tìm hiểu quá khứ của người đó để biết nguồn gốc phát sinh ra hành động, mà còn phải biết những gì vừa mới xảy ra, từ đó phát xuất hành động. Có người chỉ hành động sai, sau một phần đầu tuyệt vọng mà họ đã dùng tất cả sức lực để chống chọi. Nếu nhìn bề ngoài ta chỉ thấy sự thất bại của họ, mà không thấy được sự phấn đấu bên trong. Nhưng người phấn đấu vẫn đạt được lợi ích từ những cố gắng trước khi bị thất bại, và họ trở nên mạnh mẽ, cao quý và sẵn sàng để đối phó với sự việc hơn. Người như thế đã phát triển sức mạnh, dễ dàng vượt qua sự khó khăn xảy đến lần sau. Khác với người có lối nhìn phiến diện, người nhìn sự việc một cách toàn thể sẽ thấy kẻ bị người đời chỉ trích là thất bại, đã thật sự đứng dậy, đã thắng và đạt được năng lực bảo đảm cho chiến thắng tối hậu.

Đó là những đệ tử dự bị, họ là thí sinh chuẩn bị cho sự điếm đạo. Tình trạng của họ khác hẳn với những người chung quanh ở ngoài đời. Họ là người thề nguyện phụng sự cho Ánh Sáng, và như thế, họ cũng được xếp vào hàng ngũ những người đối nghịch với lực lượng Bóng Tối. Hạnh phúc của họ thanh cao, và thống khổ của họ sâu sắc hơn người bình thường. Họ gọi lửa xuống từ thiên đàng; họ sẽ trở nên tốt lành nếu bị cháy xém mà không thối lui. Họ cũng trở nên cao cả hơn nếu họ có thể đối diện thế giới vô cảm, với sự điếm tĩnh, mặc dù bị cháy phỏng.

## NHỮNG TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐƯỢC ĐIỂM ĐẠO

Người đệ tử cần phải có những đặc tính nào để được điếm đạo? Đệ tử không bị đòi hỏi phải có tất cả những đặc tính một cách hoàn hảo, nhưng ít nhất cũng phải đạt được một số phần trăm, trước khi cánh cửa mở ra chấp nhận họ; và đệ tử được xét đoán dựa theo toàn diện con người. Một số đệ tử có nhiều đức tính phát triển rất cao, nhưng lại có một số ít đức tính cần thiết đặc biệt dưới mức trung bình, cho nên không có lợi điếm. Những đệ tử khác, mọi đức tính đều trên trung bình, và những đức tính cần thiết đặc biệt phát triển cao, những người này có lợi điếm hơn.

Một thí sinh có thể rất thông minh, can đảm, với lòng hy sinh hiem có, và tâm trong sạch, không tì vết, nhưng thiếu vài đức tính đặc biệt cần thiết, sẽ không thành công. Nếu một người không phân biệt được giữa sự chân và sự giả, ham mê những thú vui thể tục, không kiểm soát được lời nói và tư

tưởng, không nhẫn nại, không chân thành, không độ lượng, không khát vọng giải thoát, người ấy không thể vào cửa đạo. Có thể sau khi qua bên kia cánh cửa, những đức tính sẽ được phát triển hoàn hảo, và đó là công việc của người được điếm đạo.

Đến một lúc nào đó, tất cả đức tính cần phải được phát triển, và sự phát triển càng sớm càng tốt. Trên đường đạo, mỗi nhược điểm còn sót lại của đệ tử điếm đạo, tạo nên một lợi thế cho quyền lực trong bóng tối; những huynh đệ trong bóng tối này luôn luôn tìm kiếm những kẽ hở trên giáp sắt những chiến sĩ của Ánh Sáng. Do đó người đệ tử khi chưa điếm đạo phải cố gắng hết sức để đạt được những đức tính cần thiết. Có một câu chuyện ngụ ý nói về một linh hồn được mang lên thiên đàng trong cơn bão tố, khi trở về, người ấy dành trọn kiếp sống cho việc phát triển thêm những đức tính thiếu sót.

Cối xay của Thượng Đế tuy chậm chạp,  
Nhưng bột được xay ra rất nhuyễn;  
Ngài chờ đợi một cách kiên nhẫn,  
Tất cả bột được xay ra đúng như ý Ngài.

Những vị điếm đạo cao cả, nhưng còn thiếu sót vài phần nhỏ chưa hoàn thiện, phải sinh trở lại thế gian để sống và phát triển hoàn hảo những đức tính thiếu sót. Nếu có cơ hội gặp một người như thế, bạn nên sáng suốt chọn lựa học hỏi những điều tốt nhất của họ, thay vì dùng những tính xấu còn lại của họ để biện bạch cho những khuyết điểm của chính mình.

#### H. P. BLAVATSKY

Đầu tiên, những người phê bình chống lại bà H. P. Blavatsky nhắm vào việc bà hút thuốc. Nhưng hút thuốc không phải là một tội ác chống lại Đức Thánh Linh; dùng nó để hạ thấp giá trị một vị thầy cao cả là một tội ác hơn việc hút thuốc.

Có nhiều người khác chỉ trích tính hay nổi giận của bà, thật ra tính tha thứ của những người này chưa bằng một phần ngàn của bà. Chỉ một số ít người có thể chịu đựng nổi một tuần lễ sự căng thẳng mà bà phải gánh chịu năm này qua năm khác; do lực lượng trong bóng tối luôn tấn công bà, cố làm bà ngã quỵ, vì sự gục ngã của bà có nghĩa là sự thất bại của phong trào tâm linh cao cả mà bà là người cầm đầu. Từ khi lãnh trọng trách, đầu óc bà bị căng thẳng tột độ; những chỉ trích độc ác, tàn nhẫn và mưu kế tinh xảo của những Huynh Đệ Trong Bóng Tối như những cây kim đâm vào bà, đến nỗi có lúc bà nghĩ rằng tốt hơn nên để cho thân xác nổ tung. Đôi khi bà buông thả cho những dây thần kinh đang bị xáo trộn tự biểu lộ sự tức giận, hơn là kèm giữ nghiêm ngặt cơ thể để cho nó bị suy nhược do sự căng thẳng. Bà



phải sống triền miên trong tình trạng nguy hiểm, những dây thần kinh bị căng thẳng và não bộ bị suy nhược, do đó có những lúc bà phải xả ra. Thật là sai lầm nếu chúng ta chỉ trích một người như thế, vì người ấy chịu đau khổ để đem lại lợi ích cho chúng ta.

Có người chỉ trích bà thiếu sự tự kiểm soát. Với những lý do nêu trên, đôi khi bên ngoài cho thấy bà thiếu sự tự kiểm soát, nhưng không bao giờ ở bên trong. Không khi nào trong nội tâm bà bị lay động, mặc dù bên ngoài đầy bão tố. Những người bình thường có thể nói chúng ta biện hộ cho những cơn nổi giận quá đáng của bà. Hãy để những người đó đứng vào địa vị của bà, tức trở nên một người phi thường, biết đâu hành động của họ còn tệ hơn nhiều.

H. P. Blavatsky là một trong những nhân vật vĩ đại, vô giá, phẩm chất của những vị này giá trị hơn một ngàn lần bản tính không hoàn hảo tạm thời của họ. Bà có tính can đảm phi thường, nghị lực dũng mãnh, chịu đựng đau khổ về thể xác lẫn tinh thần, sùng kính sâu đậm đối với Chân Sư mà bà phụng sự; những phẩm chất trác tuyệt này kết hợp với khả năng tâm linh cao cả, và một cơ thể mạnh mẽ với những dây thần kinh rắn chắc như thép mà bà đặt trên bàn thờ của sự hy sinh; những ưu điểm này nếu đặt trên đòn cân thì những nhược điểm khác nhẹ như bụi bậm. Vì thế, Chân Sư rất vui lòng chọn một chiến sĩ như bà, dù bà có vài đặc tính chưa hoàn hảo.

Chúng ta tôn sùng mặt trời vì nó sáng chói, chớ không vì những tì vết của nó. Người minh triết chỉ thấy hình ảnh oai hùng như ánh sáng mặt trời của bà H. P. Blavatsky, chớ không thấy những tì vết. Còn những người toàn thể đầy tì vết, chỉ có chút ít ánh sáng, không thể tự nâng lên đến trình độ của bà lại chỉ trích bà. Thật là khờ dại cho những người chỉ có chút ít đức hạnh, chỉ trích gay gắt những vị cao cả đến với thế gian.

Đồng ý với Thánh Catherine of Sienna, tôi cảm thấy rằng tình thương sâu đậm đối với người tiên hóa cao hơn chúng ta, dù chỉ cao hơn một ít, là một trong những phương pháp tự rèn luyện tốt nhất để đạt tới tình thương cao cả của Cái Ngã Tối Thượng. Việc tôn sùng anh hùng cũng có thể nguy hiểm, nhưng nó ít nguy hiểm hơn, ít bóp nghẹt sự sống tinh thần hơn sự chỉ trích lạnh lùng và cố tình hạ thấp giá trị người khác. Tôi cũng đồng ý với Giordano Bruno, người sùng bái anh hùng, rằng tốt hơn nên cố gắng tiến lên cao và bị thất bại, còn hơn là không bao giờ thử.

## 13

## SỰ HOÀN HẢO CỦA NHÂN LOẠI

Trong cuộc tiến hóa của nhân loại, có một giai đoạn xảy ra ngay trước mục đích mà nhân loại nhắm đến. Những người trải qua giai đoạn này, không còn gì phải thực hiện với tính cách con người. Họ đã trở nên toàn thiện; đã chấm dứt giai đoạn làm người.

Những tôn giáo lớn gọi những người đã đạt được sự toàn thiện này với những tên khác nhau, nhưng dù tên gọi là gì cũng chứa cùng một ý tưởng. Mithra, Osiris, Krishna, Buddha, Christ: tất cả đều là biểu tượng cho người toàn thiện. Những bậc cao cả này không thuộc vào một tôn giáo, một quốc gia, một gia đình đặc biệt nào. Các vị không thể bị ngộp trong bao giấy của bất cứ một tín ngưỡng nào; ở bất cứ nơi đâu, các vị cũng cao quý nhất, lý tưởng nhất. Mọi tôn giáo đều công bố về họ; mọi tín ngưỡng dùng họ để biện minh cho tôn chỉ mình; họ là lý tưởng cho mọi người cố gắng noi theo. Mỗi tôn giáo làm tròn sứ mạng của nó theo con đường mà các Ngài chỉ dạy.

Danh từ Christ, được dùng chỉ cho một Vị Toàn Thiện đối với tất cả tín đồ Cơ Đốc Giáo, là một từ chỉ *trạng thái*, hơn là tên của một nhân vật. Cơ Đốc Giáo dạy: “Christ bên trong bạn, niềm tin vinh quang.” Tất cả chúng ta trên con đường dài tiến hóa sẽ đạt được trạng thái Christ, sau cuộc hành hương qua nhiều thế kỷ. Ở Tây Phương, danh từ Christ được dùng cho một người đặc biệt, đó là một trong các Con của Thượng Đế, vị này đã đến được mục đích cuối cùng của nhân loại. Từ “Christ” luôn luôn có ý chỉ một trạng thái; mỗi người phải tiến đến trạng thái đó “Đến khi Christ xuất hiện bên trong bạn.” Trong Phật giáo cũng có cùng ý tưởng như thế: “Hãy nhìn vào bên trong bạn, bạn chính là Phật.”

Như người muốn trở thành nhạc sĩ, phải lắng nghe những tác phẩm âm nhạc kiệt tác, và cuốn hút vào những âm điệu trác tuyệt của các nhạc sư, chúng ta phải để tim suy tư và hướng mắt nhìn lên những dãy núi, nơi mà những Vị Toàn Thiện của giống dân chúng ta trú ngụ. Hiện tại chúng ta như thế nào, trước kia các vị cũng như thế ấy; hiện tại các vị như thế nào, tương lai chúng ta sẽ như thế ấy. Tất cả các con của con người đều có thể thực hiện những gì mà Con của Người đã thành tựu. Chúng ta nhận thấy ở những vị ấy lời hứa hẹn cho sự khai hoàn của chúng ta; sự phát triển trong chúng ta những đặc tính thiêng liêng như các Ngài chỉ là vấn đề tiến hóa.

Đôi lúc tôi chia sự tiến hóa bên trong thành ba giai đoạn: tiềm luân lý, luân lý và siêu luân lý. Trong giai đoạn “tiềm luân lý”, không có sự phân biệt giữa đúng và sai, con người chiều theo ham muốn mà không nghi ngờ,

không do dự. Trong giai đoạn “luân lý”, con người phân biệt được giữa đúng và sai, càng ngày càng quyết tâm và phấn đấu tuân theo qui luật hơn. Trong giai đoạn “siêu luân lý”, con người vượt qua những qui luật bên ngoài, vì bản chất thiêng liêng điều khiển những vận cụ của nó.

Trong trạng thái luân lý, qui luật được xem như rào cản chính đáng, phương cách chế ngự hữu ích. “Hãy làm điều này, hãy tránh làm điều kia.” Con người phải phấn đấu để vâng lời, và luôn luôn có sự xung đột giữa bản chất cao và bản chất thấp. Trong tình trạng “siêu luân lý”, sự sống thiêng liêng biểu lộ một cách tự nhiên, không cần sự hướng dẫn từ bên ngoài. Chúng ta thương, không phải vì chúng ta phải thương, mà chỉ vì chúng ta là Tình Thương. Về hành động, một vị thánh Cơ Đốc Giáo có nói: “Chúng ta hành động, không phải theo giới luật thế tục, mà chỉ vì năng lực của sự sống vô tận.” Khi tất cả năng lực của chúng ta hướng về điều Tốt như kim nam châm luôn quay về phương bắc, chúng ta vượt qua luân lý. Khi đó không còn trận chiến, vì chúng ta đã dành được chiến thắng; trong khả hoàn, chúng ta đạt được Christ hoàn hảo, chủ tể của sự sống và sự chết.

### ĐIỂM ĐẠO LẦN THỨ NHẤT

Có bốn cấp bậc phát triển ở giữa người hoàn toàn tốt và bậc Thầy đã chiến thắng. Mỗi cấp độ đạt được bằng một cuộc điểm đạo, trong suốt những cấp độ tiến hóa này, tâm thức tăng trưởng và đạt đến những giới hạn áp đặt bởi cơ thể con người.

Con người đạt đến giai đoạn sự sống Christ, sự sống Phật, bằng cuộc điểm đạo đầu tiên trong số những cuộc điểm đạo cao cả. Trong cuộc điểm đạo này, người được điểm đạo như “một đứa trẻ nhỏ, một em bé”; con người phải “lấy trở lại trạng thái trẻ thơ mà họ đã đánh mất” và “hãy trở thành một đứa trẻ thơ để được vào cõi trời.” Xuyên qua cánh cửa đó, con người được sinh trong sự sống Christ, và đặt chân lên “con đường của Thập Tự Giá,” từ đó tiến lên xuyên qua những cánh cửa kế tiếp của con Đường Đạo. Ở cuối con đường, người ấy được giải thoát khỏi sự sống giới hạn, khỏi mọi ràng buộc, và chết đi với sự tạm thời để sống trong vĩnh cửu. Người được điểm đạo trở nên ý thức sự sống thực tại thay vì hình thể.

Trong Cơ Đốc Giáo, giai đoạn tiến hóa đầu tiên này được xem như mở cửa cho mọi tín đồ Cơ Đốc Giáo. Thánh Paul đã nói về Christ có thể được sinh ra, cho thấy chứng cứ của sự kiện này. Có đủ bằng chứng cho thấy ý tưởng của Cơ Đốc Giáo về giai đoạn Christ là một trạng thái nội tâm, giai đoạn cuối trong sự tiến hóa của mỗi tín đồ. Tín đồ Cơ Đốc Giáo cần phải nhận thức điều này, và không nên xem cuộc đời người đạo đồ đạt đến sự hoàn hảo là do từ bên ngoài. Sự sinh ra của Christ trong mỗi linh hồn tín đồ

Cơ Đốc Giáo là một phần trong giáo lý chính thống, và là mục đích của giáo lý đạo này. Nếu giáo lý bí nhiệm này bị loại khỏi Cơ Đốc Giáo, đạo này sẽ không thể nâng cao những người thực hành nó đến thiêng liêng.

Cuộc điếm đạo đầu tiên trong các cuộc điếm đạo lớn là sự sinh ra của đấng Christ, của Đức Phật trong tâm thức con người, đó là siêu việt hóa tâm thức của cái Tôi và loại bỏ những giới hạn. Sự thay đổi mà vị được điếm đạo kinh nghiệm là sự thức tỉnh của tâm thức ở cõi tinh thần; ở cõi này tâm thức tự đồng hóa với sự sống, và ngưng đồng hóa với hình thể trong đó sự sống tạm thời bị giam cầm. Đặc tính của sự thức tỉnh này là cảm giác bành trướng rộng rãi ra khỏi những giới hạn bình thường. Vị ấy nhận thức cái Ngã thiêng liêng và uy lực, đó là sự sống, không phải hình thể, hạnh phúc viên mãn, không chen lẫn tí vết đau khổ.

Cường độ sự sống tăng cao theo sự biến mất những giới hạn, sự sống dường như tuôn tràn vào từ mọi hướng, vui thích với sự tháo bỏ những rào cản. Cảm giác thực tại rất sáng chói làm cho mọi sự sống còn ẩn náu trong hình thể giống như sự chết, và ánh sáng thể gian giống như bóng tối. Sự nở rộng quá tuyệt diệu này làm cho tâm thức cảm thấy như trước đây nó chưa bao giờ biết chính nó, vì những gì được gọi là tâm thức trước đây, trở thành vô thức do sự hiện diện của sự sống được nâng cao tuyệt diệu này.

Tâm thức cá biệt bắt đầu nảy mầm từ giai đoạn con người còn non trẻ, nó luôn luôn phát triển, lớn lên, mở rộng ra trong giới hạn của hình thể. Nó nghĩ rằng nó là cái “Tôi” riêng rẽ, và thường xưng là “tôi” hay “của tôi.” Tâm thức cá biệt này thành linh cảm thấy tất cả mọi cái ngã khác như là cái Ngã duy nhất, mọi hình thể như là tài sản chung. Họ nhận thấy hình thể chỉ là dụng cụ cho họ sử dụng, trong khi tâm thức sống động là một với mọi sự sống.

Vị được điếm đạo biết rõ ý nghĩa về sự duy nhất của nhân loại, và cảm thấy thế nào là sống trong mọi sự sống. Tâm thức này đưa đến niềm hạnh phúc to lớn, mà phản ảnh yếu ớt của nó xuống thế gian cũng đủ tạo cảm giác ngây ngất sâu đậm cho con người. Sự hợp nhất được nhận thức bởi người phát triển trí tuệ, và cũng bởi người phát triển tình thương, nó được cảm nhận từ bên trong, chứ không phải từ bên ngoài. Nó không phải chỉ là một khái niệm, mà là sự sống. Câu chuyện về sự sinh ra của Christ trong chúng ta đã được nói đến từ thời xa xưa; tuy nhiên lời nói thuộc thế giới của hình thể không diễn đạt được hình ảnh ở thế giới của Sự Sống.

Trẻ con phải phát triển hoàn toàn để trở thành người lớn. Chúng ta phải thực hiện nhiều công việc, chịu đựng nhiều mệt mỏi và đau khổ, xông pha vào nhiều cuộc tranh đấu, vượt qua nhiều trở ngại trước khi Christ sinh ra trong con người thơ ấu, yếu đuối, để đạt đến hình ảnh của Đấng Duy Nhất Hoàn Hảo. Trên đường đạo đầy gian nan khổ nhọc, người đệ tử phải đối

diện với những lời chế giễu, nghi ngờ, khinh khi; họ phải chịu đựng sự thống khổ vì bị bỏ rơi, khổ nạn của Thập Tự Giá, và bóng tối của năm mờ.

### THỰC HÀNH SỰ DUY NHẤT

Bằng sự thực hành liên tục, người đệ tử học cách đồng hóa tâm thức mình với tâm thức mọi người. Họ phải tập trung tâm thức của chính họ trong Sự Sống, chớ không trong hình thể, để có thể vượt ra bên ngoài “tà giáo của sự chia rẽ,” nó làm cho họ phân biệt với những người khác. Họ phải mở rộng tâm thức bằng cách thực tập hàng ngày, cho đến khi trạng thái mà họ đã kinh nghiệm được ở cuộc điếm đạo thứ nhất hiện diện trong lúc bình thường.

Trong đời sống hàng ngày, người đệ tử phải cố gắng nhận ra tâm thức mình với tâm thức những người mà họ tiếp xúc. Họ cố gắng cảm giác, suy nghĩ, vui thích, và đau khổ như mọi người. Dần dần họ phát triển hoàn toàn lòng trắc ẩn, có thể rung động hòa điệu với những sợi dây khác của cây đàn thất huyền cầm nhân loại. Họ cũng phải học đáp ứng lại mọi cảm giác, dù cao hay thấp của người khác, như của chính họ. Họ phải học bài hạnh phúc cũng như đau khổ của kẻ khác, điều này chỉ có thể thực hiện được khi họ đã vượt khỏi cái ngã riêng rẽ, không đòi hỏi một điều gì riêng tư.

Đến giai đoạn này, người đệ tử phải phấn đấu bỏ lại tất cả những gì thuộc cá nhân, và bước đi một mình, trần trụi, không bám víu bất cứ hình thể nào. Họ phải học luật của sự sống, từ đó phương diện Thiêng Liêng bên trong biểu lộ. Sự sống phát triển bằng cách tự tuôn ra ngoài xuyên qua hình thể, và được nuôi dưỡng bằng nguồn sống bất tận từ tâm vũ trụ. Sự sống tuôn tràn ra ngoài càng nhiều, nó càng nhận được năng lượng sống từ bên trong. Chỉ khi nào con người tiêu diệt triệt để bản chất thấp hèn, mới kinh nghiệm được sự sống trường cửu, và khi cá nhân chết đi thì mới có được sự sống viên mãn.

### CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NHÌ

Sau sự phát triển tâm thức trong giai đoạn thứ nhất của đường đạo, phía trước người đệ tử là cánh cửa của cuộc điếm đạo thứ nhì, trong kinh sách Cơ Đốc Giáo được biểu tượng bằng Lễ Rửa Tội của đấng Christ. Khi ấy, họ đắm mình vào nước thống khổ của thế gian, trong giòng sông mà mọi người cứu thế đều phải rửa tội, một dòng nước mới của Sự Sống Thiêng Liêng chảy trên người họ. Tâm họ tự nhận mình là Con, mà sự sống của Cha diễn đạt đầy đủ trong nó. Họ cảm nhận được sự sống của chân thân từ Cha trên trời tuôn tràn vào tâm thức họ, và nhận thấy họ là một, chẳng những với

toàn thể nhân loại, mà còn với Cha trên thiên đàng. Họ nhận thức rằng họ sống ở thế gian chỉ để diễn đạt ý của Cha, họ là cơ quan biểu lộ của Ngài. Họ là Con, mọi người phải nghe theo, vì sự sống ẩn tàng trôi chảy từ họ. Họ đã trở thành con kênh để cho sự sống tiềm ẩn có thể đến được thế giới bên ngoài. Họ là những vị giáo sĩ của Thượng Đế Bí Nhiệm, đã vào được bên trong bức màn che và trở ra với nét mặt sáng chói vinh quang, phản ánh của ánh sáng trong điện thờ.

Những linh hồn tìm ánh sáng và sự sống vây quanh đệ tử, họ bị thu hút bởi sức mạnh bên trong của đệ tử và bởi Sự Sống Thiêng liêng biểu lộ trong “Con” được thừa nhận của Cha. Những linh hồn đói khát đến với họ và được cho bánh mì; những linh hồn bị bệnh tật, tội lỗi đến và được chữa lành bởi lời nói sống thực; những linh hồn mù lòa do vô minh đến và được soi sáng bởi sự minh triết. Đó là dấu hiệu của Christ trong chức vụ của họ, mà người bị bỏ rơi và nghèo khó, người khốn khổ và hạ tiện đến với họ mà không có cảm giác bị phân biệt. Những người bất hạnh này cảm thấy được thân ái tiếp nhận, không bao giờ bị xua đuổi, vì lòng tốt và tình thương từ người đệ tử tuôn tràn ra chung quanh. Người vô minh không nhận biết được những đấng Christ đang tiến hóa, nhưng vẫn cảm thấy năng lực trong họ được nâng cao, một sự sống đầy sinh khí, và trong bầu không khí gần gũi với đệ tử, họ hít thở với một sức mạnh mới, một hy vọng mới.

### CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ BA VÀ THỨ TƯ

Bây giờ, trước mặt đệ tử là cánh cửa thứ ba, đón nhận họ vào một giai đoạn tiến hóa khác, và họ có một khoảng thời gian ngắn bình an, vinh quang và sáng chói, trong Cơ Đốc Giáo được biểu tượng bằng sự “Biến Dạng” (Transfiguration). Đó là sự ngơi nghỉ, sự tạm ngưng ngắn ngủi hoạt động phụng sự, một hành trình lên núi, nơi áp ủ sự bình an của cõi trời. Nơi đây, họ được soi sáng trong một lúc với vẻ đẹp siêu việt của Thiêng Liêng.

Trong lúc nghỉ ngơi của cuộc phấn đấu, đệ tử thấy được tương lai của mình, với một chuỗi những hình ảnh mở ra trước mắt. Họ thấy những đau khổ đang chờ đợi, sự cô đơn ở Gethsemae, sự thống khổ trên thập tự giá ở Calvary. Họ cương quyết hướng về Jerusalem, về bóng tối mà họ phải vào vì tình thương nhân loại.

Họ hiểu rằng trước khi có thể nhận thức hoàn toàn sự duy nhất, họ phải trải qua kinh nghiệm cần thiết của sự cô đơn. Trước kia, khi ý thức về sự sống phát triển, hình như nó đến với họ từ bên ngoài; bây giờ họ nhận thấy nó có trung tâm ở bên trong. Trong tâm trạng cô đơn, họ kinh nghiệm sự kết hợp thật sự giữa Cha và Con, sự kết hợp bên trong, chứ không phải bên ngoài. Để thể nghiệm điều này, phải cắt đứt mọi liên hệ với mọi người,

và cả với Thượng Đế, để chính trong Tinh Thần của riêng họ, có thể tìm được Cái Duy Nhất.

Khi giờ đen tối sắp đến, đệ tử càng lúc càng sợ tình thương mà họ hiến cho nhân loại trong suốt những năm qua của cuộc đời phụng sự sẽ bị thất bại. Lúc lâm nguy khẩn cấp, họ nhìn quanh để được an lòng, nhưng chỉ thấy các bạn bè đang ngủ mê một cách vô tâm, hình như mọi liên hệ với loài người đều bị cắt đứt, tất cả tình thương con người chỉ là sự dối trá, mọi tin tưởng đều bị phản bội. Đệ tử bị ném lại với chính mình, và học được rằng chỉ có sự ràng buộc với Cha ở trên trời còn tồn tại.

Trong giờ phút cô đơn, với nỗi đắng cay tràn ngập linh hồn, ít khi nó có thể vượt qua khoảng trống không này mà không phát ra tiếng khóc nằn nùi. Nhưng không người nào đưa ra vòng tay an ủi nó trong cảnh thê lương ở Gethsemane.

Sau giai đoạn bị nhân loại bỏ rơi, bóng tối càng trở nên đậm đặc hơn. Giờ đây, hồ sâu ngăn cách hình như mở rộng hơn giữa Cha và Con, giữa sự sống trong hình thể và Sự Sống Vĩnh Cửu. Trong giai đoạn thống khổ trên thập tự giá, Cha, mà đệ tử vừa nhận thấy ở Gethsemane lúc tất cả bạn bè đang ngủ say, cũng bị che mắt. Đây là thử thách đắng cay nhất trong các thử thách dành cho người đạo đồ. Ngay cả tâm thức của Trạng Thái Con cũng bị mất, và hy vọng chiến thắng chỉ là sự ô nhục thậm tệ. Đệ tử điếm đạo thấy đang bị những kẻ thù vui mừng ríu rít bao vây, các bạn bè cũng như những người thương yêu đều bỏ rơi họ, và cảm thấy như sự nâng đỡ thiêng liêng bị vỡ tan dưới chân họ. Vị đạo đồ uống giọt cuối cùng trong ly cô đơn, với tâm trạng bị cô lập hoàn toàn. Không có sự tiếp xúc nào với nhân loại, cũng như với Thượng Đế, để bắc cầu qua khoảng trống không, trong đó linh hồn tuyệt vọng của họ đang bị treo lơ lửng. Vị đạo đồ cảm thấy sâu thẳm từ nội tâm bị bỏ rơi bởi tất cả mọi người, ngay cả bởi Cha, và kêu lên: “Hỡi Thượng Đế! Hỡi Thượng Đế! Sao Cha nỡ bỏ con?”

Tại sao bằng chứng cuối cùng này, sự thử thách cuối cùng này tàn nhẫn nhất trong tất cả mọi ảo ảnh? Đó chỉ là ảo ảnh, vì Christ đang chết gần gũi nhất với Tâm Thiêng Liêng.

Phải trải qua kinh nghiệm này, vì những người Con phải tự biết mình là một với Cha mà họ đang tìm kiếm; phải tìm Thượng Đế không những từ bên trong, mà còn từ cái ngã sâu kín nhất của chính họ. Chỉ khi nào vị đạo đồ nhận biết rằng Thượng Đế là chính họ, và họ chính là Thượng Đế, họ mới vượt khỏi cảm giác của sự chia rẽ. Chỉ đến lúc ấy, họ mới có thể giúp đỡ hiệu quả nhất cho nhân loại, và trở thành một phân tử ý thức của năng lực hướng thượng.

## CUỘC ĐIỂM ĐẠO THỨ NĂM

Đấng Christ sau khi chiến thắng, Phục Sinh và Thăng Thiên, đã cảm nhận được niềm cay đắng của sự chết, đã biết được mọi thống khổ của nhân loại, ngài vượt lên trên tất cả do năng lực thiêng liêng của chính ngài. Từ nay không còn phiền phức nào phá rối sự bình an, hay ngăn cản đôi tay ngài dang rộng ra để cứu giúp. Trong giai đoạn tiến hóa này, ngài học cách tiếp nhận những luồng sóng xáo trộn của con người, và gửi lại họ những luồng tư tưởng bình an, hạnh phúc. Một trong những công việc của ngài là làm biến đổi những lực không điều hòa thành những lực hòa điệu. Từ đây ngài phải trợ giúp thế giới, trợ giúp nhân loại mà từ đó ngài đã xuất thân.

Tùy theo trình độ, Đấng Christ và các đệ tử của Ngài giúp đỡ và bảo vệ thế gian. Ngài nâng đỡ “nghiệp quả nặng nề của thế gian,” phấn đấu trong hoàn cảnh ngày càng cay đắng, càng tuyệt vọng hơn của nhân loại.

Tất cả mọi người không còn tính ích kỷ đều làm việc cho người khác, nhưng người đi trên đường đạo làm việc này một cách có chủ tâm và thường xuyên hơn, họ trở thành những năng lực nâng đỡ sự tiến hóa của nhân loại. Riêng đối với đấng Christ khả hoàn, Ngài làm tất cả những gì được làm bởi người khác đang đi trên đường đạo ở những giai đoạn khác nhau, cho nên Ngài được gọi là “Đấng Cứu Thế.” Ngài cứu rỗi, không bằng cách làm thế cho chúng ta, nhưng bằng cách chia sẻ sự sống của Ngài với chúng ta. Ngài minh triết, và tất cả chúng ta đều chia sẻ sự minh triết của Ngài, vì sự sống của Ngài chảy vào huyết quản và nhịp đập trong tim chúng ta. Ngài không bị ràng buộc nhưng không tách rời một hình thể nào. Ngài là Người Lý Tưởng, Người Hoàn Hảo. Mỗi người trong nhân loại là một tế bào trong cơ thể Ngài, và mỗi tế bào được nuôi dưỡng bởi sự sống của Ngài.

Chắc chắn là không đáng đi trên đường đạo và chịu đau khổ trên thập tự giá, nếu việc này chỉ để cho Christ được giải thoát sớm hơn, được yên nghỉ sớm hơn, vì cái giá phải trả quá cao cho sự thống khổ, và sự xung đột quá cay đắng đối với phần thưởng như thế. Trong sự khả hoàn của Ngài, nhân loại được nâng cao, con đường đạo được thu ngắn hơn một ít đối với mọi người tìm đạo, và sự tiến hóa của toàn nhân loại được thúc đẩy. Đó là tư tưởng đã cảm hứng đệ tử phấn đấu mạnh mẽ với toàn năng lực, làm dịu bớt những đau khổ vì mất mát. Không có một sự sống nào, dù yếu kém, thấp hèn, vô minh, hay tội lỗi mà không được đưa đến gần hơn một ít Ánh Sáng khi có một người Con của Đấng Tối Cao hoàn thành con đường đạo. Tốc độ sự tiến hóa của nhân loại càng nhanh hơn, khi có nhiều người Con chiến thắng và thâm nhập vào tâm thức Sự Sống Vĩnh Cửu! Nhờ các Ngài mà bánh xe quay càng nhanh hơn, nâng chúng ta lên với Thiêng Liêng, và càng có nhiều người đạt được tâm thức thiêng liêng.



Trong những lúc hứng khởi cao nhã, chúng ta cảm thấy có một sự sống tuôn trào ra ngoài, đem tình thương đến tất cả nhân loại. Hãy suy nghĩ về sự thống khổ của thế gian, mà con người không biết tại sao họ thống khổ. Con người bị khổ nạn, tuyệt vọng mà không biết tại sao họ phải sống, phải chết; những người, mà ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, chịu đựng những bất hạnh dồn dập mà không biết được nguyên nhân; những người can đảm tranh đấu một cách tuyệt vọng để chống lại hoàn cảnh mà chính họ không hiểu, không lý giải được. Hãy nghĩ về những người đau khổ do mù lòa bẩm sinh, họ sờ soạng trong bóng tối, không chút hy vọng, không nguyện vọng, không hiểu biết về sự sống thật và vẻ đẹp bên ngoài. Hãy nghĩ đến hàng triệu huynh đệ của chúng ta đang sống trong tối tăm, để chúng ta cố gắng dùng hết năng lực phấn đấu, dù bị đau khổ, dù phải hy sinh. Như thế, chúng ta có thể nâng đỡ người khác tiến lên từng bước đến Ánh Sáng và Sự Sống, làm dịu đau khổ, và làm giảm bớt vô minh. Dù chỉ hiểu biết chút ít, chúng ta hiến mình cho những kẻ chưa hiểu biết.

Do qui luật không thay đổi, do chân lý không sai lệch, do Sự Sống Thượng Đế vĩnh cửu, chúng ta biết từ bên trong chúng ta là Thiên Liêng. Dù hiện tại trình độ tiến hóa chúng ta chưa cao, nhưng khả năng vô tận ở ngay trong ta, sẵn sàng để nâng đỡ thế gian. Bất cứ ai cảm nhận được nhịp đập của Sự Sống Thiên Liêng, đều bị thu hút bởi hy vọng được trợ giúp và đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Khi cảm nhận Sự Sống, dù yếu ớt, dù ngần ngại, trong tim con người nảy nở những rung động đầu tiên phơi bày Sự Sống Christ, và thời giờ đến gần để Christ trẻ thơ được sinh ra, từ đó nhân loại được nở hoa.

## 14

## TƯƠNG LAI CHỜ ĐỢI CHÚNG TA

Bạn có thể nào phác họa sự tiến hóa hướng đến tương lai của nhân loại? Tôi sẽ cố gắng hướng dẫn bạn từng bước, trên những nấc thang dài mà loài người phải leo lên xuyên qua nhiều thời đại. Để làm được công việc này một cách thông minh, các bạn cần nhìn lại thời quá khứ, ngay với những bạn đã biết nhiều sự kiện thời xa xưa. Từ đó chúng ta có thể hiểu biết trọn vẹn tiến trình từ lúc khởi thủy đến lúc chấm dứt của chu kỳ biểu lộ (manvantara).

### SỰ TIẾN HÓA TRONG THỜI QUÁ KHỨ

Hãy trở về thời quá khứ xa xưa, từ lúc bắt đầu thành lập vũ trụ. Một nhịp thở phát ra từ đấng Thượng Đế tối cao, từ đó tạo ra một chu kỳ biểu lộ. Trong Nhịp Thở của Sự Sống phi thường này, tất cả mọi hệ thống, mọi thế giới, mọi sự sống cá biệt, thở và tồn tại. Hãy phác họa trong trí bạn hình ảnh chu kỳ tiến hóa vĩ đại này, cuộc tiến hóa hiện tồn trong Thiên trí nhưng sự biểu lộ chưa hoàn tất.

Hãy tưởng tượng một hình ảnh khác đặt trước mắt bạn, hình ảnh của sự tạo lập những cõi vũ trụ, từ vùng này sau vùng kia. Năng lượng của Thượng Đế như một cái Ngã Duy Nhất tuôn tràn vào trong vũ trụ sắp thành hình, tạo nên các cõi theo bảy tầng lớp. Chính Ngài là năng lượng, là tinh thần đầu tiên, và vật chất đầu tiên là phương diện bên ngoài của chính nó, Ngài tự giới hạn sự biểu lộ bên trong một vòng tròn do chính Ngài tạo ra. Năng lượng này tiến ra ngoài, được bao bọc trong vật chất đầu tiên như một lớp áo, và thành lập cõi thứ nhất. Kế đến một giai đoạn mới của vật chất được thành lập để tạo ra cõi thứ nhì. Năng lượng cõi thứ nhì là năng lượng cõi thứ nhất cộng với vật chất cõi thứ nhất; năng lượng này được bao bọc trong vật chất cõi thứ nhì. Năng lượng cõi thứ ba là năng lượng cõi thứ nhất cộng vật chất cõi thứ nhất và vật chất cõi thứ nhì, và giới hạn bên ngoài trở thành vật chất cõi thứ ba. Tiếp tục như thế, từ cõi này đến cõi kia cho đến khi cõi thứ bảy được thành lập, nên nhớ số bảy là số gốc (root-number) của vũ trụ này. Tất cả đều là sự phân chia từ cái Một, tất cả đều là Atma (Linh Hồn Tối Cao), nhưng đó là Atma tự thay đổi trong khi biểu lộ.

Thượng đế tự xếp đặt một vòng giới hạn, khi chạm vào bề mặt của bầu vũ trụ giới hạn, sự sống rung động quay trở về với chính nó, từ chu vi vào trung tâm. Khi chạm phải giới hạn ngoài cùng, thế giới vật chất thấp nhất, sự sống trước đây bị khép kín, nay bắt đầu phơi bày.

Vật chất – tinh thần (spirit-matter) hiện tồn ở mỗi cõi, được sử dụng như vật liệu cho Sự Sống. Vật chất – tinh thần được xây dựng vào những cơ quan khác nhau và tạo ra những vật sống, và những vật sống này trở thành vận cụ cho tâm thức. Cuối cùng chúng trở thành điện thờ sống của “Atma không phân biệt” (undifferentiated Atma), từ đó năng lượng của Thượng Đế tuôn xuống. Năng lượng thâm nhập từ kim thạch đến thảo mộc, từ thảo mộc đến cảm thú, và cứ thế hướng thượng đến con người. Hãy tưởng tượng sự tiếp nối rộng lớn không dứt, để thấy “Atma không phân biệt” áp ủ trong những hình thể như thế nào, và phơi bày nối tiếp nhau từng loại một của vật chất – tinh thần, mà trước đó chúng được che lấp trong suốt con đường đi xuống. Khi đi lên đến giai đoạn cảm thú và giai đoạn con người sơ khai, còn nhiều thú tính hơn tính người, dần dần loại vật chất - tinh thần thanh nhẹ hơn được phô bày bên trong phần vật chất thô trực của xác thân. Năng lượng thanh nhẹ này thuộc về những cõi khác nhau, do sự sống từ bên trong phát ra.

## SỰ SINH RA CỦA NHÂN LOẠI

Trên hành trình đi lên, năng lượng được khai mở hướng thượng gặp Lửa hằng linh động từ trên chiếu xuống, sự sống bên dưới tiến lên sự sống bên trên, đến khi chúng gặp nhau và con người được sinh ra.

Để giúp bạn hiểu rõ hơn, tôi đưa ra sự so sánh tương tự từ kinh nghiệm hàng ngày. Các bạn biết cung dòng điện (electric arc) được tạo thành như thế nào để phát ra ánh sáng trong bóng đèn điện? Hai đầu carbon (thán tố), một dương một âm, được đặt càng lúc càng gần nhau trong bóng tối. Cuối cùng chúng rất gần nhau, vượt quá sức cản của không khí, khi ấy dòng điện nhảy từ đầu này sang đầu kia, và tạo nên cung dòng điện, phát ra ánh sáng.

Cung dòng điện có thể xem như biểu tượng sự thành lập thành linh của cá nhân, con người thật sự. Một cá nhân được sinh ra khi cái mà chúng ta gọi là dòng âm cực của Atma từ dưới hướng lên trên, và dòng dương cực của Atma từ trên đi xuống dưới và hai dòng này gặp nhau. Từ đó chân ngã trường tồn hiện hữu, và sống xuyên qua những thời đại vĩnh cửu không thể đo lường được.

Hơi Thở của Sự Sống vĩ đại tuôn ra, và con người bắt đầu hiện hữu. Đó là làn sóng của sự tiến hóa, một định luật mà chúng ta phải sống theo, do định luật đó mà tất cả được thúc đẩy tiến tới trước. Định luật này bao gồm chúng ta và hành tinh mà chúng ta đang sống, cùng với vũ trụ và mọi thế giới trong đó. Những người đi theo dòng sống này được mang tới trước và

tiến lên trên; những người chống lại nó sẽ bị ném xuống như con tàu bị đắm, và trong một tương lai rất xa, cũng phải đi trở lại con đường đã bỏ dở.

Để làm sáng tỏ hơn vấn đề khó khăn này, chúng ta hãy tưởng tượng hình ảnh một cái tháp vĩ đại có ba mặt, đỉnh tháp lên thẳng đến thiên đàng. Các phạm vi sinh hoạt trong vũ trụ đưa đến sự tiến hóa cho con người được chia thành ba loại chính, mỗi loại được tượng trưng cho một mặt của cái tháp: quyền năng, minh triết và bác ái. Nếu bạn tưởng tượng rằng cái tháp này được làm bằng những khối chồng chất lên nhau, mỗi khối tượng trưng cho một vùng trong vũ trụ, thì khối ở thấp nhất là cõi trần, nơi đây mọi năng lượng và sức mạnh con người được biểu lộ xuyên qua vật chất trong xác thân. Ba phương diện trong bản chất con người: quyền năng, minh triết và tình thương, dần dần phát triển.

Khối trên kế đó tượng trưng cho cõi trung giới, là một môi trường rộng lớn khác dành cho tâm thức con người. Tiếp theo trên đó là cõi của trí tuệ hay cõi chân phúc, cõi này là nơi hoạt động của chính thể trí. Ở trên nữa là cõi cao cả, tuyệt diệu hơn, tức cõi bồ đề, hay cõi của đại định, đôi khi còn được gọi là Sushupti. Ở trên cõi bồ đề là cõi của linh thể (Atma), hay Niết Bàn, tuyệt đỉnh, bao trùm tất cả và bên trong tất cả.

Sự tiến hóa của con người là sự mở rộng của tâm thức, nó bắt đầu từ phần thấp nhất của cái tháp, lúc ấy có thể ví tâm thức như một tia nhỏ của ánh sáng sống động. Nó càng mở rộng hơn khi tiến lên trên, từ vùng này đến vùng kia. Cuối cùng tia sáng trở thành ngọn lửa lên đến đỉnh tháp và gia nhập vào biển lửa sống động, trong đó tất cả mọi Ánh Sáng và mọi Sự Sống trú ngụ.

Sự mở rộng tâm thức là dấu chứng đặc biệt của sự tiến hóa con người. Khi tâm thức càng mở rộng, nó càng phát triển quyền năng, minh triết và tình thương. Ba phương diện này thật ra không thể tách riêng, vì tình thương chỉ là sự diễn đạt ra bên ngoài của minh triết, và quyền năng là hiệu quả của nó. Nhưng để dễ dàng suy tưởng có hệ thống, chúng ta vẫn xét chúng riêng rẽ, và đó là lợi điểm trong việc khảo sát đề tài phức tạp và khó khăn này.

## CÔI TRẦN

Xét chung toàn thể nhân loại, chúng ta có thể nói tâm thức của mọi người đang hoạt động trong xác thân ở cõi trần. Như đã được miêu tả ở phần trước, con người từ những cõi cao đi xuống và bị đóng khuôn vào xác thân vật chất. Hầu hết tâm thức nhân loại chưa chinh phục và chưa hoạt động trên những cõi cao. Con người ở trong những cõi đó, nhưng tâm thức họ còn non trẻ, chưa thức tỉnh trong những cõi đó.

Tuy nhiên ngay từ bây giờ, cũng có những người đạt được tâm thức cao hơn tâm thức cõi trần, có thể sinh hoạt ở những cõi cao, và số người đạt được điều này càng ngày càng tăng thêm. Tôi dám khẳng định trong tương lai, một số người trong chúng ta sẽ có tâm thức thuộc về giống dân tương lai, và sẽ biết được một số điều về những cõi cao hơn cõi trần. Vào tương lai xa hơn nữa, tất cả mọi người đều sẽ hiểu biết hoàn toàn các cõi trong vũ trụ.

Trở lại thí dụ trên, ba mặt của cái tháp tượng trưng cho những hoạt động nào ở cõi trần? Ở bề mặt của tình thương, chúng ta phụng sự những người cao hơn, giúp đỡ và có lòng trắc ẩn đối với những người ở chung quanh và thấp kém hơn chúng ta. Ở bề mặt minh triết, dù chưa có được minh triết, nhưng chúng ta có sự hiểu biết, và dần dần sự hiểu biết sẽ biến đổi để thành minh triết. Khoa học, triết lý và nghệ thuật là những đường hướng lớn đưa tư tưởng đi lên theo bề mặt của minh triết. Ở bề mặt của quyền năng, chúng ta có chính phủ, luật lệ và những tổ chức xã hội; và ngay bây giờ, năng lực sáng tạo ngự trị trong mọi người dù họ không biết đến nó.

## NHỮNG GIỚI HẠN TRONG ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

Điều có vẻ lạ lùng là ở mỗi bề mặt này, chúng ta cảm thấy dường như đang đạt đến những giới hạn của vật chất, chúng ta đang tiến đến những bức tường không thể vượt qua. Chắc chắn trong quá khứ chúng ta đã thành công, và sự tiến triển về vật chất có vẻ như chầm dứt, và cần có những điều gì khác được tìm ra nếu muốn tiếp tục tiến bộ. Về phương diện tình thương, tôn giáo và phụng sự những bậc cao cả là một trong những đường hướng để tình thương phát triển, nhưng chúng ta nhận thấy rằng những tôn giáo lớn trên thế giới đang gặp phải khó khăn, vì bị đẩy lui bởi dòng thủy triều của trí phán đoán hoài nghi. Ngay những người sùng bái tôn giáo cũng cảm thấy nẩy sinh trong trí nghĩ vấn mình có đi đúng đường hay không. Người ta nhận thấy trong lãnh vực rộng lớn của tôn giáo, niềm tin chiếm mất chỗ của kiến thức, hy vọng chiếm mất chỗ của sự xác thật, và uy quyền chiếm mất chỗ của nhận thức. Kết quả là trong nhiều tôn giáo, đa số dân chúng chìm đắm trong mê tín, trở thành nạn nhân của mọi sự sợ hãi, nhất là đối với tương lai bất định ở trước mắt.

Nơi nào không có sự mê tín của đám đông quần chúng thì lại có thuyết vô thần, gặm nhấm mọi lý tưởng. Thêm vào sự giảm cấp tôn giáo trong quần chúng, có một lớp người học vấn cao, trong tâm và trong cuộc sống của họ chứa đầy hoài nghi, đôi lúc cũng bộc lộ ra bằng lời nói. Họ thách thức tôn giáo, vì biết những giáo lý công truyền của tôn giáo không trình bày chân lý một cách thông minh. Họ thách thức tất cả, và muốn tìm chân lý tiềm ẩn bên trong, nhưng vô vọng.

Xét về khía cạnh khác của tình thương, tức sự giúp đỡ và lòng trắc ẩn đối với người chung quanh và người thấp kém hơn, chúng ta thấy một ít người có tấm lòng can đảm, nhưng thất vọng vì không đủ khả năng hàn gắn mọi vết thương của đám đông nhân loại đang đau khổ. Họ không tìm được cách thức hữu hiệu để giúp đỡ những người nghèo khổ, vô minh, và bệnh tật thể xác lẫn tinh thần.

Cũng thế, trên mặt minh triết của cái tháp, tầm nhìn của chúng ta trên mỗi hướng đi lên đều bị ngăn chặn bởi những bức tường kiên cố. Khoa học đã khám phá được nhiều điều đáng kể, cũng bị giới hạn do sự thiếu chính xác của những dụng cụ vật chất. Trong mỗi ngành khoa học, con người vẫn còn đang lặn mò tìm những phương pháp mới. Trong ngành y khoa, sự tìm ra tận nguồn gốc bệnh tật vẫn chưa đạt được kết quả xác định, cũng như chưa biết rõ cơ chế tác dụng của một số loại thuốc. Trong ngành vật lý học, thuyết duy vật bị sụp đổ với những lý thuyết về vũ trụ không thích hợp, trong khi chủ thuyết duy tâm chưa sẵn sàng thay thế để giải thích rõ ràng, dễ hiểu.

Ở Ấn Độ, Vedanta là một trong những hệ phái duy tâm lớn nhất, hiện tại chỉ chú trọng giải thích những chi tiết nhỏ nhất không cần thiết, thay vì suy tưởng sâu xa; cách thức và thói quen tệ hại này của tư tưởng, ngầm phá hại tinh thần đạo đức. Những học viên của phái đó trở nên không quan tâm đến cách cư xử trong đời sống, và không phân biệt giữa đúng và sai; họ tự thôi miên bằng cách lập đi lập lại chân lý thâm sâu “Bạn là Cái Đó.” Ở Đông phương cũng như Tây phương, người ta như mù lòa sờ soạng, khao khát một cách mơ hồ về những lý tưởng đã mất, và nơi đâu không có lý tưởng thì chân lý không thể hiện thực.

Những hoạt động của nhân loại trên mặt quyền năng như thế nào? Trong xã hội có đầy dẫy đấu tranh xung đột, giai cấp chống đối giai cấp, phái tính chống đối phái tính; Vua không đủ uy quyền để kiểm soát, không cai trị hữu hiệu, không trách nhiệm, để cho những người xấu có quyền thể làm nhiều điều sai trái. Sự suy đồi về vật chất lẫn tinh thần xảy ra khắp nơi, sự nghèo khổ và khốn khổ gần như bất trị, không có sự hướng dẫn của minh triết, không được kiểm soát bởi quyền lực tốt. Người dân nhìn lơ mờ về phía sau, nhìn một cách sợ hãi về phía trước, tự hỏi khi nào biến động lớn của xã hội sẽ xảy ra. Một số người buồn bã mơ tưởng đến ngày có vị minh quân thống nhất đất nước, che chở dân lành dưới ngai vàng của ngài, xây dựng lại trật tự xã hội với trí thức và quyền lực của ngài.

Chúng ta hãy nhìn về phía trước để thấy nhân loại làm thế nào tiến đến hòa bình, an ninh và hạnh phúc trên cõi vật chất này? Tất cả những thay đổi ở cõi vật chất liên hệ đến sự tiến hóa của con người trong tương lai đều do năng lực từ trên cao tuôn xuống.

## CÔI TRUNG GIỚI

Cõi trung giới gần gũi nhất với cõi trần, được tượng trưng bằng khối nằm trên khối cõi trần trong thí dụ cái tháp ba mặt. Con người sẽ trở nên ý thức và chinh phục cõi trung giới, xem nó như một thế giới mới. Nơi đây họ sẽ có những năng lực cũng như những khả năng mới, và những phương pháp mới để khám phá toàn cảnh rộng lớn, mới mẻ mở rộng ra trước mặt. Chúng ta hãy nhận xét giai đoạn kế tiếp này trong sự tiến bộ của nhân loại, khi ý thức của đa số người đã phát triển từ cõi vật chất đến cõi trung giới.

Thế nào là thế giới trung giới, và sự mở rộng tâm thức bao trùm vùng thứ nhì của vũ trụ này có nghĩa như thế nào? Trước hết, là sự mở rộng của năng lực cảm giác. Ở cõi trung giới, tuy con người chưa ra khỏi những bức tường phân chia, và vẫn có sự phân biệt lẫn nhau, nhưng những giác quan thể vía không bị giới hạn nhiều như những giác quan xác thân. Thị giác thể vía thấy được cả phía trước, phía sau và chung quanh, nó thấy mọi mặt của đồ vật và xuyên qua đồ vật. Nói chung, những giác quan thể vía tươi tắn, rõ ràng, sắc bén, tinh xảo, và từ mọi hướng, nhờ đó sự hiểu biết tuôn vào những cánh cửa rộng mở của linh hồn.

### BỀ MẶT TÌNH THƯƠNG CỦA CÁI THÁP

Con người qua cõi trung giới sẽ thấy và tìm hiểu được những hiện tượng, mà khi ở cõi trần chỉ là sự mơ mộng hay tin tưởng suông. Lần đầu tiên con người tiếp xúc với những chân lý vĩ đại, những thực tại lớn, những vị thông tuệ cao cả. Tuy sự thức tỉnh của tâm thức ở cõi này chỉ mới tiếp xúc được phần bên ngoài, chưa thông hiểu được bản chất của những điều ấy, nhưng sự tiếp xúc này làm cho chúng trở nên sống thực mà không chỉ là vấn đề tin tưởng suông.

Hiện nay, cõi trung giới chỉ được mở ra cho một ít người, đến khi nó rộng mở cho đa số, không những con người có được tầm nhìn xa hơn, và có thể sử dụng những giác quan thể vía trong lúc còn mang xác thân vật chất, mà còn có thể rời bỏ xác thân vật chất bất cứ khi nào họ cảm thấy nó gây bất tiện hay trở ngại, và họ có thể sử dụng thể vía để chu du khắp cõi trung giới.

Khi vượt qua được giới hạn của xác thân, con người có thể tiếp xúc với những Đấng Thông Tuệ. Tôn giáo sẽ có một sự sống mới, vì chính nền tảng của chủ nghĩa hoài nghi sẽ bị đánh đổ khi con người có thể khám phá và thấy rõ hiện tượng mà hiện nay họ cho là siêu nhiên, và họ cũng có thể tiếp xúc trực tiếp với những thực thể mà hiện nay bị phủ nhận.

Sẽ không còn mê tín nữa, khi con người, nếu muốn có thể thoát ra ngoài xác thân đi khắp nơi trên thế giới. Khi không còn những điều không thể hiểu biết được, không còn thế giới mà con người không thể thấy được, sẽ không còn chỗ cho sự sợ hãi. Mọi người đều sẽ biết thế giới và hiểu những hiện tượng của nó, hiện tại sự kiện này có vẻ kỳ diệu, nhưng tương lai nó sẽ trở nên quen thuộc và là một phần của đời sống hàng ngày. Trên thực tế, điều mà chúng ta gọi là sự chết sẽ không còn là vấn đề đáng thương tiếc, vì con người có thể sống trong cõi trung giới và tiếp xúc được với những người đã rời bỏ xác thân. Cõi trung giới sẽ nằm trong tầm hoạt động của đời sống hàng ngày, và sự chia lìa gây nên bởi chết chóc sẽ bị loại trừ.

Con người có thể tiếp xúc với những vị cao cả, và giáo huấn của các ngài được truyền bá rộng rãi trên thế gian. Họ không còn bị không gian làm trở ngại, vì có thể đi xuyên qua nhanh chóng các cõi thanh nhẹ hơn. Do đó, con người có nhiều cơ hội hiểu biết hơn, và kiến thức rộng rãi sẽ làm thay đổi toàn diện đời sống theo chiều hướng thiêng liêng. Nơi đây họ cũng gặp những vị thầy của quá khứ, không phải là chiêm bao, mà sống thật, và họ sẽ hiểu được sự cao siêu của chân lý mà các Ngài giảng dạy.

Lúc đó, rất nhiều người có khả năng giúp đỡ người chung quanh và thực hành lòng trắc ẩn đối với người thấp kém, trong khi hiện tại chỉ có một số ít người có thể làm được việc đó. Con người sẽ thường xuyên sử dụng được những năng lực ở cả cõi trần và trung giới. Ở cõi trần, con người có thể giúp đỡ và bảo vệ người khác bằng cách gọi đi một cách có ý thức những lực của cõi trung giới. Họ có thể suy nghĩ về một tư tưởng hữu ích, bao bọc nó bằng tinh hoa chất, tạo thành một tinh hoa nhân tạo, và gọi thẳng đến trợ giúp cũng như bảo vệ những người yếu kém tránh khỏi nguy hiểm. Lực này tạo thành một cái khiên liên tục che chở cho người mà nó được gọi đến.

Những người tiến hóa tiên phong trong hàng ngũ nhân loại đều có thể thực hiện tất cả những điều kể trên một cách dễ dàng. Trong tương lai, phần đông nhân loại sẽ đạt được những năng lực đó, họ dùng nó để trợ giúp những người kém tiến hóa hơn. Sự trợ giúp cũng nhắm đến những người vừa mới chết, vì cõi trung giới là nơi mới mẻ, xa lạ đối với họ. Trình độ tiến hóa của mọi người không đồng đều nhau; có nhiều người sinh hoạt ý thức trên cõi trung giới, nhưng phần đông con người vẫn chưa thức tỉnh trên cõi đó. Ở cõi này có nhiều cơ hội để giúp đỡ, an ủi, xoa dịu những linh hồn tuyệt vọng, thỉnh linh phải rời bỏ xác thân, đi đến vùng xa lạ, bỏ ngõ, đầy sợ hãi. Hiện nay chưa có nhiều người làm công tác cứu trợ, nhưng trong tương lai sẽ có nhiều người làm công việc này hơn.

Một công việc trợ giúp khác được thực hiện từ cõi trung giới, và ảnh hưởng xuống cõi trần là cách thức giáo dục trẻ con. Khi những giác quan thể vĩa thức tỉnh thì sự giáo dục sẽ thay đổi như thế nào? Khi cha mẹ và thầy



giáo nhận thấy được sự phát triển cái trí của trẻ em? Khi những tính chất của trẻ hiện ra thành những hình thể và màu sắc đối với nhãn quan trung giới? Khi những khuynh hướng xấu được nhận thấy từ trong mầm mống ở thời kỳ trẻ thơ, để không nuôi dưỡng nó, và những khuynh hướng tốt lành được trợ giúp cho mạnh thêm, cũng như được khuyến khích cho nó trở hoa? Nhờ thế, trong tương lai sự giáo dục trẻ em sẽ có hiệu quả hơn, và sự tiến bộ của trẻ em sẽ nhanh gấp ngàn lần hơn ngày nay. Chắc chắn là như thế, vì khi trẻ em được huấn luyện bởi những người có nhãn quan trung giới thì tất cả những mầm giống xấu đều bị để cho chết dần mòn, và những mầm giống tốt được chăm sóc cho nảy nở. Thay vì thấy trẻ em lớn lên rập theo khuôn mẫu những người lớn ở chung quanh, ta thấy trẻ phát triển theo thể hệ mới thật sự, mở mang nhiều khả năng tiềm ẩn bên trong.

### BỀ MẶT MINH TRIẾT CỦA CÁI THÁP

Khi xét về phương diện minh triết, chúng ta thấy sự mở rộng tâm thức cõi trung giới có thể làm thay đổi hoàn toàn các ngành khoa học. Phương pháp cũ mà khoa học áp dụng từ lâu đã lỗi thời, sẽ được thay thế bằng những phương pháp cũng như những dụng cụ tinh vi, nhạy bén hơn. Các nhà khoa học sẽ sử dụng những giác quan thể vía như là những dụng cụ để nghiên cứu, tìm hiểu những hiện tượng ở cõi trần cũng như cõi trung giới. Để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy xét những thí dụ sau:

Trong ngành y khoa, bác sĩ sử dụng nhãn quan thể vía sẽ chẩn đoán bệnh tật rất chính xác, và có thể theo dõi tác dụng của thuốc men trong thể xác. Bác sĩ nội thương cũng như bác sĩ giải phẫu sẽ thấy tường tận những bộ phận bên trong xác thân, và biết chính xác cơ quan nào bị bệnh.

Trong ngành hóa học, những nhà hóa học không còn chỉ đưa ra giả thuyết, mà họ sẽ thấy thật sự. Hạt nguyên tử không chỉ là lý thuyết trừu tượng, mà là những vật có thể được khảo sát tường tận. Với nhãn quan thể vía, người ta có thể thấy rõ và theo dõi từng giai đoạn kết hợp của tất cả các hợp chất. Nhà hóa học có thể thử nghiệm, phân tích, kết hợp, tái phối trí, và có thể vận dụng vật chất bằng năng lực mới mà họ có được từ cõi trung giới.

Trong ngành tâm lý học, sẽ có sự thay đổi quan trọng, vì nhà tâm lý học nhìn thấy cái trí như đọc một quyển sách đang mở. Đối với thú vật, thay vì phải khảo sát những hoạt động của chúng, suy luận và đoán ra động lực thúc đẩy, người khảo cứu có nhãn quan thể vía sẽ thấy được cách thức mà con vật đang suy nghĩ, và sự nảy nở trí khôn của nó, từ đó con người có thể huấn luyện con vật một cách có hiệu quả. Tư tưởng được thấu hiểu như từ cái trí này trực tiếp truyền đến cái trí kia, và tâm lý học không còn là những từ ngữ hỗn tạp, hay một mớ những ý tưởng mù mờ. Dần dần, tâm lý học sẽ

được sắp xếp theo hệ thống dễ hiểu, vì những tâm lý gia thấu hiểu cơ chế và cách sinh hoạt của cái trí con người, từ đó dễ dàng phát triển năng lực của nó.

Trong ngành triết học, nhiều thiếu sót về phương diện lý tưởng như hiện nay sẽ được bổ túc, do học giả thông hiểu sự liên hệ giữa sự sống và lớp áo bao bọc nó, cũng như giữa năng lượng và vật chất, họ biết đó chỉ là hai phương diện của Cái Một Duy Nhất. Học giả sẽ biết cách thức mà vật chất được uốn nắn theo sự sống, cũng như cách thức tư tưởng tạo ra hình thể, và làm thế nào để năng lực sáng tạo có thể tác động, mặc dù sự việc này chỉ được thấu hiểu hoàn toàn ở những vùng cao hơn cõi trung giới.

Về phương diện lịch sử, nhà viết sử sẽ thấy rõ những sự kiện đã xảy ra, khi họ đọc những ký ảnh trung giới phơi bày trước mắt. Lịch sử sẽ không còn được viết theo thành kiến phía này hay phía kia, không theo chiều hướng hoặc quan niệm riêng của người viết. Các sử gia có thể trở về quá khứ, sống và sinh hoạt trong cảnh tượng mà họ miêu tả. Lịch sử được miêu tả từ những ký ảnh trung giới, với những cảnh tượng sống động, và sử gia dường như sống thực trong giai đoạn đó, họ theo dõi từng hoạt động của những nhân vật trong quá khứ. Như hiện tại chúng ta đang sống và hoạt động giữa những người chung quanh, sử gia sống và hoạt động trong thế giới mà chúng ta gọi là quá khứ.

Còn nghệ thuật, dù chỉ xét trên quan điểm cấu trúc, sẽ đôi khác như thế nào? Ở cõi trung giới có rất nhiều màu sắc chói, linh hoạt, trong suốt, nhiều sắc thái tuyệt đẹp và êm dịu, và hình thể thay đổi theo nhiều trạng thái khác nhau. Dù họa sĩ diễn tả lại trên khung vải vật chất, cũng có vẻ rực rỡ và xinh đẹp, phản ánh phần nào cõi trung giới. Khi nhạc sĩ viết lên một tấu khúc vĩ đại hay một hòa âm tuyệt diệu, không những họ tạo ra những âm thanh quyến rũ, mà còn làm nảy sinh những màu sắc theo sau những âm thanh phát ra. Mỗi tấu khúc sẽ tạo nên những âm thanh cũng như những chuỗi màu sắc chói sáng, với vẻ đẹp mà hiện nay con người chưa mơ tưởng đến, với sự hoàn hảo, sắc sảo chưa được biết.

## BỀ MẶT QUYỀN NĂNG CỦA CÁI THÁP

Từ bề mặt minh triết, chúng ta bước sang bề mặt quyền năng. Trong tương lai, nền tảng cũ của xã hội sẽ được thay thế bằng những cơ chế mới. Mỗi chức vụ trong nước được xếp đặt có trật tự, được chọn lựa theo khả năng thích hợp và trình độ tiến hóa của mỗi người. Nhờ thị giác thể vĩa,

những vị điều hành quốc gia có thể thấy được hào quang (aura)<sup>1</sup>, do đó biết được năng lực và tâm tính của mọi người, và xếp đặt họ vào đúng khả năng.

Những đặc tính và năng lực của mỗi người được biểu hiện tổng quát trong hào quang, cho thấy họ thích hợp với vai trò nào. Như thế, nếu sắp xếp mọi người theo sự biểu hiện trong hào quang sẽ tạo nên sự hòa điệu và công bằng cho tất cả. Mọi người đều có lòng tin vào khả năng thị giác của các vị điều hành, và hoạt động theo ngành thích hợp mà họ được giao.

Người trẻ tuổi phát triển theo những đường hướng được chọn lựa, dựa theo màu sắc, tính chất và độ lớn của hào quang; như thế, họ có thể tận dụng tối đa năng lực tiềm ẩn bên trong. Khi con người làm việc đúng với khả năng và ý hướng, họ sẽ vui vẻ trong công việc. Công việc chỉ mang lại đau khổ khi nó chống lại năng lực mà chúng ta có, khi nó không thích hợp với khả năng chúng ta. Nếu mọi người làm việc đúng với khả năng và ý hướng của họ, sẽ có sự vui lòng và hài hòa trong xã hội; trái lại, nếu đa số làm việc không đúng với khả năng và ý hướng, sẽ có nguy cơ xã hội xáo trộn.

Nếu nhiều người nhận thức được sự thông khổ và rối loạn xảy ra ở cõi trung giới, do chiến tranh ném vào đó nhiều linh hồn đang sợ hãi và phần nộ, thì những quốc gia đó sẽ không gây hấn và tạo ra chiến tranh. Nếu có thể theo dõi đời sống sau khi chết của những tội phạm bị xử tử, người cầm cân công lý sẽ thấy những linh hồn này có thể làm hại xã hội nhiều hơn là khi họ còn sống và bị giam cầm, do đó sẽ không có những bản án tử hình.

Cách đối xử với loài thú cũng được thay đổi, con người sẽ có bản phận đối với loài vật như đàn em nhỏ dại. Thế gian sẽ không còn những lò sát sinh, không có những tiệm bán thịt bị vây quanh bởi những thực thể tinh linh và những hình thể trung giới đáng ghê sợ, chúng bị đẩy ra khỏi thể xác trong cơn sợ hãi khủng khiếp. Bị con người giết hại, những sinh vật này khi trở lại thế gian mang theo những rung động chứa đựng sự thù ghét và nghi ngờ đối với con người, ảnh hưởng đến những thú vật sống trên trái đất và tạo thành “bản năng” chống lại loài người. Khi hiểu biết, con người sẽ không còn săn bắn với mục đích “thể thao”, vì họ không muốn bàn tay mình bị dính máu những sinh vật vô tội. Loài người sẽ không còn là nguyên nhân chính mang lại thống khổ cho thế gian.

Khi con người nâng tâm thức lên cõi trung giới, sẽ có nhiều thay đổi lý thú làm cải thiện toàn xã hội, và sự sống trên trái đất sẽ tốt lành hơn.

## VÙNG HOẠT ĐỘNG CỦA THỂ TRÍ

<sup>1</sup> Aura (hào quang) là một vùng ánh sáng hình bầu dục bao quanh thể xác; người có thông nhãn nhận thấy được nó. Những đặc tính của con người được phản ánh trong hào quang.

Sau cõi trung giới, chúng ta hãy tìm hiểu sơ lược về cõi thượng giới, là cõi của thể trí, cho nên còn được gọi là cõi trí. Sẽ đến lúc nhân loại tiến lên vùng tâm thức cao cả này, và có thể sinh hoạt trong thể trí cũng như dùng những giác quan thể trí.

Đây là một thể giới phi thường kỳ diệu không tả xiết, với những màu sắc sáng chói, ánh sáng quang huy, âm thanh du dương, với sự sống mãnh liệt. Nơi đây, lời nói biểu hiện bằng màu sắc, nhạc điệu, và những hình thể sống động tỏa sáng rực rỡ. Ở cõi trần, con người nói và nghe những câu vụng về, những biểu tượng bằng ngôn ngữ chỉ diễn tả một phần nhỏ của tư tưởng khi xuyên qua bộ óc. Ở thượng giới không cần những lời phát ra ngập ngừng, từ tiếng một như ở cõi trần, mà tư tưởng được truyền thẳng từ cái trí này đến cái trí kia. Chất liệu cõi thượng giới rất mịn màng, cho nên mỗi tư tưởng lập tức tạo ra một hình thể.

Ở cõi trí, khi suy nghĩ, những hình tư tưởng phóng ra chung quanh, chúng có nhiều màu sắc sáng chói, mạnh mẽ và linh hoạt, chúng thay đổi rất nhanh và liên tục, hấp dẫn không thể tả xiết. Tư tưởng càng tốt lành, hình tư tưởng càng tươi đẹp; tư tưởng càng trong sạch, thanh cao, hình tư tưởng càng rõ ràng và linh động.

Tất cả những gì ta nghĩ đến đều hiện ngay trước mặt. Khi nghĩ đến một người bạn, hình ảnh bạn mỉm cười ở trước mặt ta; khi nghĩ đến một nơi chốn, lập tức ta đứng ngay ở nơi đó. Không gian không thể chia cách, vì cái trí không bị giới hạn.

Ở những vùng thấp của cõi thượng giới, thời gian bắt đầu biến mất, quá khứ, hiện tại và tương lai bắt đầu tan biến vào giây phút hiện tại, nhưng chưa hoàn toàn.

Ở thượng giới, tư tưởng diễn tả bằng hình thể, màu sắc và âm nhạc, do đó thể giới chung quanh con người rất sống động, vì chất liệu kỳ diệu cõi này uốn nắn theo những rung động của tư tưởng họ.

Mọi vùng của cõi chân phúc đều sáng chói với những màu sắc chưa từng được biết đến khi còn ở thế gian, với âm nhạc du dương mà thính giác xác thân không thể nghe được. Sự sống ở đây là một niềm phúc lạc không thể tả, không có điều xấu hay không hòa điệu nào có thể khuấy phá sự phúc lạc đó được. Không có dấu hiệu nào của sự bất hòa có thể thâm nhập vào cõi này, vì tư tưởng không hòa điệu, không cao đẹp, không thể diễn đạt được ở đó. Mỗi sự thay đổi hình thể dường như tốt đẹp hơn trước; mỗi sự thay đổi âm thanh làm cho nó phong phú hơn, dịu dàng hơn. Nếu một người đang nghe thuyết trình trong giảng đường, có giác quan cõi thượng giới thức tỉnh và linh hoạt, trước khi những lời nói thốt ra từ miệng diễn giả, người ấy sẽ thấy được toàn thể giảng đường tràn ngập âm nhạc, màu sắc và hình thể diễn

đạt tư tưởng của diễn giả. Những giác quan được kích thích và linh hoạt cùng lúc, vì ở cõi này mọi giác quan chỉ là một.

Khi giao tiếp, thể trí của người kém tiến hóa tiếp xúc trực tiếp với thể trí của vị tiến hóa cao, cho đến mức độ mà thể trí kém tiến hóa có thể vươn tới được. Kiến thức tuôn ra từ thể trí của vị tiến hóa cao rất phong phú, tràn đầy, mà tiếp nhận được nhiều hay ít là do khả năng của thể trí người thấp kém. Trí tuệ vị tiến hóa hóa cao dường như bao bọc và thẩm thấu vào thể trí của người tiếp nhận, và thể trí người tiếp nhận càng lúc càng như phóng sâu vào một đại dương minh triết.

Ở cõi này, lòng từ ái bao trùm rất xa, và niềm hạnh phúc tuôn tràn ra theo những vận hà mới. Người ở cõi trời chân phúc chuyển tiếp năng lực thuộc về những cõi cao xuống những cõi thấp hơn, để cũng cố và soi sáng trí óc con người. Ảnh hưởng này dành chung cho toàn thể chứ không cho từng cá nhân, và trợ giúp con người có được tư tưởng cao thượng hơn, cho họ thấy được chân lý rõ ràng hơn. Ảnh hưởng này được ghi khắc vào trí của quần chúng, mà bộ óc xác thân nhiều khi không nhận thức được.

Một phần sự trợ giúp này nhắm vào những người làm việc bằng trí não, đưa ra gợi ý về một tư tưởng mới, một khám phá khoa học, một thiếu sót trong kiến thức. Phần cao của cái trí họ tiếp nhận những hiểu biết này và truyền đạt xuống phần thấp của cái trí. Trong việc truyền đạt này, phần cao của cái trí (thượng trí) phải chế ngự và soi sáng phần thấp của cái trí (hạ trí), vì hạ trí từ lâu đã quen với tiến trình suy luận chậm chạp.

Như thế, những người đã đạt đến cõi chân phúc có thể góp phần trợ giúp nhân loại kém tiến hóa. Đối với những người tiến hóa khá hơn, có cái trí được huấn luyện, có thể tạo ra những tinh linh<sup>1</sup> mạnh mẽ, và gợi xuống để giúp đỡ thế gian; họ cũng có thể gây cảm hứng cao thượng cho những người đang lần mò tìm chân lý. Tư tưởng của những người tiến hóa đang ở cõi trời chân phúc, tạo ra hình tư tưởng và được năng lực từ sự sống cõi này làm tăng sức mạnh, những hình tư tưởng rất mạnh đó có thể giúp vô số nhân loại.

Đạt được sự hiểu biết ở cõi này khác xa ở những cõi thấp, nó không do quan sát phần hình thể, mà là thông hiểu tận bản chất, không do nhận xét kết quả, mà do hiểu thấu từ nguyên nhân. Minh triết của cõi này là thấy, nghe và biết; nó chú trọng đến nguyên nhân thay vì hiệu quả của sự vật, đến chính sự vật thay vì vẻ bên ngoài của chúng. Con người ở cõi trời chân phúc nhìn thấu về tương lai, tạo ra căn nguyên có tác dụng trong nhiều thế kỷ tới, trợ giúp sự phát triển trên nhiều phương diện.

<sup>1</sup> Tinh Linh (elementals) là những lực thiên nhiên hữu hình ở cõi trung giới và những cõi khác, chúng có thể được sai khiến để làm nhiều việc khác nhau.

Khi càng tiến lên cao, những bề mặt của cái tháp càng gần nhau hơn, những hoạt động trên phương diện tình thương, minh triết và quyền năng càng trộn lẫn nhau. Con người tiến hóa chậm chạp từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ thiên niên kỷ này đến thiên niên kỷ khác. Nếu nhìn lại hàng triệu năm trong quá khứ, ta thấy con người vẫn lần mò leo lên theo những đường lối khác nhau. Nhưng sự tiến triển sẽ được thúc đẩy nhanh hơn rất nhiều, những trở ngại sẽ được vượt qua, và tất cả mọi năng lực sẽ trợ giúp một cách có ý thức để con người thành đạt bản chất thiêng liêng.

## CẢNH GIỚI ĐẠI ĐỊNH

Bên ngoài cõi thượng giới huy hoàng còn có cõi khác xán lạn hơn, đó là cảnh giới của đại định, trong nhân loại hiện tại chỉ có một số ít người có thể hoạt động trên cảnh giới đó, đa số còn lại hoàn toàn không biết về nó. Trong cảnh giới này, đặc tính tư tưởng hoàn toàn thay đổi, không còn như cái mà chúng ta gọi là “tư tưởng” ở những cõi thấp. Tâm thức mất đi những giới hạn, và rộng mở một cách mới mẻ, lạ lùng. Tâm thức vẫn biết nó là chính nó, đồng thời mở rộng ra bên ngoài để nhận biết những cái ngã khác như là một với nó; như thế, nó cũng bao gồm tâm thức của người khác. Nó sống, hít thở, cảm giác với những sự sống khác, đồng hóa với những sự sống khác, nhưng vẫn biết trung tâm của chính nó. Nó bao dung những sự sống khác vào lòng, và tự coi như là một với chúng, cùng lúc nó vẫn duy trì chính nó. Không lời nào có thể diễn tả chính xác, chỉ có kinh nghiệm mới có thể biết được.

Sự mở rộng tâm thức này cho con người cảm giác về sự duy nhất. Sự phân chia ở thế gian biến mất, vì chúng ta đang ở gần trung tâm nhìn ra bên ngoài với cảm giác duy nhất, thay vì ở ngoại biên nhìn thấy đa tạp. Đây là sự kết hợp với những vị cao cả hơn, và nhận thức tính chất duy nhất đối với những người thấp kém hơn; nhận thấy được trong bản chất tinh thần, nhân loại là duy nhất, thay vì đa tạp trong sự biểu lộ ở cõi vật chất. Từ đó sự cảm thông tuôn tràn ra, sự cảm thông thấy và biết chính nó trong mỗi linh hồn con người, thông hiểu tất cả, cho nên có thể trợ giúp tất cả. Nó có cùng cảm giác với tất cả, cho nên có thể nâng cao tất cả. Thị giác này nhận thấy con người như họ sẽ là trong tương lai (nếu chúng ta có thể nói như thế), nhận ra con người trường tồn, chân thật của họ.

Ở mức độ này, ta có thể tìm ra giải đáp cho những vấn đề không thể hiểu thấu, và biết được những điều dường như không thể nào biết được ở những cõi thấp. Khi ấy người đệ tử càng ngày càng vượt lên cao hơn, minh triết đạt được càng thâm sâu hơn, năng lực càng vững mạnh hơn, tình thương càng bao trùm hơn. Linh hồn trong trạng thái hoàn toàn tự do cảm

thấy dường như không còn nơi nào cao hơn, không còn điều gì mà nó chưa nhận ra.

## NIẾT BÀN

Còn một thế giới cao cả hơn, sẽ mở rộng trước linh hồn thức tỉnh, và sẽ làm những kinh nghiệm trước đây trở nên bé nhỏ. Còn một giới hạn khác trong tầm với của nhãn quan linh hồn; không phải trong tầm với của tư tưởng con người, mà trong một giới hạn nào đó con người có thể hiểu được. Niết bàn bao gồm mọi vinh diệu nhất của nhân loại, mỗi tình trạng của nó có thể được nhận thấy, chứ không phải chỉ là những giấc mơ êm đềm. Sự sống ở đó vượt ngoài mọi tư tưởng về sự sống, ba phương diện: minh triết, quyền năng và tình thương cao cả không thể tưởng tượng được. Sự sống ở mặt đất chỉ là sự chết nếu so sánh với sự sống ở đó; nhãn quan cõi trần chỉ là sự mù lòa và sự khôn ngoan của chúng ta ở cõi trần chỉ là sự khờ khạo nếu so với minh triết ở cõi đó.

Đó là mục đích cuộc đi hành hương của con người, là quê hương thật sự, là thế giới mà con người thuộc về. Mọi tia sáng soi đường cho chúng ta trên hành trình mệt mỏi đều xuất phát từ đó. Chúng ta sống, kinh nghiệm và leo lên từ cõi trần đến cõi trung giới, từ trung giới đến cõi chân phúc, từ cõi chân phúc đến cõi đại định, cuối cùng từ cõi đại định đến cõi niết bàn. Sau cùng ta thấy chính ta đã đến từ Thượng Đế, tâm thức ta là phản ảnh tâm thức Ngài, là một tia sáng từ tâm thức Ngài.

Không bao giờ có sự chấm dứt, nhưng tạm cho đây là cuối cùng của giai đoạn này, của sự tiến hóa cao cả này, đến lượt mỗi người sẽ thành một vị Thượng Đế mới của một vũ trụ mới. Mỗi người là bản sao hoàn hảo của Ánh Sáng từ đó ta đến, để rồi sẽ mang Ánh Sáng đó đến những thế giới khác, và thành lập một vũ trụ mới. Công việc đang chờ đợi ta là sự tăng trưởng để thành một Thượng Đế cao cả, khi ấy ta sẽ là nguồn cội của sự sống mới cho mọi người, và mang Ánh Sáng chứa đựng trong chính ta đến những vũ trụ khác.

Không lời nói nào có thể diễn đạt chính xác con đường ấy, không tư tưởng nào dù được truyền trực tiếp từ cái trí này đến cái trí kia, có thể đưa ra hình ảnh đích thật, dù mờ nhạt, của những gì sẽ là. Những điều phác họa ở trên chỉ đơn sơ và không hoàn hảo. Vâng, đó chỉ là phác họa về tương lai đang chờ đợi chúng ta, một tia sáng, dù chỉ mờ nhạt, của Ánh Sáng quang huy sẽ được phát lộ.

---HẾT---





